

TRƯƠNG QUANG

Mùa đông phương Tây & nỗi lòng phương Đông

tùy bút



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ
TP.HCM - 2011



ĐẠI HỌC
HOA SEN



Mục lục

1. [Nỗi lòng tuyết trắng](#)
2. [Vĩa hè và linh hồn thành phố](#)
3. [Một ngày trên quê hương](#)
4. [Về miền Trung](#)
5. [Nửa ngày ở Hà Nội](#)
6. [Cây hoa súng và con chim cu](#)
7. [Những con chim cuối cùng](#)
8. ["...Huế của ta ơi"](#)
9. [Người "Quá Khổ"](#)
10. [Văn hóa xe buýt công cộng](#)
11. [Đi xe buýt mẫu](#)
12. [Văn minh xe khách](#)
13. [Cạnh tranh bằng văn hóa kinh doanh](#)
14. [Bát phở Bắc](#)
15. [Mùa Đông Phương Tây và Nỗi Lòng Phương Đông](#)
16. [Cuối năm và những người không nhà](#)
17. [Góc gió lộng](#)
18. [Núi và Biển](#)
19. [Rừng thu](#)
20. [Thiên nhiên và Con người](#)
21. [Thiệp chúc xuân](#)
22. [Thông điệp cuối năm](#)
23. [Tiếng chim hót buổi sáng](#)
24. [Vật và Người](#)
25. [Một ngày hội](#)
26. [Một ngày trên ba biên giới](#)
27. [Bao giờ bắt kịp Thái Lan?](#)
28. [A-chang bám cày](#)
29. [Cái lễ trong xã hội](#)
30. [Chiều cuối tuần](#)
31. [Văn minh công nghiệp](#)
32. [Tính thực dụng](#)
33. [Cổ tri tương ngộ](#)

34. [Mùa thu Nam kinh](#)
35. [Giã từ Giang Nam](#)
36. [Thượng Hải xanh](#)

Nỗi lòng tuyết trắng

(Thay lời giới thiệu)

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

T

hời nay, một nhà khoa học say mê văn chương không còn là hiện tượng hiếm thấy trong cuộc sống. Nhưng một nhà khoa học mà yêu văn học đến mức mấy chục năm liền, cùng với thời gian dành cho những công trình nghiên cứu và những cuốn giáo trình, không lúc nào rời khỏi những trang văn và những trang thơ, vẫn đều đặn có mặt trong đời sống văn học và báo chí, thì quả là một hiện tượng hiếm có.

Tác giả tập sách này là một người như vậy. Là một trong những chuyên gia hàng đầu về ngành quản trị hành chính công, chiến lược phát triển kinh tế và nguồn nhân lực, sau nhiều năm sinh sống và làm việc ở Hà Lan, hơn mười năm qua, Trương Quang được mời sang giảng dạy tại các trường đại học ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vientiane, Bangkok, Chiangmai, Thượng Hải... theo chương trình hợp tác đào tạo giảng viên của Thụy Sĩ và Viện Công nghệ châu Á (AIT). Thời gian đó ông thường xuyên cộng tác với một số tờ báo trong nước và đã cho xuất bản một tập thơ có nhan đề Giọt sương lạc loài. Riêng về thể tạp bút, Trương Quang là một cái tên quen thuộc với những đoạn văn vừa tinh tế vừa giàu chất suy tưởng.

Từ khoảng một thập niên trở lại đây, trí thức người Việt cầm bút ở hải ngoại tham dự vào đời sống văn hóa trong nước cũng không còn là một hiện tượng lạ. Nhưng một trí thức làm việc ở xa Tổ quốc, chỉ thi thoảng về thăm quê hương, mà hầu như lúc nào cũng canh cánh nỗi lòng về những vấn đề của đất nước mình, từ chuyện vỉa hè bới lên đào xuống, chuyện tiếp thị món ăn Việt và xe buýt mẫu cho đến chuyện tổ chức Sea Games và quá trình đô thị hóa, như Trương

Quang, thì không phải nhiều lắm. Đây là một người trí thức ưu thời mãn thế, không bàng quan đến từng thay đổi nhỏ nhất trong đời sống dân tộc mình.

Nhưng quan tâm cũng có nhiều cách. Và sự quan tâm nào thì cũng không thể tách với cái riêng của từng người. Là nhà khoa học, có điều kiện đi đến nhiều nơi, thường xuyên tiếp xúc với thế giới hiện đại, tất nhiên, trong những điều cuốn sách bàn luận, Trương Quang dành ưu tiên để quảng bá tính tiêu chuẩn và tính tổ chức của nền văn minh công nghiệp. Tác giả suy nghĩ về tính thực dụng của người Thái và xem có thể áp dụng nó vào cách quản lý và làm ăn của người Việt mình hay không. Ông trăn trở về việc nâng cao chất lượng phương tiện giao thông và văn hóa công cộng. Ông đưa ra những giải pháp khả thi để thúc đẩy sự cạnh tranh bằng văn hóa kinh doanh. Thậm chí ông còn gợi ý cả việc cải tiến những chuyến xe khách đường dài.

Dù vậy, tính chất hiện đại trong những bài tạp bút của Trương Quang không những không che khuất mà còn hòa quyện với chất thơ trong văn ông, thậm chí có thể nói đó là hai mặt của một tờ giấy. Ở đây, chất thơ của thiên nhiên và của hồn người đã tạo thành phong cách của những bài tạp bút. Tôi rất thích những đoạn văn Trương Quang viết về thiên nhiên. Hãy nghe ông tả những bông súng tím trong vườn trường AIT: “Từ một củ nhỏ giấu mình trong lớp bùn dày suốt mùa đông, một hôm nào đó không hẹn trước, một sức sống bứt ra, hối hả đẩy cọng cây xanh qua lớp nước sâu, rồi thở phào dưới ánh mặt trời rạng rỡ. Hoa và lá cùng ngả sóng soài trên mặt nước chan hòa ánh sáng. Thoạt tiên chỉ là một chút màu tím nhạt, e ấp nhú khỏi một chiếc nụ xanh đầy đặn, như đôi môi ngọt của một thiếu nữ mới tập thoa son. Rồi bỗng dựng cái nền màu tím nhạt đó tăng nồng độ, mọng lên những đường cong đậm nét, dưới mặt trời rùng rục sức sống. Những cánh hoa tách ra, mở rộng, phơi bày hết tất cả những góc cạnh cần giấu giếm, trong một động tác dâng hiến hoàn toàn, giữa những tán lá tròn bao quanh như muốn bảo vệ, trông chừng”. Viết về vẻ đẹp và sức quyến rũ của hoa mà như hòa điệu với vẻ đẹp và sức quyến rũ của con người.

Còn đây là những dấu chân chim én trong một mùa đông giá rét châu Âu: “Một tuần trước cuối năm, tuyết bắt đầu rơi. Những bông tuyết trắng phau, nhẹ nhàng đậu trên cây cỏ trong vườn như rải bột. Khắp nơi chỉ một màu trắng nhưng nhúc. Lâu lắm mới thấy một “Giáng sinh trắng”. Tôi nhìn ra vườn, trên tấm thảm tuyết bỗng hiện rõ những vết chân chim tách bạch ba chạc. Những con chim én đã dùng chiếc mỏ bé tí, khơi những mẩu bánh mì khô đã bị tuyết phủ kín từ đêm qua. Chúng bước những bước chậm rãi, như quên đi cái lạnh giá mang theo từ những bông tuyết trắng đổ xuống trên đám lông đen tuyền. Những dấu chân chim để lại như chính vết chân tôi, lạc lõng vô cùng trên một vùng đất mông lung, không bến bờ”. Thiên nhiên đã đi vào đời người và mang giữ hình bóng của con người như vậy đó.

Thiên nhiên thì gọi cảm, còn những phận người mới là niềm ám ảnh. Những khoảng lặng trong văn Trương Quang khiến người đọc phải dừng lại còn là khi ông kể về nỗi lòng cố tri giữa người khách tha phương với cụ già bán khoai nướng trong một góc sân Trường Đại học Nam Kinh; về “những người đàn bà gồng gánh, chân trần chạy qua những đồi cát cháy bỏng ở Quảng Trị, nơi mà những ngọn cỏ non chưa kịp ngậm sương buổi sớm đã bị mặt trời nung đến khô queo, đến nỗi chỉ cần đụng tay vào là bay tơi tả như bụi tro”; về tiếng ru con u uẩn chứa đầy tâm sự của người thiếu phụ trong một buổi trưa hè xứ Huế.

Có một sợi dây liên lạc nào đó thật mảnh mai mà cũng thật bền chặt nối kết tâm hồn tác giả với những con người ấy. “Nói cho cùng, tôi chỉ cách quê hương hơn một giờ bay!”. Nhưng một giờ bay hay hai mươi bốn giờ bay hẳn đâu phải là điều quan trọng, khi mà “quê hương vẫn theo sát tôi trong từng bước chân, mỗi nhịp đập”, như Trương Quang đã viết.

2006 H.N.P.

Via hè và linh hồn thành phố

C

ho mãi đến tận đầu tháng sáu, cơn hạn “bà Chấn” hàng năm vẫn kéo dài như không muốn dứt giữa những lời bàn tán, lo âu về sự tái diễn của hiện tượng El Nino. Mới sáng sớm mà mặt trời đã đổ xuống từng cơn nóng rát da. Những bóng râm dọc những con đường vốn phủ lá xanh như thu nhỏ lại, đáng nhẽ nhục. Trên đường phố không khí như đặc quánh lại vì khói xe tắt bật và bụi bặm, đủ loại tạp âm, khiến người đi đường tưởng như ngộp thở, mặc dù đã che mặt và miệng cẩn thận bằng khẩu trang... Nếu không có chuyện cần phải ra đường hẳn chẳng ai muốn ra khỏi nhà. Đó chính là lúc một câu hỏi thường đến với bạn: “Trước đây thành phố có như thế không?”

Chỉ trong vòng vài chục năm nay, thành phố đã “thay da đổi thịt”, nhanh đến nỗi một người tinh mắt cũng khó lòng chỉ ra được cái gì thực sự còn lại của “Sài Gòn năm xưa”(sic). Trên nhiều mặt, thành phố đã phát triển theo “cấp số nhân” (dân số, xây dựng, nhà cửa, quán xá, sản xuất, rác thải, xe cộ...), trong khi phần lớn những điều kiện “hỗ trợ” lại chỉ phát triển theo “cấp số cộng” (đường sá, cầu cống, trường học, khu gia cư, bệnh viện, công viên...) hoặc thậm chí theo “cấp số trừ” (phương tiện chuyên chở công cộng, thái độ tuân thủ luật lệ lưu thông trên đường phố, không khí trong lành, tỉ lệ cây xanh cho mỗi cư dân...). Một trong những cái giá cao nhất phải trả cho cuộc đô thị hóa “tự phát” và “tích cực” trong những năm qua là do thiếu qui hoạch, chuẩn bị và phối hợp đồng bộ, những chương trình “làm đẹp thành phố” đã vô tình làm mất đi một “phần hồn”, vốn đã tạo nên cái dáng vẻ thanh cao và kiêu diễm đặc trưng của một thành phố đã từng “đi trước” một quãng rất xa so với nhiều nơi trong khu vực.

Nhà văn Mỹ Graham Greene từ trên không trung nhìn xuống “Sài Gòn” trong những năm đầu thập kỷ bốn mươi đã cảm nhận thấy sự

đài các và trang nhã của cái thành phố nhiệt đới cực nam này (ông không thích cái tên gọi “hòn ngọc viễn đông” mấy!). Ông tả về cái ấn tượng đầu tiên khi nhìn qua khung cửa sổ máy bay, chỉ thấy “một màu xanh mênh mông và những mái ngói màu cam xinh xắn ánh lên rộn ràng trong nắng rỡ ràng...”. Khi thật sự “hòa mình trong lòng thành phố”, ông kể đã có những giây phút thư giãn trên sân thượng của khách sạn Continental, ngã người đón gió mát cuốn lên từ phía Cột cờ Thủ Ngữ; hay thú vị hơn, những cuộc dạo cuối chiều nhàn nhã qua các vỉa hè lát đá tảng đều đặn rợp phủ bóng cây... Chẳng thấy nhà văn than phiền hay ca cẩm về cái nóng thánng Tư hầm hập và bụi khói nặng nề gì ráo. Vậy mà cái ông nhà văn khó ưa này (tác giả cuốn “Người Mỹ trầm lặng” – The Quiet American) trước đó đã từng được hoàng gia Thái chiêu đãi trọng thị trong suốt thời gian ở lại Bangkok trị bệnh vì bất ngờ bị... sốt rét ác tính!

Chẳng cần phải có trái tim “nhạy cảm” như nhà văn, nhà thơ mới cảm nhận được cái “hồn” màu nhiệm của thành phố. Những ai đã từng là cư dân của “Sài Gòn - Bến Nghé” cho đến những năm đầu thập kỷ bảy mươi đều có thể chia sẻ những hoài niệm tốt đẹp của Graham Greene về thành phố như thế. Nhiều cư dân kỳ cựu của thành phố vẫn còn nhớ “con đường Duy Tân cây dài bóng mát”, “xác lá me rụng rơi trên tóc trên vai” ai kia, đã từng là khung cảnh của những cuộc tình lãng mạn của sinh viên Luật khoa một thời. Rồi những vỉa hè rộng rãi, lát bằng những tảng đá vuông vức, đều đặn mang về từ những ngọn núi xa, ghi dấu những bước chân dạo chơi của bao thế hệ, trên đường Đồng Khởi, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Du, Pasteur, Lý Tự Trọng... Những vỉa hè đó thường không có dáng vẻ và không khí hối hả, tấp nập tiếng chân, cũng không quá tải, chộn rộn vì những hàng gánh bán buôn và xe cộ tấp cậ như ngày nay, khiến khách nhàn du có được những phút thư giãn cuối ngày cần thiết sau những giờ nhọc mệt chuyện “cơm ăn áo mặc” trong ngày. Nắng chiều hơi gay gắt ư? Bạn có thể dừng chân ghé vào quán “Ngôi chùa” (La Pagode), gọi một ly trà nóng, tì cánh tay lên thềm lan can, lắng nghe tiếng nhạc dịu dàng từ khu công viên nhỏ phía trái vọng sang, nơi thường có những buổi trình diễn của nhiều ban nhạc giao hưởng vào mỗi chiều thứ Bảy (nay là Gallery

bán tranh!). Cuộc sống thật bình thường, thanh nhã, nhưng thi vị và lãng mạn biết bao.

Tất cả những mẫu đá lót lề đường xinh xắn, những hàng cây tỏa bóng râm xanh mát, những ngôi quán yên ả với nhạc nền vừa đủ nghe, bầu không khí thư giãn, những bước chân thong thả trên vỉa hè, tiếng ve sàu rả rích, tiếng chim hót rộn rã... trải qua nhiều năm tháng đã trở thành “phong cách” linh động, đặc thù của thành phố, như một phần hồn duyên dáng chuyển từ thế hệ cư dân này sang thế hệ khác. Vì thế, đã có người sốt ruột và chẳng mặn mà lắm với những đợt “làm đẹp” vỉa hè thành phố bằng những mẫu gạch “con sâu” và những hàng cau khểng khiu, vừa “vô hồn” vừa “vô sắc”, khiến bộ mặt vỉa hè thành phố trở nên ...“vô duyên”.

Nói cho cùng, vỉa hè của thành phố cũng tương tự sắc đẹp của một mỹ nhân, nếu không tô điểm thêm thì cũng đừng nên “bơi lên, đào xuống” nhiều lần, tội nghiệp cho cho tám thân *Kiều* lắm lắm!

06-2002

Một ngày trên quê hương

T

ôi quen một người bạn miền Bắc khá thân. Trong những chuyến ra thăm Hà Nội, tôi và người bạn thường đạp xe qua các khu phố cổ nhỏ, có khi vượt đê Cổ Ngư, lên tận Quảng Bá, nơi tôi đã có lúc lưu lại vài ngày, tập tành làm một anh “*tắm*” (từ của dân Hà Nội dùng để chỉ người sống ở thôn quê). Hai chúng tôi cùng mê cái hương thơm thoang thoảng của hoa sữa trong những đêm đầu thu thanh vắng và những khoảng xanh thoáng mát của cỏ, cây và những mặt hồ trầm lắng của Hà Nội.

Người bạn trẻ của tôi tốt nghiệp khoa tâm lý từ một viện đại học ở Moscow, về nước làm ở Ủy ban Khoa học xã hội, chuyên về tâm lý trẻ em. Ngoài giờ còn phụ thêm ở Trung tâm trẻ khuyết tật và thực hành trị liệu tâm lý cho trẻ em “có vấn đề” ở Bệnh viện Đổng Đa. Tối đến còn đứng lớp Anh ngữ dành riêng cho người lớn tuổi ở Trường Amsterdam, trong khu Giảng Võ.

Quần quật suốt ngày với một lịch “kín” như thế, nhưng đời sống của bạn tôi rất chật vật, nếu không nói là rất túng quẫn. Chỉ cơm rau qua ngày, áo quần giản dị, nhà trọ nhếch nhác tạm bợ. Thế mà từ người bạn vẫn toát ra một phong thái lạc quan, tự tin, tự mãn rất hiếm hoi giữa dòng người qua lại đương thời. Tôi chưa từng nghe người bạn trẻ của tôi than phiền bao giờ. Tôi quý và trọng người bạn tôi là vì thế.

Chiếc xe đạp của người bạn vốn đã già nua, trở nên quá tải khi phải gánh sức nặng của hai người “trí thức”. Đôi lúc chúng tôi phải dùng chân để thắng những khi phải lách giữa rùng xe cộ hỗn tạp. Có lúc tôi đã cố tìm một dịp để “phục chế” (và nếu có thể “tân trang”) chiếc xe để bảo đảm an toàn tối thiểu cho người sử dụng. Và tôi đã nhân lúc chờ người bạn đang thực hành trị liệu ở Bệnh viện Đổng Đa (với thù lao 5.000 đồng cho hai giờ) để thực hiện ý định đó.

Người sửa xe trước cửa bệnh viện trông đã ngoài sáu mươi, hẳn là một hưu viên kiếm tiền độ nhật, dáng thanh nhã, ăn mặc gọn ghẽ. Ông quan sát tôi từ đầu đến chân. Có lẽ thấy tôi mang giày, áo bỏ vào quần tử tế, ông hỏi tôi như muốn diễn tả một điều thương xót cho người đồng cảnh:

- Ông làm sao mà đến nỗi phải đi chiếc xe đạp khổ sở như thế này?

Khi tôi giải thích cho ông sở hữu chủ của chiếc xe là bạn tôi, người đang phụ trách chữa trị tâm lý ở bệnh viện đối diện, ông không nói gì, làm như chăm chú vào việc sửa chữa bộ thắng. Một lúc sau, vẫn không nhìn lên, ông nói như cho chính mình trong một tiếng thở dài:

- Như thế thì nhiều người quả là có tội!

Để khỏi chờ đợi, tôi hẹn người sửa xe sẽ trở lại trong vòng một giờ. Tôi thả bộ dọc theo con đường trước bệnh viện, cố tìm một “cái gì” giản tiện cho bữa ăn trưa. Tôi để ý đến một bà cụ với mấy cái bánh chưng bày bán trên một chiếc thùng gỗ nhỏ, dùng như sạp hàng. Chỉ cần một cái đảo mắt là có thể ghi chép đầy đủ toàn bộ “cái gọi là quày hàng” của bà. Rất giản dị: hai cái bánh chưng bằng lòng bàn tay trẻ con, vài gói hạt bí, mấy gói đậu phụng rang, một ấm nước vối và một ống điếu cho “khách” hút... nhờ (phải mang thuốc theo). Tôi đoán chừng “tổng giá trị” của cả quày hàng quy ra tiền khoảng chừng 15.000 đồng. Được một điều là mọi thứ đều được xếp đặt ngăn nắp và sạch sẽ, một chuyện khá hiếm hoi ở Hà Nội. Tôi chọn cụ bà là vì thế.

Cụ bà mời tôi ngồi trên chiếc đôn con. Tôi “gọi” một cái bánh chưng và một bát nước vối. Bà lặng lẽ ngồi nhìn tôi ăn và lặng lẽ thu nhật những chiếc lá tôi đặt trên mặt thùng, không xun xoe, không mời đón rộn ràng như điều tôi đã quen ở mọi miền đất nước. Không thấy bà cụ rót nước tôi nhỏ nhẹ nhắc chừng:

- Xin cụ bát nước vối.

Không vội vàng, bà cụ thản nhiên trả lời:

- “Bác” cứ thông thả xơi bánh. Ăn xong, “em” sẽ mời bác dùng nước. Vừa ăn, vừa uống không tốt cho dạ dày.

Tôi nhìn (thật ra phải nói là ngắm) bà cụ, rồi quay mặt ra quăng đường chói nắng, nước mắt tự nhiên ứa ra. Một chút gì vừa ướt, vừa cay, rất riêng tư. Tôi không muốn giải thích sự xúc động đột ngột này (làm sao giải thích được?), nhưng có một điều gì đó khiến tôi không an tâm. Việc một bà cụ ngoài tám mươi dùng “ngôn ngữ xã giao” tôi đọc đâu đó trong những tác phẩm của Ngô Tất Tố (diễn tả một xã hội phong kiến đầu thế kỷ) đã khiến tôi nghi ngờ về bước đi của thời gian, hơn là buồn lòng cho số phận già nua, hẩm hiu của một đời người.

Trên dải đất thân yêu của đất nước đang được vực dậy từ muôn vàn những khó khăn, tôi đã gặp vô số những đồng bào như thế. Cứ vậy, thản nhiên, không giành giật, không kêu than. Họ đã đối xử với tôi rất thân thiện, rất chí tình dù không quen biết, hoặc trong buổi sơ giao tình cờ. Tôi biết ơn và quý trọng họ biết mấy!

Nếu ai đặt cho tôi câu hỏi: tại sao tôi thiết tha trở về với quê hương, tôi sẽ không có một câu trả lời nào dứt khoát và văn hoa. Nếu đọc những chuyện tầm thường ở trên, chắc họ sẽ hiểu. Đất nước ta đã tồn tại và vươn theo lịch sử với những người bình thường như thế!

Amsterdam, tháng 12-1993

Về miền Trung

Q

uê hương em nghèo lắm ai ơi!

Tôi gặp người đàn bà đó lần thứ hai, hầu như vào cùng một thời điểm và ở cùng một địa điểm như năm ngoái trước chợ Đông Ba (Huế), nơi mà những tàng cây thấp lè tè, dù có quần người vện vẹo đến kiệt lực cũng chỉ đủ sức hắt một chút bóng mát xuống mặt đường nhựa cứ như nhảy dựng lên vì phồng lửa, dù đã vào giữa tháng Tám. Ở khoảng trống đó, những người “trốn nắng” tạm thời thường được “mời” mua vé số. Phải dùng chữ *mời* mới đủ diễn đạt cái cung cách tuy thiết tha nhưng chừng mực của những người bán vé số ở Huế. Họ không giống những “đồng nghiệp” xông xáo, có lúc rất phiền hà, ở các nơi khác trên toàn quốc. Ở họ toát ra một tác phong “nghiep dư” rõ ràng như muốn nhắn nhủ người xung quanh: “Này, tôi chỉ bán vé số cầm chừng, tạm thời cho vui thôi nghe”!

Lần này, vì nắng chói chang, tôi đội một cái mũ gòn phủ hết mặt. Người đàn bà từ mái hiên của chợ Đông Ba bước ra, hướng về phía tôi với một đôi mắt không mở hết vì nắng gay gắt, khiến những điều muốn bộc lộ như bị đẩy thêm thật sâu vào tận cuối đáy mắt. Rõ ràng là cái nhìn đó không phải nhằm để tạo sự thương xót cho chính bản thân bà, khiến bạn động lòng ra tay làm một nghĩa cử, vì tập vé số trước sau vẫn còn nằm nguyên vẹn trong lòng tay nắm chặt. Tôi nghe một tiếng thở dài phát ra từ cặp môi nhăn nheo như khô cháy đi vì những cơn gió Lào dai dẳng: “Đi *mô* mà nắng nôi *rúa?*”.

Thế ra cái nhìn thương tâm ấy là dành cho tôi, một người ăn mặc khá chu đáo, đang trú nắng an toàn dưới bóng cây! Cái lối chia sẻ tình mẫu tử giữa đường, từ một người không quen, không biết ấy khiến tôi sửng sờ. Những hành động tiếp theo đến từ vô thức, nhẹ nhàng xuôi chảy như dòng sông êm ả sau lưng. Tôi mở bàn tay của

bà, lấy ra tập vé số, chọn vài tấm, trả tiền, rồi nhét trở lại vào túi của chiếc áo cánh lụa màu mỡ gà ủi rất kỹ. “Xin biểu bác. Mong bác được may mắn hơn cháu”. Cho đến nay, tôi vẫn cho đó là cách ít xúc phạm nhân cách con người nhất, mặc dầu cuộc “trao đổi” xem ra không sòng phẳng chút nào. Điều phiền là tôi không bao giờ mua vé số vì không tin vào những chuyện “lộc trời cho”. Đồng thời, trong những ngày tìm về nguồn, tôi cũng đã thấm thía sự tôn vinh tuyệt đối về phẩm giá của người miền Trung (và cung cách đài các của các ‘mệ’), cái xứ Huế “đói nhãn răng, nhưng vẫn ngẩng cao đầu” của tôi.

Phản ứng của người đàn bà (dĩ nhiên) là dễ hiểu. Cũng với cử chỉ dứt khoát, nhưng khoan hậu của năm ngoái, bà nhất định buộc tôi nhận lại những tấm vé số tương ứng với số tiền tôi đã biểu. Có một chút gì chua xót trong cái nhìn kèm theo cử chỉ từ chối của bà khiến tôi ghen lời.

Vóc dáng khiêm nhường của người đàn bà vừa di chuyển khỏi vùng bóng cây, chưa kịp nhòa ra trong nắng xế trưa, đã quay trở lại: “Tui nhớ rồi. Anh là người tôi đã gặp năm ngoái”. Và không đợi tôi trả lời, bà lặng lẽ quay đi. Tôi đứng tần ngần nhìn theo bà, nước mắt cứ chực ứa ra, tự nhủ thầm mình đã quá lẩn thẩn.

Xứ Huế của tôi vào mùa hè như thế đó: nắng thì thừa mùa mà bóng mát thì hiếm hoi, tựa như điều nghịch lý muôn đời giữa mức gia tăng hào sảng về dân số và độ dè sẻn trong ban phát về tài nguyên thiên nhiên, khiến người miền Trung suốt đời phải loay hoay với cái “vòng kim cô” truyền kiếp, nặng nợ cơm áo thường tình. Mặc kệ số phận bạc bẽo, đa số những con người ở cái nơi “mưa *thúi* đất, nắng cháy da” đó vẫn trụ lại, không chao đảo giữa những kêu réo, lời cuốn rầm rộ của “kinh tế thị trường”, với niềm tự hào muôn thuở, chẳng ... “bán đi mà ăn được một bữa!”, như có người vẫn chua cay.

Mùa hè năm nay tôi đã đi dọc theo dãy Trường Sơn, qua những “xẻo đất” mỏng, gầy gò như những tấm lưng mong manh của các cô gái miền Trung. Điều làm tôi sửng sờ vẫn là sự nghèo khó đến mức đau lòng và cảnh thiên nhiên vừa hùng vĩ vừa tuyệt diệu của những

nơi đã đi qua. Khách đi tàu xuyên Việt không khỏi thương cảm cho những người đàn bà gồng gánh, chân trần chạy qua những đồi cát cháy bỏng ở Quảng Trị, nơi mà những ngọn cỏ non chưa kịp ngậm sương buổi sớm đã bị mặt trời nung đến khô queo, đến nỗi chỉ cần đụng tay vào là bay tơi tả như bụi tro. Những đồi cát bao quanh Đông Hà trắng đến nhức cả mắt, như thể đã được nắng và mưa gạn lọc hết từng chút cặn, chút rác từ khối tinh thể nóng bỏng ấy qua bao nghìn năm. Từ Quảng Bình đến tận Thanh Hóa, đa số vẫn là nhà tranh vách đất, với những vòng sắn, nương khoai, gốc mít... muôn thuở. Nơi đây tôi đã giật mình khi thấy đông đảo trẻ chăn trâu ở lớp tuổi cháu mình, đứng dọc theo đường ray xe lửa giữa tay xin tiền hoặc nài nỉ bán những trái chanh cốm cồi (đặc sản của địa phương!) cho khách đi tàu. Thế nhưng, cũng bên cạnh những điều đau lòng đó, tôi đã tìm thấy những tấm lòng và thiên nhiên tuyệt vời của quê hương miền Trung.

Có lẽ điều khiến tôi bàng hoàng nhất là vẻ đẹp kỳ bí của những con sông. Những con sông có những cái tên đẹp (Thạch Hãn, Nhật Lệ...) như trong truyện thần thoại, cứ men theo các triền núi mà đi, dòng nước trong veo, như vắt hết mồ hôi của đất, đá và cây cỏ của những vùng đi qua trên đường hẹn hò trùng phùng với biển. Ngay đến núi cũng muốn chia sẻ tâm tình với con người. Cũng cùng nằm trên một dãy Trường Sơn dài như thân rồng bất tận, nhưng qua khỏi Nghệ An, giáp ranh Thanh Hóa, núi bỗng rướn mình, nổi gai góc, vươn những cánh tay đâm thẳng lên trời cao, như muốn cùng con người phản đối số kiếp thảm thương, lam lũ của mình. Sự thân thiết giữa con người và nguồn sống càng trở nên rõ ràng ở những nơi mà sự nghèo khó hầu như đã đạt đến tột đỉnh. Người nông dân ở Quảng Bình và Hà Tĩnh thường xuyên phải giành giật từng hạt lúa với thiên nhiên tàn bạo, từng giây, từng phút, đến nỗi thường dựng nhà, che mái cùng gia đình sống giữa đồng ruộng, như muốn ôm lấy chân cây lúa mà ngủ, mà nâng niu.

Tôi trở lại miền Trung của tôi như một “đứa con hoang tìm về vùng ngực mẹ”. Những con sông, những ngọn núi và những con người khoan hòa và đôn hậu đó (như người mời vé số vô danh ở Huế) đã

thúc giục tôi trở về với quê hương nghèo khó của tôi, đầu ngẩng
cao hơn.

Tôi mong mọi người đều có được một quê hương để trở về, như tôi!

10-1994

Nửa ngày ở Hà Nội

Sương mai còn đọng trên cành

Gánh quà trong sớm biết dành cho ai?

Anh Độ, 1954

C

uối cùng tôi chỉ ở Hà Nội được nửa ngày. Cô thư ký trẻ bện bện suốt hai hôm vẫn không thể nào đổi chuyến bay vào buổi sáng. Thấy tôi nhăn nhó, cô giễu: “Chú thuộc loại Việt kiều chân không chạm đất, trả tiền thì theo giá tây, nhưng ưu tiên thì xếp theo danh sách ta.” Sự việc giản dị như thế, có gì phải bực mình. Ít ra, tôi cũng được hưởng nửa ngày thu tuyệt đẹp ở Hà Nội.

Tôi đã nhiều lần đến Hà Nội, nhưng chưa lần nào được thưởng thức cái đẹp riêng biệt của mùa thu ở miền Bắc. Lần này đến Hà Nội trời đã vào chiều, một thời khắc mà bình thường, trời đang nhàn nhã nhả một mảng đen nặng nề xuống góc phía Tây, từ từ nén từng làn ráng đỏ muện màng tan dần ở cuối đường viền chân trời. Chiều cuối thu ở Hà Nội rất lạ. Khung trời như được vén cao hơn, rộng hơn. Cả một vùng không gian bát ngát như được tưới một màu xanh trong suốt như ngọc thạch. Trời xanh, nước xanh và cây cũng xanh biêng biếc. Trong bầu không khí thoáng thoảng lan tỏa ra từ màu xanh mênh mang đó, khách nhàn du bỗng dựng cảm thấy một chút xao xuyến, nôn nao trong lòng. Một chút nhớ, một chút quên, nhập nhằng nhưng rất êm ả.

Đi dọc đường Thanh Niên, nhìn ra mặt hồ nhạt nhòa một lớp sương mong manh thoáng hơi lạnh buổi hoàng hôn, người-khách-nửa-ngày bỗng thêm một bàn tay mềm ấm, nồng hương thơm ủ lá sen của xóm làng Vòng. Người sẽ đi như trong mơ suốt con đường bao phủ lá xanh phượng vĩ, cắt đôi hai vùng hồ vắng lặng chùng như đã ngủ quên suốt cả mùa thu dài. Ai đã oái ăm dựng lên con đường

đẹp thần kỳ đến thế nhỉ? Chắc ai đó hẳn rất thiên vị, đã dồn hết tất cả tinh túy, trữ tình của thiên nhiên về phía Hồ Tây. Quanh bờ hồ bên kia, phía Ngũ Xã không còn thấy bóng dáng một... cây trúc trắng (!) nào. Những bảng quảng cáo điện quang cắt xé màn đêm thành từng mảng, như một đám khủng long quần quýt, cấu xé lẫn nhau, làm xốn xang cả mắt và tâm tư của khách dạo như trong những đêm thanh vắng.

Trong nửa ngày ở Hà Nội, tôi đã nuốt vội vàng màu xanh giăng tỏa của trời đất đang dần dần thu nhỏ lại của một địa danh vốn rất dư thừa cây cỏ và sông nước. Tôi đã ngửa cổ hít đầy vào hai buồng phổi chút hương thơm văng vát tỏa xuống từ những chùm hoa sữa, vào nửa khuya trên đường Quán Sứ. Đó là một chút mảng xanh, một chút hương thơm còn sót lại sau cuộc lột xác thần sầu, nhanh đến chóng mặt của Hà Nội. Cái làng “cổ truyền” phân chia rạch ròi ba-mươi-sáu-phố-phường trong thoáng chốc bỗng trương phình ra như một anh khổng lồ tham ăn, lại nhẩn tâm dứt tung những “núm vú” đã miệt mài nuôi sống mình suốt hàng ngàn năm. Ngồi ở “nhà thủy tạ” thả mắt nhìn ra phía xa, khách nhàn du không còn mừng tượng ra được những mảng rau xanh, những luống hoa màu rực rỡ của Đông Anh, Ngọc Hà, Thanh Trì, Nghi Tàm, Quảng Bá, Nhật Tân... Bốn phía chỉ là nhà, nhà và nhà. Những khối bê-tông nặng nề, những “tháp” nhọn đầy màu sắc, quê kệch, lạc điệu và vô hồn, níu tay nhau, đẩy những mảng xanh hài hòa cây-cỏ-sông-nước ra tận những vùng quê tít mù khơi! Suốt đêm đó, tôi không ngủ được trong một niềm tiếc nuối như vừa đánh mất một cái gì đó rất đổi yêu thương.

Chắc chắn là tôi đã không quên ghé qua hồ Hoàn Kiếm, nơi tôi đã ôm ấp một phần đời mơ mộng thuở thiếu thời về một huyền thoại lịch sử và những mối tình lãng mạn đầy đắng cay đầu thế kỷ. Nhưng phải thú thật rằng hồ Thuyền Quang lặng lẽ như một đứa con èo uột xấu số giữa một gia đình đầy đầy giai nhân, mới chính là nơi tôi gần gũi nhất trong những lần ngắn ngủi ở Hà Nội. Nó nằm gần nơi tôi thường ở trọ. Vào buổi rạng đông, con đường dạo quanh hồ trở nên sinh động với cảnh người tập nập tập thể dục sáng và những gánh hàng rong sớm. Những người tập thể dục đến từ

những “khu tập thể” bình dân gần đó và những gánh hàng rong đến từ những “núm vú” bao quanh Hà Nội. Thông thường, nếu có thì giờ tôi vẫn nhập chung với những người dậy sớm đó, cùng hít thở không khí trong lành buổi sáng, làm một vài động tác thể dục cho nóng người, rồi dừng lại ở một chòi hàng rong, mua một củ khoai, khúc sắn rồi hít hà vừa thổi vừa nhai, như một gã... đói ăn!

Cũng cái cảnh sinh hoạt quen thuộc sáng sớm quanh bờ hồ, nhưng vẫn có một cái gì khác. Gió thu heo may hay cái dáng vẻ mới của một Hà Nội đang bắt đầu tập tành làm dáng? Tôi tò mò quan sát một người lớn tuổi đang tập dưỡng sinh. Những động tác cất ra từng chi tiết rời rạc, chậm rãi đến cường điệu. Rất Hà Nội! Và còn gì nữa nhỉ? Những khuôn-mặt-không-đoán-được-tuổi, xanh xao như mang theo cả trời đêm thăm thẳm suốt con đường đê từ làng dẫn ra mấy cửa ô Hà Nội, mệt mỏi bên những thúng xôi hoặc sọt khoai, sắn tầm thường ủ dưới lớp bố gai, đặt sau chiếc xe đạp có quai sắt. Mệt mỏi là phải! Những cô gái làng muện-màng-tuổi-xuân đó chắc chắn phải thức dậy từ tờ mờ sáng để kịp chuẩn bị cho cái “thương vụ” cõn con, nhưng đầy truyền thống của mình, rồi còn bươn bả trên chiếc xe đạp cà khổ qua con đường dài ngoằng lồng lộng gió sớm, vào Hà Nội trước bình minh. Tương lai của họ sẽ ra sao trong cuộc thoát xác cao tốc của Hà Nội?

Dĩ nhiên tôi không ích kỷ đến nỗi chỉ muốn Hà Nội phải dừng lại trong hoài niệm và mơ tưởng hảo huyền. Hà Nội phải lột xác, thay da đổi thịt để xứng đáng với tư thế của một thủ đô. Nhưng Paris, Rome, Budapest, Vienne, Amsterdam ... cũng đã phát triển trong mối hài hòa đầy tính mỹ thuật giữa tân kỳ và cổ truyền. Tôi vốn yếu lòng, chỉ sợ rồi đây mình sẽ trở nên lảm cẩm, học đòi người xưa ngâm nga đôi ba bài “Thăng Long thành hoài cổ” của bà Huyện Thanh Quan, chỉ làm bận lòng người thêm.

Trở về Bangkok, trời tự nhiên trở lạnh. Những sinh viên gốc Bắc nói đùa là tôi đã mang theo một chút *hương thu* của Hà Nội sang. Có lẽ một chút *ưu tư* thì đúng hơn!

Hà Nội - Bangkok, cuối tháng 10, 1995.

Cây hoa súng và con chim cu

G

ần một tháng trôi qua, tôi hầu như không làm gì thiết thực hơn là lang thang vào mỗi buổi chiều, tò mò đọc những tên khoa học lạ hoắc của những loại cây trồng đan chéo nhau trong cái quần thể phức tạp, nhưng gọn ghẽ trong *campus* của Viện Công nghệ châu Á (AIT), ở ngoại ô Bangkok. Chúng như trộn lẫn vào nhau, không phân biệt trong một toàn cảnh bao la, nhưng nếu tách rời, mỗi cây đều giữ được tính đặc thù và tên tuổi riêng biệt. *Hòa đồng* mà không mất *cá tính*. Một cái đẹp *tập thể* không đè bẹp cái dáng vẻ *cá thể*.

Nhưng nếu chỉ có thể thôi thì tôi đã tự hài lòng với những tán cây phượng vĩ, cứ như ai đó lỡ tay làm đổ tung tóe những mảng màu đỏ như máu, chói chang cả một góc quanh cái hồ rộng. Hoa phượng làm tôi nhớ lại một thời học sinh trung học không mấy vui thú thiếu thời ở một thành phố miền Trung, nhất là những buổi sáng thứ hai, tôi thường được gọi ra đứng trước cột cờ giữa sân, cho trai gái cả trường “ngắm” vì một tội danh tưởng tượng nào đó của ông giám thị. Có lẽ vì thế phượng đỏ gọi nhớ một thời trai trẻ, nhưng không làm tôi chao đảo vì thiếu hẳn một kỷ niệm cháy đỏ như màu của hoa.

Cũng trên đoạn đường ngắn đi dạo nhàn nhã thường ngày đó tôi đã bất chợt thấy một cọng *hoa súng* lẻ loi nhô lên từ mặt nước trong một con rạch nhỏ, thông thường chỉ lèo tèo một vài cọng rau muống dại. Thoạt đầu, chỉ là một cảm giác choáng váng, tựa như dư vị dịu dàng của một nhấp rượu ngọt, rồi bỗng dưng một đoạn văn thuộc lòng của thơ ấu trở về như những nhịp sống thôi thúc, dồn dập. “Hoa súng màu thiên thanh. Duyên nợ của nó với tôi là cả một lịch sử. Thuở còn bé, tôi trông thấy nó ở trước nhà, trong một cái ao thân mật...” Một đoạn văn xuôi giản dị như thế, nhưng được nhồi vào cái đầu của một đứa trẻ thành thị lãng mạn như tôi, đã trở thành

một nỗi ám ảnh triền miên trong suốt những năm tháng dài đằng đặc ở xứ người.

Từ hai tuần nay tôi như một kẻ thất tình, chỉ lảng vảng quanh mặt hồ và những con rạch, những nơi có hoa súng trong khuôn viên của Viện. Tôi đã ngắm không biết chán những cánh hoa súng ở những thời điểm khác nhau. Tôi đã bồn chồn đợi nắng lên, chờ đêm xuống, cẩn thận xếp từng cọng lá, nâng lại những cánh hoa. Có khi nửa đêm trở về phòng, vẫn còn thòm thèm, ray rứt vì chưa được ngắm hoa trong một đêm trăng.

Trong hai loại hoa súng đang nở rộ trong khuôn viên của Viện, tôi chỉ thích có *hoa súng tím sáng*, có lẽ vì tính hiếm hoi và dáng thon thả của nó. *Hoa súng trắng* nở đại trà, thường che phủ cả một khu hồ rộng, dáng tròn trịa, không giữ được niềm thắm thiết, sâu đậm trong tôi. Nó cho tôi có cảm giác thừa mứa của một đêm trình diễn thời trang rầm rộ, nhưng không tìm được hoa hậu để trao vương miện. Hoa súng tím xuất hiện đột ngột, đơn lẻ, khiến người thụ cảm choáng ngợp, bàng hoàng trước vẻ đẹp độc đáo của nó. Một vẻ đẹp được tích lũy của nàng công chúa ngủ quên trong rừng, hai tay ủ một trái tim nồng nàn, khao khát được chia sẻ tình yêu.

Chu kỳ trưởng thành của hoa súng cũng tương tự như thế. Từ một củ nhỏ giấu mình trong lớp bùn dày suốt mùa đông, một hôm nào đó không hẹn trước, một sức sống bứt ra, hối hả đẩy cọng cây xanh qua lớp nước sâu, rồi thở phào dưới ánh mặt trời rạng rỡ. Hoa và lá cùng ngã sóng soài trên mặt nước chan hòa ánh nắng. Thoạt tiên chỉ là một chút màu tím nhạt, e ấp nhú khỏi một chiếc nụ xanh đầy đặn, như đôi môi ngọt ngào của một thiếu nữ mới tập thoa son. Rồi bỗng dựng cái nền màu tím nhạt đó tăng nồng độ, mọng lên những đường cong đậm nét, dưới mặt trời rùng rục sức sống. Những cánh hoa tách ra, mở rộng, phơi bày hết tất cả những góc cạnh cần giấu diếm, trong một động tác dâng hiến hoàn toàn, giữa những tán lá tròn bao quanh như muốn bảo vệ, trông chừng. Có lúc người thường ngoạn như nghe thoang thoảng tiếng thì thầm từ dưới nước đưa lên: “em đây, anh ngắm nhìn cho thỏa thích đi!”

Thế nhưng, cuộc phô trương sắc đẹp không kéo dài. Hoa cũng như nét dịu dàng, giữ mình chừng mực, như muốn làm khổ người đời. Hoa chỉ nở rộ, phơi phới cực điểm vào thời khắc nắng còn giao lưu hòa nhã với những giọt sương mai ngọt ngào vương trên những tán lá trong xanh như ngọc thạch. Vào giữa trưa, khi mặt trời tăng sức nóng, những tán lá màu xanh co mình, xích lại gần nhau để tạo một vòng tròn bảo vệ cho những bông hoa tím lạp loài, đang e dè khép từng cánh, cố giấu mình dưới những tia nhìn thô bạo của mặt trời.

Cùng thoát thai từ những vùng kênh rạch, ao bùn, nhưng hoa súng không kiêu kỳ và trong trắng như hoa sen, cũng không nhạt nhẽo và dân dã như hoa rau muống. Hoa cũng có nụ vàng, nhưng không thoang thoảng mùi hương tinh khiết của các loài hoa dùng để cúng kiếng và trưng bày. Hoa súng chỉ đủ sức hấp dẫn người thường ngoạn từ một khoảng cách. Có lúc hoa như cô gái dậy thì, vừa thách thức vừa nép mình e ấp. Hoa biết mình đẹp nhưng cũng biết sử dụng cái đẹp của mình một cách vừa phải, chừng mực, khiến lòng người càng ngây ngất, say mê nhưng không đành lòng ngắt hoa, chiếm đoạt cho riêng mình.

Tôi đã nhìn, ngắm, nâng niu và ôm ấp những cánh hoa súng trong suốt mùa hoa nở năm nay. Chắc chắn rồi đây tôi sẽ “thất tình”, hụt hẫng trong suốt thời gian chờ mùa hoa súng trở lại. Nhưng đó chỉ là hai loại hoa súng trắng và tím, không phải là thứ hoa súng “màu thiên thanh” huyền hoặc của Thanh Tịnh ở quê nhà. Nỗi ám ảnh lãng mạn thời trai trẻ của tôi vẫn chưa được giải tỏa hoàn toàn. Quê hương vẫn theo sát tôi trong từng bước chân, mỗi nhịp đập.

Điều khổ tâm nhất là mấy con *chim cu* ở Bangkok vẫn không để cho tôi yên. Cứ mỗi sáng sớm và lúc chiều tà chúng lại quây quần gọi nhau rống rả trên những đọt cây quanh nơi tôi ở, khiến tôi thêm não lòng:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều!

Nói cho cùng, tôi chỉ cách quê hương hơn một giờ bay!

AIT, cuối tháng 6-1995

Những con chim cuối cùng

Đ

ối với những con chim thành phố, tôi thường có những hoài niệm thật buồn. Đó là một cảm giác không rõ ràng, man mác, giống như bất chợt đọc thấy một mẩu tin về một nhóm dân tộc ít người đang có nguy cơ bị diệt vong ở một góc rừng xa xăm nào đó, nơi họ và tổ tiên đã sinh sống qua hàng ngàn năm. Đọc xong thì xót xa, nhưng tự thấy xấu hổ và bất lực vì mình không làm được gì.

Tôi còn nhớ vào dịp trước Tết âm lịch cách đây hai năm, vị giáo sư người Hà Lan của tôi ghé thăm Việt Nam một tuần. Tôi đã đưa ông đi thăm thú khắp nơi để ông ghi vào ống kính những “điều hay, vật lạ” của thành phố. Đến chùa Vĩnh Nghiêm, ông mua một con chim sẻ, điều chỉnh ống kính cẩn thận, rồi nhờ tôi bấm máy khi ông thả con chim lên trời. Ông có vẻ rất thú vị với lời giải thích của cô bé bán chim lém lỉnh về mỹ tục “phóng sinh” nhân hậu của Phật tử. Dĩ nhiên ông không biết là những con chim đó đã bị cắt bớt lông cánh, chỉ có thể được “tự do” bay vài ba thước rồi sẽ rơi xuống đất, để lại bị nhốt vào lồng, đợi tới phiên được một người khách nhân từ khác “phóng sinh”!

Tôi đã nhẹ nhàng từ chối, viện cớ là không rành chụp ảnh, nhưng vị giáo sư khả kính đã hiểu ra thâm ý của tôi. Quả thật tôi không muốn tham dự vào cái vòng lẩn quẩn, kéo dài thêm số phận bi thảm của những con chim cuối cùng trong thành phố.

Một lần khác, khi tôi ngồi uống cà phê ở cái quán có nuôi nhiều loài chim-hay-hót trong những chiếc lồng xinh xắn, bỗng một tiếng chim hót vang lên lẻ loi nhưng thiết tha, rồi vỡ òa trong nắng sớm. Và từ cành mạn ở cuối sân, một cánh chim khác nhẹ nhàng đáp xuống bên cạnh chiếc lồng tre, như một lời đáp ứng nhiệm màu đến từ nơi nào đó rất xa xôi. “Tín hiệu tình yêu” phát ra từ con chim trong lồng đã đến với người bạn lòng còn được tự do, xóa tan khoảng không

gian phân cách bằng những song chắn nhỏ của chiếc lồng tre. Rồi tiếng hai con chim ríu rít với nhau trong nắng tươi tươm làm xao xuyên lòng người. Tôi đã ngồi im lặng hàng giờ trước ly cà phê lạnh ngắt, ngắm đôi tình nhân trong một hoàn cảnh oái ăm như thế, lòng tự hỏi đó có phải là những con chim hạnh phúc cuối cùng của thành phố không?

Có lẽ tôi cũng đã mau chóng quên câu hỏi ngớ ngẩn đó nếu không được tình cờ xem một phim phóng sự ngắn trong một ngày cuối năm vừa rồi, nói về nguy cơ tận diệt của những loài chim trong thành phố ở Anh quốc với những thông số chính xác. Một cuộc điều tra sâu rộng kéo dài cả năm. Theo đó, với tỉ lệ mất đi từ 18-20% số lượng chim/năm cho từng loài chim như hiện nay, chỉ trong vòng năm năm sẽ không còn bóng dáng quen thuộc của các loài chim sẻ, chim sâu, cu đất, sáo, quạ đen trên đường phố hay trong công viên của thành phố nữa.

Kết luận của bộ phim đã nổ ra như một quả bom giữa năm vạn dân thành phố và đã lôi kéo mọi người vào một cuộc tranh luận để tìm cách giải quyết tối ưu cho vấn đề sinh thái này. Một loạt giải pháp đã được cư dân bàn cãi, biểu quyết và đã được Viện Bảo vệ động vật Hoàng gia Anh nghiên cứu tính khả thi, sau đó được chính quyền địa phương thi hành triệt để. Nhiều con đường đã được tái qui hoạch cho riêng người đi bộ, không gian xanh và diện tích cây tăng lên, mức tối đa cho tiếng động được qui định, các tổ chim nhân tạo được đặt ở những nơi cần thiết để chim có thể sinh sản an toàn. Các nhà sinh vật học đã không quên những bản nhạc mà các loài chim ưa thích (qua nghiên cứu) để chúng có thể vừa nhàn nhã gặm nhấm những hạt thực phẩm ngon lành được cung cấp từ những chiếc bệ con xinh xắn, vừa thưởng thức những âm thanh réo rắt, trầm bổng của loài người thân thiện.

Và chim đã trở về với thành phố như một cuộc trùng phùng của những người bạn tri kỷ. Cái vé thứ hai của một bản nhạc hài hòa “con người và thiên nhiên” tưởng như sắp mai một trong quá trình hiện đại hóa và đô thị hóa khắp khiêng của một thành phố đã được tái lập. Những chiếc tổ chim nhân tạo, những bản nhạc phát thanh

và những chiếc chén nhỏ đựng thực phẩm... đã nâng vị trí của các con chim lên ngang hàng với con người! Cả hai đều được công nhận là thị dân sinh động và khăng khít của một quần thể sinh hoạt đã tồn tại qua nhiều năm tháng thăng trầm của lịch sử. Chim và người đã thả linh hồn vào những góc đường, vỉa hè, chiếc cầu... trong thành phố, khiến những vật vô tri trở nên sống động và mỹ miều hơn.

Ly cà phê trên bàn ở cái quán lá xưa đã lạnh ngắt, nhưng hôm nay không còn đôi chim ríu rít đáng yêu đâu nữa.

Những con chim sẻ cuối cùng đã rời bỏ thành phố mà đi!

27-2-2001

“...Huế của ta ơi”

... Em xinh em gái tên là Hương giang

Đêm đêm khua ánh trăng vàng mà ca...

Phạm Đình Chương

K

hông biết tôi có quyền gọi “Huế của ta ơi!” như một bản nhạc véo von đương thời nào đó chẳng, mặc dù tôi sinh ra ở Huế và, sau bao nhiêu năm lưu lạc giang hồ, vẫn còn nói đậm một giọng Huế *chay*.

Gia đình chúng tôi dời vào Đà Nẵng bằng đường biển khi tôi chỉ mới bốn tuổi. Trong trí nhớ non trẻ của tôi, Huế cũng mộng lung, mơ hồ tựa như sóng biển dập dềnh đưa con thuyền chở gia đình chúng tôi về phía Nam. Nghe nói tôi đã ngủ miệt mài trong suốt cuộc viễn du đầu tiên trong đời. Lên bờ là nắng chan hòa, thiêu rụi những mảnh hoài niệm vụn vặt của một căn nhà vườn ở Huế vẫn cố bám theo tôi vào đến vùng đất mới. Huế được tách ra khỏi đời tôi như thế đó. Một nhánh rẽ của dãy Trường Sơn như một cánh tay duỗi ra nghịch nước biển Đông đã tách rời hai vùng đất ở eo thắt lưng của miền Trung. Chỉ cách nhau một chân đèo mà phân biệt rạch ròi hai giọng nói. Một bên thì dài các, quan cách đến sốt ruột, một bên thì chân chất đến nặng nề.

Khi tôi lên mười tuổi, những buổi chiều nằm dài trên bãi biển Thanh Bình nhìn mộng lung về phía Bắc, mắt tôi thường dừng lại rất lâu ở chóp đỉnh núi thường có những cụm mây trắng nổi như bông gòn bao phủ. Dãy núi dài, có màu xanh mơn man làm dịu mắt người, dẫn giòng mơ tưởng của tôi đi rất xa, nhưng không bao giờ chịu dừng lại ở Huế. Đối với tôi, Huế ở đâu đó giữa rặng Trường Sơn trùng trùng xanh thăm thẳm trên cao và vịnh Lăng Cô lặng yên trải dài bên dưới. Cuộc giao hoan chan hòa và đắm thắm của thiên nhiên đã phát sinh ra vô số thắng cảnh mang những cái tên đầy

truyền thuyết như Tiên Sa, Sơn Trà, Liên Chiểu, Hải Vân, Bạch Mã... Chiều chiều, tôi lại lang thang đạp xe ra bãi biển, nắm gối đầu lên tay, thả hồn về phía đỉnh núi cao, mong sẽ một lần tình cờ bắt được một cụm mây trắng trong tay. Những ngày trời trong xanh, tôi thường hay thả tầm mắt xa hơn về phía Bắc, nhưng vẫn chưa bao giờ định ra được Huế nằm ở đâu. Những lần ấy, tôi thường ủ rũ trở về nhà trong tâm trạng của một đứa trẻ cô cút, chưa một lần biết được mặt người mẹ của mình. Từ một ngõ ngách nào nó trong chuỗi mộng mơ của những ngày đầu đời, tôi đã mơ màng tượng nhận ra con người lãng mạn thắm lặng, đầy chất Huế của mình.

Trong suốt thời gian chiến tranh, Huế được cắt ra thành nhiều mảnh vụn, rời rạc trong trí nhớ của tôi. Những ngày hè ngắn ngủi không kịp tạo được một hoài niệm gì. Hoặc giả tôi còn quá trẻ con để cùng thao thức với những anh-trai-Huế bàn chuyện “lấp biển vá trời” bên cạnh những ly cà-phê liêu trai của chị em cô Dung trong Thành nội (cô em mặt tròn quành quạnh như trăng rằm tháng Tám!); hoặc giả những vết tích đổ nát của bom đạn và mục rữa của thời gian trên cái hình hài còm cõi nhưng đầy kiêu hãnh của Huế đã làm tê liệt chút tri thức còn lại trong tôi. Tôi vẫn chưa hiểu được tại sao người ta lại quán khăn tang cho cả cây cối trong vườn và cái gì ở sau tiếng thở dài náo nê trong mỗi câu hò, điệu hát ở Huế. Ở vào tuổi dậy thì, tôi hối hả sống, chỉ muốn quên, không muốn nhớ.

Tôi biết quá sơ sài về nơi chôn nhau cắt rún của mình, nên khi trở về Huế những năm gần đây, tôi như người ngụp lặn trong cõi đời mơ tưởng hão huyền. Huế có cái gì đó rất thanh khiết khiến tôi phải trầm mình xuống, rũ cho sạch hết những đám bụi trần vương vấn, trước khi hòa hồn mình vào cảnh thiên nhiên vừa u tịch, vừa thanh thoát. Phải như thế mới cảm thông được vẻ đẹp trầm buồn muôn thuở của người và cảnh vật ở Huế. Cuộc giao thoa giữa khách đồng điệu và đất thần kinh phải rất tự nhiên, không gượng ép, tựa như chiếc lá vàng thả mình nương theo gió, chao lượn vài vòng, rồi nhẹ nhàng đáp xuống một mặt hồ im vắng thơm ngát hương sen. Cái cảm giác nhẹ tênh, thoáng khoái tột đỉnh ấy tôi đã có lần làm lẫn với sự bất diệt của vũ trụ, khi đứng trên đỉnh Hải Vân muốn dang hai tay thả người xuống vùng vịnh lặng yên bao la bên dưới.

Có lẽ tôi sẽ làm chuyện lằm cẩm nếu kể hết những cảnh đẹp ở Huế. Huế còn quá nhiều cái đáng để nhìn, để ngắm, kể cả những tấm lòng thành chưa hề suy suyển trong cơn “đại hồng thủy kim tiền” thời đại. Cái đẹp của Huế vốn rất kiêu kỳ, không kêu gọi mời gọi bạn. Nó không chiếm chỗ nằm yên trong vũng mô của thị giác mà đi thẳng tuột vào hồn bạn, rồi ôm lấy trái tim khô héo của bạn mà mà vỗ về, tỉ tê tâm sự.

Trên suốt một dải giang sơn cẩm tú của quê hương ta, tôi nghĩ chỉ ở Huế gió mới có màu sắc và nước có mang mùi hương. Những ngày đẹp trời, gió từ thượng nguồn sông Hương mang theo sắc hòa chung của trời, mây và nước, thổi một dải màu thiên thanh mỏng lướt thướt qua những tàn cây, tô đậm từng cánh lá óng lên như ngọc dưới nắng ban mai. Lớp sương mù mỏng mỗi sáng sớm phủ trên mặt sông phả một mùi hương thoang thoang từ loài cỏ thơm giấu mình trong nước và các loại hoa sứ bí ẩn từ “tử cẩm thanh” từ túng. Dòng sông Hương như cô con gái kiêu sa, thay đổi màu sắc và dáng điệu theo từng thời khắc của ngày, nhưng bao giờ cũng đẹp kỳ diệu. Nhưng nó chỉ là một nét trong một toàn cảnh hài hòa của Huế. Con sông lặng yên như một tấm thảm xanh thông ra một cửa trời dẫn lên thiên thai, nguồn hứng viết nên bài nhạc bất hủ của cố nhạc sĩ Văn Cao. Người xưa quả rất có mắt khi chọn đầu nguồn dòng sông, nơi hội tụ đầy đủ hồn thiêng trời-sông-núi để xây tháp Linh Mục, khiến người viếng chùa có cảm giác như đã gần kề cõi Niết bàn. Con sông ấy cũng theo chân người về nhà, chia cái đẹp chan hòa ấy trong những cảnh nhà vườn dân dã ở thành nội hay những hươu viên, phủ chúa ở khu Vĩ Dạ. Những ngôi nhà vườn vương vấn, um tùm cây ăn trái và cây cảnh, trong đó người và thiên nhiên cùng hít thở chung một vùng trời hạn hẹp, cùng chia sẻ những ngày tháng đầy ứ kỷ niệm riêng tư. Những mảnh vườn thu hết tinh hoa của đất-trời vào một góc, mở cửa (trước, sau, bên hông) bước ra khỏi cửa là tới vườn. Người và cây cỏ ôm ấp lấy nhau như bạn tri âm. Từ đó, tôi hiểu tại sao cây cối cũng có quyền để tang thương tiếc người quá cố, như thân nhân ruột thịt.

Tôi có thể chỉ mê Huế đến một mức nào đó thôi, nếu chỉ dừng lại ở sự giao cảm bình thường với cảnh quan. Có lúc tôi tưởng đã hưởng

trọn vẹn những gì còn sót lại ở trên đời, với đỉnh cao là những lần nằm biếng nhác nghe tiếng lá thông trở mình xào xạc trong gió ở hồ Thiên An hay để mình ngập lụt trong đêm trăng-trải-lụa-vàng tuyệt vời ở một quán cà-phê trên tường thành hay bên bờ sông Gia Hội.

Cho đến những ngày gần đây tôi vẫn chưa hiểu được cái gì ẩn sau giọng hò u uẩn như tự nuốt lấy lời mình phát ra của những nàng ca kỹ trên sông Hương. Tôi nghĩ sẽ không bao giờ có thể hiểu nổi điều bí ẩn đó nếu không có một chuyện tình cờ xảy ra. Vào một buổi trưa hè, trong lúc đang nằm uể oải phờ mặt dưới lưới dao cạo của một anh thợ hớt tóc trẻ ở một quán đầu đường, tôi đã rợn người khi chợt nghe một giọng ru con bi ai trỗi lên từ phía bên kia tấm phên tre. Trong gió Lào trăn trở, tiếng ru con của người đàn bà ngân lên dai dẳng, như muốn buộc mọi người phải nghe, phải chia sẻ nỗi khổ tâm của mình. Tôi ghé mắt nhìn qua khe cửa, một mái tóc đen huyền đổ dài theo nhịp chiếc võng đồng đưa, che hờ một mảnh ngực trần trắng phau ngằn lên trong nắng. Một đứa bé con gầy nhom đã no sữa nằm gối đầu ngủ vùi trên cánh tay phải của người mẹ. Tôi không nhìn thấy mặt người thiếu phụ, nhưng chắc chắn nàng còn trẻ lắm. Rồi tiếng ru con bỗng giãn ra tan loãng vào không khí. Nhìn sang, người thiếu phụ đã ngủ quên, vòng tay ôm chặt lấy đứa bé. Tôi thở dài nhẹ nhõm. Chị ta chỉ tâm sự một chút thôi mà! Anh chồng cũng ghé mắt nhìn qua tấm phên, mặt anh toát ra một vẻ hài lòng, rất thư giãn. Tôi không nghe anh thở dài, như tôi.

Có một dạo, Huế đã trở thành phương thuốc chữa trị bệnh ức chế mãn tính hữu hiệu nhất của tôi!

Viết tặng các con Trường Sơn và Hoài Hương. Bangkok, tháng 2-1996

Người “Quá Khổ”

T

ôi gặp anh ta rất tình cờ.

Một buổi sáng, tôi đụng phải một thanh niên có dáng vẻ sinh viên trước cửa văn phòng. Anh ta chìa cho tôi xem tấm danh thiếp của một người nước ngoài và xin được gặp “nói chuyện thêm” với chủ nhân tấm thiếp; một người chúng tôi không quen biết. Trước đó, anh đã gặp người tiếp tân của dự án, nhưng đã được từ chối khéo vì “không diễn đạt ý tứ rõ ràng” và có vẻ... “hâm”!

Bề ngoài, cái gì ở anh ta hình như cũng đều quá khổ, tạo nên một dáng vẻ không bình thường đối với một thanh niên Việt Nam trung bình. Đôi chân lỏng thỏng. Hai tay lỏng khỏng. Lưng dài lỏng khỏng. Đặc biệt, cái đầu khá to dồn hết sức nặng xuống cái cần cổ cao, khiến mỗi khi nói, anh phải lúc lắc, dùng nhiều động tác phụ như thể rung cây, chừng như ý tưởng cũng có thể rơi rụng như lá. Tất cả những điểm đó cũng còn có thể xem là bình thường, nếu anh ta không mang một đôi kính tròn úp, kiểu Ray Charles, như hai quả trám đen chụp lên một gương mặt cũng dài quá khổ.

Cũng không sao. Cái dáng vẻ khác lạ của anh ta không làm tôi quan tâm. Tôi vốn không tự hạn chế hoặc lựa lọc khi tiếp xúc với mọi người. Điều khiến tôi tò mò là trong lúc lắc lư cái đầu, cố giải thích cho tôi hiểu điều mình muốn, anh đã dùng khá nhiều từ tiếng Anh khá chính xác. Anh ta vốn đang theo học năm thứ hai của một chương trình kỹ sư và đang cảm nhận “có vấn đề” vì không cảm thấy có “thách đố” gì trong chương trình học thường ngày nữa. Anh cho biết là anh quan tâm nhiều hơn về các “nguyên lý của nền kinh tế thị trường” hơn là các định luật vật lý trong giáo trình kỹ thuật và đã đọc hết những sách hiện có ở thư viện trường, vốn rất hạn chế, nhất là sách viết bằng ngoại ngữ. Biết tôi đang giảng về môn quản lý, lại qua chuyên ngữ tiếng Anh, anh ta xin dự thính một vài buổi

giảng... cho biết. Dĩ nhiên là tôi đồng ý. Tạo điều kiện cho một sinh viên hiếu học, muốn triển khai kiến thức ngoài phạm vi ngành học chính là điều đáng khích lệ chứ sao, tôi nghĩ.

Vào một buổi sáng trong tuần, nhìn xuống lớp không thấy anh như đã hẹn, tôi hơi thoáng một chút thất vọng, nhưng quên ngay. Lần sau gặp lại anh, tôi mới biết điều anh muốn thật giản dị đối với tôi, nhưng lại là một phiền phức đối với nhiều người. Một người nào đó sau này đã cho tôi biết thêm về điều “tế nhị” đã cản trở anh tham dự lớp học. Các học viên của tôi vốn là giảng viên đại học, không tiện ngồi chung với một sinh viên thường. Hơn nữa, một người rĩ tai tôi: “Anh ta không được bình thường mấy!”.

Một chiều cuối tuần, tôi ra đón xe đò ở chân cầu Bình Triệu, đi Biên Hòa tìm chút “mảng xanh” thư giãn nơi đồng nội. Tôi được người lái xe “vớt” lên từ lề đường và thả vào lòng xe chật cứng hành khách, thân người nghiêng ngả theo nhịp xe lắc lư, chân hầu như không đứng được tới sàn. Bỗng dựng khối người trước mặt chuyển động, rồi một người khom lưng cố len qua rùng người, kéo tay tôi: “Thầy ngồi vào chỗ của em đây”. Tôi xua tay từ chối ngay, cảm thấy không thể lạm dụng lòng tốt của một ai. Mà ai lại có thể là “học trò” của tôi trên chuyến xe tình cờ này? “Không sao đâu thầy, em đứng được mà. Em quen rồi.” Ôi chao, con người tốt bụng đang nói những lời chí tình ấy lại là anh chàng thanh niên “quá khổ” và “bất bình thường” chưa bao giờ tham dự lớp giảng của tôi một ngày nào cả. Thế nhưng, anh ta đã đứng cạnh tôi trong suốt chuyến xe gian khổ, “thầy thầy, em em” rất thân thiết. Tôi không thể tìm thấy một điều gì “bất bình thường” nơi anh trong suốt chuyến đi. Riêng cái tốc độ suy nghĩ và xếp đặt công việc của anh thì quả thật kinh khiếp. Chỉ trong một thoáng, anh đã “quyết định” thu xếp một lịch tham quan cuối tuần khá “khép kín” cho tôi ở xứ bưng, quê hương của anh. Ngồi sau chiếc xe đạp cà khổ của anh lấy từ trên mui xuống, trên đường từ bến xe về nhà anh, tôi thản nhiên ngắm cảnh bên đường, như một kẻ nhàn du. Yên tâm vô cùng.

Tôi đã ở lại nói chuyện với bố mẹ anh ta khá lâu. Người cha, vốn là một nhà giáo chỉ có một ước vọng thành đạt bình thường về đứa

con út, mà sự xuất chúng từ thuở nhỏ đã phát đi những tín hiệu không tương ứng. Người học sinh liên tục đoạt các giải thưởng toán xuất sắc hàng năm toàn tỉnh và toàn vùng ấy, có lúc đã phải vào điều trị ở bệnh viện tâm thần một thời gian khá dài vì đã dám thách đố sự vững chắc của những thành trì định luật toán học muôn đời.

Buổi tối hôm đó, anh ta đến đón tôi rất sớm. Chúng tôi đi một vòng Biên Hòa, ghé thăm hầu hết các thầy giáo cũ, bạn bè thân và ngôi trường cũ của anh. Cái cảm giác là mọi người đã đáp lại sự nhiệt tình của anh một cách chừng mực trong lúc tiếp anh đã khiến tôi chua xót. Gần suốt một đời, tôi chưa từng nghĩ đến hoặc có những hành động thành kính và biết ơn cụ thể đối với các thầy, cô cũ của tôi như anh. Ý nghĩ đó đã theo giầy vò tôi trong giấc ngủ đêm ấy. Thật đáng xấu hổ.

Băng đi một dạo, tôi không gặp anh. Rồi một hôm, tôi vừa xuống xe, anh bỗng dựng xuất hiện lại, như tách ra từ một nhánh cây phượng bên đường, chạy đến chào tôi. Nụ cười thật rạng rỡ trên đôi môi như lớn hơn lên vì cặp mắt kính đen “thách đố”. Mọi người quay lại nhìn chúng tôi vì cái giọng rồn rảng của anh giữa sân trường buổi sáng vẫn còn vắng vẻ. Rồi một người tiến đến bên chúng tôi, ngần ngừ nói thầm trong tai tôi: “Anh này không được bình thường lắm”. Câu cảnh giác phát ra rất nhẹ, nhưng cũng đủ để anh ta đoán được nội dung của nó. Trong một thoáng, mặt anh ta căng ra rồi nhăn nhúm lại. Anh bỏ kính nhìn tôi thần thờ, rồi quay đi, đôi chân lòng ngònng đạp lên những đóm trắng ban mai vương vãi.

Tôi không gặp anh một lần nào nữa sau ngày hôm ấy. Nghe nói anh ta bỏ ngang chương trình kỹ sư, đi làm hướng dẫn viên du lịch ở “khu phố tây” quanh đường Phạm Ngũ Lão.

Tôi mong ở đó, cái vóc dáng và trí não quá khổ của anh sẽ không trở thành một “phiên phức” cho các bạn “tây ba lô”. Dù sao họ cũng đã từng đi, nghe và thấy khắp cả thế giới!

3-1995

Văn hóa xe buýt công cộng

L

ần nào về thăm nhà tôi cũng dùng phương tiện xe buýt công cộng để di chuyển trong thành phố. Đó là một loại xe nhỏ màu vàng, vóc dáng và phân bố chỗ ngồi tương tự như xe-lam-ba-bánh cũ, nhưng cửa lên xuống đặt ở bên hông. Xe chạy tuyến Tân Sơn Nhất - Bến Thành, rất tiện lợi cho nhu cầu di chuyển của tôi. Có khi thấy tôi kiên nhẫn đứng chờ xe giữa trưa nắng, nhóm xe ôm và xích lô đạp “đóng chốt” ở góc đường thường tỏ ý không đồng tình lắm với sự lựa chọn “khác người” của tôi. Để đáp lại lời chào mời của họ, tôi thường nhã nhặn cảm ơn và kiên tâm đứng ngắm chiếc xe buýt!

Dĩ nhiên là tôi không chọn phương thức di chuyển này chỉ vì giá rẻ, mà vì nhiều lý do khác. Trước hết, mặc dù đó chỉ là một chiếc xe nhỏ, nhưng lại là một phương tiện tương đối “an toàn” nhất cho hành khách ngồi trong xe, có thể tránh được những rủi ro thường xảy ra giữa một rừng xe hỗn tạp đủ các loại bốn, ba, hai và một bánh... lên xuống, qua lại như mắc cửi và hình như không theo một qui luật lưu thông nào. Nhưng quan trọng hơn, mỗi lần đi xe buýt tôi tìm lại được cái “bản chất xã hội” của tôi, khi tự hòa mình vào cái “dòng chảy của cuộc sống bình thường” và trao đổi đôi ba câu chuyện bên lề với một vài hành khách cùng chung tuyến đường. Cũng chỉ là những mẩu “chuyện đời thường” cho qua thì giờ thôi, nhưng bao giờ cũng đầm thắm và đầy nhân tính, như thể tách ra từ chính đời sống thân thiết của người đối thoại. Phần lớn hành khách thường xuyên của các chuyến xe buýt này là những hưu viên, người buôn bán nhỏ lẻ tẻ, công nhân lao động cấp thấp, khách từ quê lên thành phố và học sinh nhỏ tuổi. Họ cam phận nhưng tự tin, trung thực và thường bằng lòng với những gì đang có.

Một hành khách tuổi “thất thập cổ lai hy”, nhân chia sẻ với khách đồng hành về tình hình lưu thông phức tạp hiện nay trong thành phố đã gợi cho tôi một khái niệm “phát triển cộng đồng” rất sâu sắc, vừa

giải thích được hiện trạng, vừa đề xuất một giải pháp để cải thiện trong tương lai. Ông nói: “Trẻ con chúng ta ngày nay mỗi bước ra khỏi nhà nhất nhất đều dùng xe máy. Họ không hề biết đến hoặc thử dùng các phương tiện chuyên chở công cộng như thời chúng ta ngày trước. Họ không có “văn hóa xe buýt” như trẻ con khắp nơi trên thế giới”.

Trong lúc mọi thành phần của cộng đồng sinh hoạt xã hội, từ quan chức chính quyền tới thứ dân, đều đang tận lực mưu toan tìm kiếm một giải pháp ổn thỏa cho vấn đề lưu thông nan giải hiện nay, thiết nghĩ nhận xét của vị công dân cao niên đó nghe thật chí lí. Việc phục hồi, giáo dục và quảng bá một “nền văn hóa xe buýt”, nếu được thực hiện kịp thời và đến nơi đến chốn, sẽ tạo tiền đề vững chắc góp phần tích cực vào việc xây dựng và triển khai một giải pháp khả thi, toàn bộ và bền vững cho vấn nạn lưu thông đô thị của hầu hết các thành phố trên toàn quốc.

Hầu hết những người tôi đã gặp và thăm dò về kết quả sơ khởi của các “xe buýt mẫu” thử nghiệm trong vài tháng vừa qua ở thành phố thường không mấy tin tưởng vào khả năng thành công của sáng kiến đáng cổ xúy này của chính quyền sở tại, mặc dù giá cả khá phải chăng và bề ngoài các chiếc xe cũng khá tươm tất. Lý do nêu ra thật nhiều, nhưng tựu trung thị dân vẫn không hưởng ứng vì các xe buýt “mẫu” này vẫn không bảo đảm được những yêu cầu căn bản cho người sử dụng về thời gian, an toàn và tiện nghi. Nhưng quan trọng nhất vẫn là cái “quán tính”, hay nói đúng hơn nền “văn hóa xe gắn máy”, đã ăn quá sâu vào lối sống và cư xử trên đường phố hàng ngày của thị dân của nhiều thế hệ. Người ta vẫn thấy “thoải mái” và “tiện lợi” hơn nhiều trên yên xe máy, vì chỉ cần rẽ trái hay phải là đã có thể “tiếp cận” được với địa chỉ mong muốn nhanh nhất, ngắn và gọn nhất, cho hầu hết mọi hoàn cảnh và mục đích từ mua sắm cho tới giải khát, đón đưa, hẹn hò...

Trong một nền “văn hóa xe máy” phổ biến như vậy, dĩ nhiên chuyện khuyến khích thị dân sử dụng xe buýt công cộng sẽ trở thành ảo tưởng nếu không đi kèm với những biện pháp đồng bộ và mạnh mẽ khác. Trước mắt, phải cương quyết thay thế nền “văn hoá xe máy”

bằng nền “văn hóa xe buýt”, bắt đầu từ những trường học, nơi tập trung đào tạo thế hệ tương lai của đất nước.

Hầu hết các nước trên thế giới đều hiển nhiên chấp nhận bù lỗ cho các phương tiện chuyên chở công cộng. Học sinh, sinh viên, công nhân và hưu viên (tùy trường hợp) đều được hưởng chế độ trợ cấp di chuyển, nếu dùng phương tiện chuyên chở công cộng. Chẳng hạn ở Mỹ, các chính quyền địa phương cung cấp xe buýt vàng đưa đón học sinh miễn phí từ tiểu học đến cấp 12; ở Hà Lan và Đức, học sinh và sinh viên được cấp thẻ có giá trị sử dụng chung, gồm xe buýt, điện ngầm, xe lửa... trên toàn quốc (tính vào học bổng hàng năm); tất cả những người làm việc có lương và gia đình đông con ở Pháp đều được hưởng phụ cấp hoặc trợ cấp di chuyển công cộng; ở Trung Quốc giá cả các hệ thống chuyên chở công cộng được giữ rất thấp để mọi người đều có thể trả được. Chính nhờ vậy, các thế hệ công dân của xứ người đều bắt đầu làm quen, trưởng thành và sinh hoạt trong một môi trường “văn hóa công cộng”, khiến họ luôn gắn bó với cộng đồng, có khả năng thích ứng với tình thế và tính tự lập cao.

Cái vòng lẩn quẩn về tệ nạn lưu thông ở đô thị do quán tính “văn hóa xe máy” sẽ giảm triệt để nếu toàn thể cư dân của thành phố đồng lòng và quyết tâm sử dụng xe buýt công cộng như phương tiện duy nhất được trợ cấp. Hãy thử bắt đầu với bước chuyển biến căn bản đầu tiên là cấp thẻ xe buýt miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên, công viên chức; hoặc trợ cấp cho hưu viên và công dân cao tuổi... Sau đó là giải tỏa các bãi đậu xe gắn máy ở các trường học, cạnh trường học, công sở và “tái tổ chức” các điểm giữ xe ở các nơi công cộng và trung tâm thành phố (với giá cao), như một nguồn thu nhập cho ngân sách phát triển của thành phố.

Sự chuyển đổi quán tính của một số lượng đông đảo thị dân chắc chắn sẽ tạo một chuyển biến mạnh mẽ và cần thiết để cải thiện cảnh quan, văn hóa và môi trường của thành phố. Ít ra cũng sẽ không còn cảnh các “cậu ấm, cô chiêu” là người nôn oẹ vì say sóng khi phải ngồi trên tàu thủy, máy bay, xe lửa hay xe hơi... do từ bé chỉ quen di chuyển trên yên xe máy!

25/5/2002

Đi xe buýt mẫu

S

Sau những cơn mưa rào chợt đến chợt đi vào cuối tháng Mười khiến vạn vật như co lại trong không gian ướt át, buổi sáng cuối tuần ở Sài Gòn đã được tô điểm vài cánh áo ấm mỏng nhiều sắc màu. Đó là khoảng thời gian lý tưởng để đi thử một tuyến đường của dịch vụ xe buýt mẫu vừa được đưa vào sử dụng ở thành phố.

Tối hôm trước tôi đã làm “công tác tư tưởng” với các “đối tượng tiềm năng”. Công tác này thật không đơn giản chút nào. Các đối tượng được chọn lựa kỹ càng, từ 5 đến 11 tuổi, thuộc phái nữ và lại là các cháu của tôi. Với một nhóm “khách hàng tiềm năng” có những thuộc tính đồng dạng như vậy, khả năng “chống đối” có thể giảm đi đến mức tối thiểu. Về phương diện vai vế, họ là cháu nên tôi có thể áp đặt dễ dàng, không cần phải biểu quyết, thuyết phục phức tạp theo phương thức đồng thuận.

Trong diễn trình chọn lựa, tôi đã cương quyết loại trừ hai đối tượng ra khỏi danh sách, tuy cũng đều là cháu gái. Hai cô vừa tốt nghiệp trung học cơ sở và được tuyển vào những trường tốt ở thành phố. Khi tôi gợi ý nên sử dụng xe buýt để đến trường như một thói quen di chuyển thông thường hàng ngày của giới trẻ khắp nơi trên thế giới, một cô trả lời rằng bố mẹ cô dứt khoát muốn tự mình đưa rước bằng xe gắn máy cho an toàn, đề phòng các tệ đoan xã hội có thể ảnh hưởng đến cô con gái rệu trên tuyến đường dài khoảng hai cây số! Cô kia thì ngại bạn bè bắt gặp, sẽ bị “chọc quê” (sic)! Lý do trước thì còn có thể châm chước, từ từ tìm cách “làm việc” để thuyết phục các bậc phụ huynh thay đổi quan điểm theo kiểu “mưa lâu thấm đất”, nhưng cái lối trả lời đồng danh của cô cháu thứ hai, thì thú thật là tôi chỉ mới nghe lần đầu! Chính vì thế mà cô cũng bị loại khỏi danh sách ngay từ vòng một, không chút đắn đo.

Ba cô cháu gái mồm non chơi chơi (cả ba đều là *fans* của ca sĩ Britney Spears và Đan Trường), hứng khởi ngồi nghe tôi “thuyết trình” về “lý do tại sao nên dùng xe buýt công cộng” và thuận tình làm những “con thỏ thử nghiệm” cho tôi, thật ra chỉ vì viễn cảnh sẽ được ăn sáng thả cửa cộng thêm một châu kem “chất lượng cao” ở cuối chuyến đi thực địa xe buýt. Các cô bé đều là học sinh trường chuyên, thuộc hạng giỏi trở lên, vừa “lém lỉnh” vừa “thực dụng”, có lẽ đã tự hỏi mình “tại sao không?”, chẳng mát mát gì, có khi lại vui. Có thiệt là cho cái ông bác “hâm”, chuyên làm việc “khuyến mãi” không công, lại phải tốn tiền túi! Những cái đầu “tóc ngắn, mắt bò câu” nghiêng nghiêng dễ thương lắc lư nhẹ theo tiếng nhạc phát ra từ chương trình MTV có vẻ như lắng nghe bài “thuyết trình về những điều lợi của xe buýt”, nhưng ai cũng biết tổng từ đầu là chẳng có gì lọt vào tai họ. Mươi lý do “top ten” ủng hộ “toàn dân đi xe buýt” vì an toàn, tiện lợi, giá rẻ, giảm mức độ ô nhiễm môi trường, tạo nét văn minh đô thị, khuyến khích giao tiếp xã hội, giải quyết công ăn việc làm, tạo những phút thư giãn, tái lập quyền được sử dụng các phương tiện chuyên chở công cộng cho cư dân...v.v... nói chung tương đối còn dễ giải thích; riêng những khái niệm phụ thuộc, nhưng quan trọng khác như “tiện nghi” và “cung cách phục vụ” của dịch vụ xe buýt thì còn phải chứng nghiệm tại hiện trường.

Nhóm ba “khách hàng tiềm năng” được hướng dẫn bởi hai “khách quen”, đã có khá nhiều kinh nghiệm về tuyến đường xe buýt Tân Sơn Nhứt - Bến Thành từ thời tiền thân của xe buýt mẫu (không biết những chiếc xe nhỏ màu vàng, mỏng như giấy ấy nay đã trôi giạt về đâu?). Vợ tôi còn có kinh nghiệm thực tiễn vừa được “cập nhật hóa” trước đó chỉ một tuần (thật ra phải được xem đó là một kỳ công vì đã biến bà cụ 80+ của tôi thành “khách hàng” của tuyến xe buýt này), nên đã đưa đoàn vượt qua cái ngã tư đầu tiên ngập ngựa bụi xe một cách an toàn, tiến đến trạm xe buýt gần nhất với hừng khí cao ngất của những người sắp chinh phục đỉnh Phăng-xi-păng!

Chúng tôi nhớ mất một chuyến, nhưng nào có sá gì, còn cả một ngày Chủ nhật thênh thang trước mắt. Không ai thấy tiếc vì trước đó vợ tôi đã gợi ý nên chờ chuyến xe màu đỏ/vàng mang nhãn hiệu

Deawoo, nghe nói được nhập trực tiếp từ Hàn Quốc. Lý do là tuy cùng mang số hiệu 28 và thiết kế theo cùng một mẫu mã, nhưng xe do Công ty Cơ khí Ô tô 1-5 lắp ráp, được sơn màu trắng/xanh lá cây thường rất chóng “nhạt màu theo thời gian” và các bộ phận phụ tùng được sản xuất nội địa bằng nhựa thường (cửa sổ phát hơi lạnh, nút bấm yêu cầu ngừng, loa phóng thanh) rất dễ hỏng, chỉ một thời gian ngắn sau khi đưa vào sử dụng. Chẳng biết nội tướng của tôi thu thập những tin tức ấy ở đâu, nhưng nếu tò mò quan sát xem ra cũng khá chính xác.

Chuyến xe thứ hai trôi tới khoảng 20 phút sau, vẫn còn nằm trong “giới hạn chịu đựng tâm lý”. Cả nhóm nhiệt tình nhảy lên xe. Ba cô “tiềm năng” nhanh chân chiếm hàng ghế còn trống ở cuối xe, nhưng chị bán vé đã vội vàng chạy đến nghiêm mặt, ra hiệu cho các cô dời đi hàng ghế khác. Cô cháu liếng thoắng nhất của tôi (mới 9 tuổi rưỡi đã đeo kính cận dày đến gần mười độ!) hơi bất mãn, ghé tai tôi hỏi lý do. Tôi không thể giải thích thỏa đáng, đành trả lời có lẽ là vì chị ấy e ngại các cháu lên xuống bậc ghế cao dễ vấp ngã gây tai nạn. Hàng ghế cuối ấy thông thường là nơi ưa thích của các thanh thiếu niên mới lớn. Họ thường ngồi thu hai chân lên mặt ghế, gập người ngủ gà ngủ gật, có khi còn dấm dúi hút thuốc, trên các chuyến xe buýt tôi thường thấy, nhưng chẳng có ai để ý hay nhắc nhở. Đó thường là hàng ghế bản và chóng hư hại nhất, nhưng được cái là ở vào hàng cuối, chẳng ai thấy. Vì thế mà thường trở thành địa điểm để đặt cái chổi và dụng cụ hút rác, trông rất mất vệ sinh và kém văn minh.

Vài phút sau khi mọi người đã an tọa, chị bán vé tiến đến với xấp vé trên tay. Chúng tôi nhanh chóng trả tiền và được đổi lại bằng những tấm vé có ghi mệnh giá 1.000 đồng nhỏ bằng hai ngón tay. Các khách hàng “tiềm năng” (đều dưới mười tuổi) thích thú ra mặt vì được miễn phí. Tôi cẩn thận giữ vé phòng khi có kiểm soát, nhưng nhìn quanh hầu như chẳng có ai làm chuyện đó. Trên sàn xe vung vãi những xác vé (không bấm lỗ), một cảnh thường thấy ở bất cứ một nơi công cộng nào.

Ở bến thứ hai, một nhóm trai gái trẻ ồn ào tranh nhau lên xe. Thấy không còn nhiều ghế trống, họ vui vẻ ngồi lên...lòng nhau, khiến chị bán vé tỏ ý không vừa lòng. Chị tiến đến một em trong nhóm với xấp vé trên tay. Các cô, cậu nhìn nhau lúng túng, bày tỏ sự vô tư của mình thành tiếng: “Ừa, phải mua vé à?”, “Em tưởng đi xe buýt không tốn tiền”. Đơn giản là các em thấy buồn, cuối tuần rủ nhau lên Sài Gòn “đi lòng vòng” cho vui, thế thôi. Trước đây cũng đã có những ý kiến đề nghị nên giảm giá vé tối đa, hoặc miễn phí cho sinh viên, học sinh để khuyến khích phát triển “nền văn hóa xe buýt”, nhưng cho đến khi nào thành phố có đủ sức bao cấp toàn bộ, thì các bạn vẫn phải mua vé vì tất cả đều trên mười tuổi.

Chị bán vé, dù đã được huấn luyện để đối phó với những tình huống bất thường này, cũng không che giấu được sự bực mình và mất kiên nhẫn. Nhìn thấy cô thở dài, mặt ngẩng lên trời, thật sự ngao ngán với những gì mình đang phải đương đầu, tôi nghĩ tình nguyện làm “mạnh thường quân” cho các “khách hàng đầu tiên” dùng phương tiện xe buýt với ý nghĩ “trong sáng” là mọi cái gì công cộng đều có thể sử dụng miễn phí. Tiếng cười đùa trở lại hồn nhiên, vô tư và tôi thật sự cảm thấy vui vì đã làm một chuyện nhỏ nêu gương “người tốt, việc tốt” nếu không có lời nhận xét của cô cháu tinh tế của tôi rót vào tai: “Mấy anh chị đó thiệt bất lịch sự, bác trả tiền xe cho họ mà không biết cảm ơn!”. Mặt cô bé héch lên sau câu nói, đầy vẻ tự trọng, đôi mắt lém lỉnh như sáng lên lấp lánh sau hai lớp kính dày cộm. Cửa đáng tội, trong thời gian gần đây hai danh từ “xin lỗi” và “cảm ơn” hầu như đã trở thành một điều khá hiếm hoi trong mỗi giao tiếp xã hội. Cô cháu của tôi nhờ ngày ngày vẫn cúi gập mình “đi thưa về gửi” trước các bậc trưởng thượng trong nhà, nên có thể được xem như một trong những trường hợp “quí hiếm” còn sót lại.

Chiếc xe buýt tiếp tục lộ trình, len lỏi một cách khéo léo qua dòng xe cộ đan xen như mắc cửi trên đường Lê Văn Sỹ, với một tốc khá đều đặn và nhẩn còi liên tục. Những hành khách và người đi đường đã thật sự yên tâm, không còn cảnh các “yên hùng” lơ xe bám gờ cửa, đu mình ra ngoài đập lên thành xe ầm ỉ, miệng liên tục gào “dô dô” hay “tới đi...” như những tháng năm trước đây. Không bao lâu xe đã

qua hết con đường Trần Quốc Thảo để quẹo qua Võ Văn Tần. Lòng xe lần lượt lấp đầy khách chọn phương tiện xe buýt để di chuyển vì nhiều lý do khác nhau: người lớn tuổi vì tiện lợi và an toàn; sinh viên/học sinh và công nhân vì giá cả hợp lý; và những “khách hàng đặc biệt” như chúng tôi vì mục đích “bảo vệ môi trường” và góp phần vào việc phục hồi và xây dựng một “nền văn hóa xe buýt”. Cô bán vé, trung tâm điểm của chuyến xe buýt mẫu, vai mang túi xách lớn, áo cánh trắng, váy màu xanh nhạt, hai cẳng chân khẳng khiu, lên xuống cật rập giữa những hàng ghế trên đôi giày cao gót, như sợ lấm bẩn. Khi nghe tiếng chuông yêu cầu dừng ở trạm sắp đến, cô quay lại tỏ vẻ bức mình: “Nghe rồi!”. Tôi và nội tướng vội vàng xua ba “khách hàng tiềm năng” xuống xe, tảng lờ như không nghe tiếng lầu bầu của cô cháu mau mắn đang tập tành học đòi “văn minh xe buýt” của tôi. Được cái là trẻ con hay chóng quên, nhất là sau khi đã được thết đãi một chầu bún bò Huế và mấy ly kem ú hụ ngay sau đó trên phố.

Những ai đã đi xe buýt “mẫu” như chúng tôi chắc cũng có những nhận xét chung là Transico đã có những nỗ lực đáng kể để xây dựng những tuyến xe buýt mẫu. Chất lượng phục vụ cũng đã bắt đầu thể hiện, dù vẫn còn rời rạc và chưa đạt chuẩn mục yêu cầu. Đã có cảnh người bán vé đưa tay giúp người lớn tuổi hay tàn tật lên xe, những khuôn mặt và nụ cười thân thiện của nhân viên bán vé đã xuất hiện đó đây, nhưng chưa được nhân rộng trên các tuyến đường và trên tất cả chuyến xe. Còn có nhiều cái phải chấn chỉnh, bổ khuyết và cải thiện từ phía người “sử dụng dịch vụ” (tác phong văn minh nơi công cộng, thói quen xếp hàng, kính già nhường trẻ) và người “cung cấp dịch vụ” (bảng biểu chỉ dẫn rõ ràng, bến chờ xe, bán vé và kiểm soát vé, cung cách phục vụ, đồng phục của nhân viên hợp lý và gọn gàng) để dịch vụ xe buýt và sử dụng phương tiện chuyên chở bằng xe buýt trên đường phố thật sự trở thành một cái nếp hay, một thói quen tốt, trước khi được xã-hội-hóa để tạo một nền tảng bền vững cho “nền văn minh công cộng”. Và có lẽ cách phổ biến nền “văn hóa xe buýt” (vẫn còn phôi thai) hữu hiệu nhất vẫn là cổ xúy và khuyến khích thể hệ tương lai sử dụng xe buýt, chỉ ít để đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

21-11-2004

Văn minh xe khách

X

in mời bạn hãy tưởng tượng thế này:

Bạn có chuyện cần phải đi Đà Nẵng gấp bằng xe khách đường dài. Người nhà chở bạn ra bến xe miền Đông, mua vé ở quầy tuyến đi miền Trung và đưa bạn lên tận chỗ ngồi theo đúng số ghế ấn định. Người nhà từ giã bạn đi về. Mọi việc diễn ra một cách chóng vánh và suôn sẻ.

Đây là lần đầu tiên bạn dùng phương tiện này cho một chuyến đi xa. Bạn vẫn thường nghe nhiều “chuyện dài xe khách” và những lời ta thán không ngớt về cung cách làm ăn thiếu văn minh và bừa bãi của các hãng xe đò, khiến bạn nghi ngờ về những ấn tượng tốt đẹp bạn đang có. Bạn nhìn xung quanh: lòng xe thoáng đãng và sạch sẽ, khách đồng hành ngả mình trong lòng ghế bình thản chờ đợi. Bạn gật gù “đâu có đến nỗi nào...” Nhưng điều làm bạn ngạc nhiên thật sự là những diễn tiến kế tiếp.

Đúng giờ khởi hành đã công bố, một người tuổi trung niên mặc đồng phục kaki màu kem trang nhã bước lên xe, cúi đầu nhã nhặn chào mọi người, rồi ngồi vào tay lái. Một người khác, cùng trang phục, nhưng trẻ hơn, đi dọc các hàng ghế, giúp hành khách điều chỉnh ghế ngồi cho thoải mái và thu dọn lại hành lý xách tay cho gọn gàng. Anh luôn nở nụ cười trên môi và chào hỏi rất thân thiện, cởi mở.

Người trung niên ngồi sau tay lái điều chỉnh lại cần âm thanh, rồi bắt đầu nói với một giọng tự tin và rõ ràng:

“Chào quý khách! Xin được tự giới thiệu, tôi là Tám Lành, tài xế chính và em Tư Nhỏ, phụ lái, hân hạnh được phục vụ quý khách trên chuyến xe tuyến xuyên miền Trung, mang số hiệu ĐN5 của hãng xe Tiến Lực, từ thành phố Hồ Chí Minh đi Đà Nẵng. Cuộc hành trình sẽ

kéo dài khoảng 12 tiếng, sẽ lần lượt đi qua các thành phố chính như Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Tuy Hòa, Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, trước khi đến Đà Nẵng, dự tính vào khoảng 6 giờ sáng ngày mai. Xe sẽ dừng lại ở Sông Cầu để quý khách dùng cơm tối (có món đặc sản mắm cá thu thịt heo luộc rất độc đáo!). Trong suốt cuộc hành trình, chúng tôi xin phục vụ quý vị nước ngọt và nước khoáng giải khát. Vì an toàn và vệ sinh chung, xin quý khách vui lòng đừng vất rác ra ngoài cửa xe. Tại mỗi ghế ngồi chúng tôi đã để sẵn một bao rác để quý khách sử dụng khi cần thiết. Nhà vệ sinh tự hoại ở phía cuối của xe.

Xin quý khách lưu ý, đây là một chuyến xe “không hút thuốc”. Trong trường hợp quý khách có điều gì cần xin quý khách cứ bấm chuông đặt ở trên trần cạnh mỗi hàng ghế, phụ lái sẽ vui lòng phục vụ tại chỗ theo yêu cầu của quý khách. Chúng tôi sẽ mời quý khách thưởng thức hai bộ phim chọn lọc vừa mới trình chiếu tại các rạp trong thành phố.

Chúng tôi cam kết sẽ cố gắng đưa quý khách đến nơi an toàn, đúng giờ và thoải mái.

Xin cảm ơn quý khách đã chọn Tiên Lực và chúc quý khách một chuyến đi như ý.”

(Băng bằng tiếng Anh được mở trong trường hợp có khách người nước ngoài).

Bạn cho rằng tôi đang nói chuyện viễn vông? Nhưng tại sao không nhỉ? Trên các chuyến bay của tất cả các hãng hàng không trên thế giới (kể cả Vietnam Airlines) và các chuyến xe lửa ở Âu châu, cơ trưởng đều tự giới thiệu và thông báo về lộ trình với hành khách trước khi khởi hành. Ở Mỹ, trước khi xe lửa khởi hành và dừng ở sân ga, trưởng toa ở đầu đứng chờ sẵn ở thềm mỗi toa xe để chào và phụ khách lên xuống. Trên nhiều chuyến bay, tiếp viên hàng không thường đứng chào khách lên và xuống.

Các hãng hàng không làm được, các hãng xe lửa làm được, thì chắc chắn các hãng xe khách đường bộ cũng làm được. Đây mới

thật sự là văn minh tiến bộ, để “hân hoan khách đến, dùng dằng khách đi”? Chỉ lo xa là nếu “đường bộ” mà văn minh lịch sự như thế thì e rằng “đường hàng không” và “đường sắt” sẽ... ế dài dài!

2/2002

Cạnh tranh bằng văn hóa kinh doanh

T

ên thì khó đọc và khó nhớ. Nhãn hiệu thì không được quen biết và truyền tụng như các “siêu sao” cỡ Hanoi Opera Hilton, Sofitel, Daewoo hay Melia. Thang máy thì chạy rì rà như ... rùa bò. Quán ăn thì chật hẹp. Địa điểm tuy có thuận lợi, nằm giữa trung tâm thành phố, nhưng nhìn vóc dáng khiêm nhường bên ngoài, khách bàng quan dù có rộng lượng lắm cũng chỉ liệt nó vào loại khách sạn bậc trung. Thế nhưng, khách sạn *De Syloia*^[1] (phát âm là “đờ xin-lô-i-a”) ở Hà Nội đã làm được cái chuyện “lội ngược dòng”, biến những yếu điểm của mình thành ưu thế cạnh tranh (competitive advantage), để trở thành nơi cư trú chọn lựa (place of choice) của nhiều khách ngoại quốc, Việt kiều và vắng lai trung lưu trong nước, trong cuộc bình bầu vừa qua do Saigon Club thực hiện. Lại có chuyện ấy được ư? Bạn nghi ngờ tự hỏi.

Hiển nhiên là khách sạn *De Syloia* không thể cạnh tranh, tồn tại và phát triển bên cạnh các nhãn hiệu “quí tộc” có tầm cỡ quốc tế dựa trên điều kiện vật chất khả hữu và qui mô yếu kém của mình. Trong cuộc tranh thắng không tương nhượng và bất bình đẳng hiện nay, nhất là trong lĩnh vực khách sạn và nhà hàng, một chiến lược doanh nghiệp thành công và bền vững cần triển khai tối đa những yếu tố *mềm* (soft), đặt trọng tâm vào việc khám phá và thực hiện những phương thức kinh doanh tâm lý hữu hiệu nhằm thu phục và chiếm lĩnh quả tim của khách hàng. Không như cách suy nghĩ thông thường, nó không chú trọng hoàn toàn vào những yếu tố *cứng* (hard) để tạo sức mạnh áp đảo vật chất, vốn đã trở nên vô hiệu khi tất cả đối thủ cạnh tranh hầu như đều đã đạt tới một mức độ tương đương, tạo cho khách hàng càng ngày càng có nhiều cơ hội chọn lựa.

Cái cốt lõi của những yếu tố *mềm* mà De Syloia khai thác triệt để là tối ưu hóa mức độ chất lượng dịch vụ thực hiện trong toàn bộ khách sạn. Nếu định nghĩa “chất lượng là sự chú trọng đến từng chi tiết” của sản phẩm, thì ban quản lý và toàn thể nhân viên của cái khách sạn “nhỏ mà khôn” này đã thực hiện khá hoàn hảo và nhờ đó, đã khá thành công. Và chắc chắn họ không thể làm điều đó nếu không tạo được một nếp *văn hóa chung* (corporate culture) được toàn bộ nhân viên công nhận, chia sẻ và thể hiện trong mỗi công việc lớn, nhỏ hàng ngày qua cách thức trang hoàng nội thất, trang phục của nhân viên, chế biến và chọn lựa thực đơn trong ngày, cung cách phục vụ, lòng tận tâm, thái độ hòa nhã và lịch sự của nhân viên...

Khách vắng lai thường xuyên sẽ không có ấn tượng gì đặc biệt nếu *De Syloia* chỉ cung cấp những “dịch vụ phụ” (extra’s) như ở nhiều khách sạn khác, chẳng hạn lẵng trái cây chào đón của giám đốc, lọ hoa tươi hàng ngày trên bàn phần hay một thỏi *chocolate* với lời chúc ngủ ngon trên gối khách mỗi đêm, hay tờ báo nhét qua khe cửa phòng vào sáng sớm. Nhưng nếu những “dịch vụ phụ” này được “cá nhân hóa” theo chi tiết cá nhân của từng khách đã được ghi vào “bộ nhớ” của *computer* và nhân viên phục vụ sau quầy tiếp tân hay phụ trách mỗi tầng lầu, sẽ trở thành những yếu tố “lấy lòng” khách hàng hữu hiệu nhất. Điều này khó có thể thực hiện được nếu nhân viên phục vụ không tận tâm tận lực và không tin tưởng vào những nguyên tắc cần biểu hiện của nền văn hóa chung, vốn đang rất thiếu vắng ở rất nhiều công ty và tổ chức hiện nay.

Nếp “văn hóa chung” đó tuy được thể hiện cụ thể qua những động tác cá nhân riêng rẽ, nhưng lại liên hợp nhịp nhàng với nhau theo một qui trình ấn định chặt chẽ và được tất cả nhân viên thực hiện nhất quán, để cuối cùng có thể đảm bảo được chất lượng dịch vụ của khách sạn dưới mắt khách hàng. Những khách ngoại quốc thường rất vui lòng với lời chào hỏi hòa nhã và thân tình của nhân viên khách sạn mà họ gặp bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, dù người đó là anh phụ bếp, chị phục vụ ở quán ăn, dì góp nhặt đồ giặt ủi, cô thu dọn phòng, chú thợ sửa sự cố kỹ thuật...

Thái độ và cung cách phục vụ tận tâm này đã tạo những ấn tượng thật tốt dù chỉ với những cử chỉ thật nhỏ. Chẳng hạn bất cứ nhân viên nào tình cờ đi qua thang máy đều mau mắn bấm nút gọi cho khách và chờ cho đến khi khách đã vào trong buồng thang máy mới chào từ giã. Dĩ nhiên họ không phải là *bell boy* chuyên trách phần vụ này, nhưng họ thành tâm tin rằng nếu để khách hàng chờ đợi lâu có thể sẽ ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với khách sạn. Và đó là trách nhiệm chung, không phải của riêng ai để khách sạn và nhân viên cùng có thể tồn tại và phát triển.

“Cá nhân hóa” khách hàng thể hiện qua sự quan tâm đối với thị hiếu, nhu cầu và đặc tính cá nhân của họ, nhất là trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, cũng là một yếu tố thành công quan trọng khác. Một khách Việt kiều kể lể với bạn thân ở Hà Nội về món “độc chiêu” ốc bươu Hồ Tây nhồi thịt ngày xưa; người bạn hiền chăm chú nghe và tế nhị ghi nhận sự khao khát tìm về hương vị ẩm thực truyền thống của khách phương xa. Vào khoảng xế chiều có người mang lại gửi ở quầy tiếp tân một *gà-men* món ăn đặc sản này. Dĩ nhiên là món “quà” ốc phải được thưởng thức ngay khi còn nóng, nhưng nó đã không được mang lên phòng như nguyên trạng, mà được bày biện cẩn thận trên khay gọn gàng và thanh nhã, có thêm đĩa rau xanh, vài cọng ớt đỏ thái mỏng... cho đủ hương vị quê nhà. Nhân viên tiếp tân không quên gọi điện thoại lên phòng thông báo về người “biếu” quà và chúc khách “bon appetit”. Nếu bạn là khách, liệu bạn có tỉnh bơ được với những “giá trị cộng thêm” tinh tế này không?

Riêng tôi thì không. Sau khi thử nghiệm với nhiều loại khách sạn, từ hạng “siêu sao” cho đến những nhà trọ ở khu phố cổ, tôi đã chọn *De Syloia* làm nơi dừng chân cho những lần ghé Hà Nội. Trong cái vóc dáng nhỏ bé, khiêm nhường của nó tôi đã tìm lại được bầu không khí thân thiết và được chăm sóc như một người thân. Chỉ cần gửi một *điện thư* ngắn, tôi có thể an tâm sẽ được dành cho căn phòng ở lầu 4 có chiếc cửa sổ mở ra con hẻm nhỏ yên ắng ở bên kia đường Trần Hưng Đạo nhộn nhịp. Căn phòng đó đã được “cá nhân hóa”, như một khoảng không gian riêng rẽ của tôi. *De Syloia* được điều hành như một khách sạn gia đình, nhưng không luộm thuộm, đã

đoan và sàm sỡ. Ở đó, hầu như tất cả nhân viên đều nhớ tên tôi và những than phiền nhỏ nhoi nhất đều được giải quyết thỏa đáng và chóng vánh.

Cái tên *De Syloia* đúng là thật khó nhớ và khó đọc, nhưng cũng vì thế mà khó quên. Nghe nói đã có lần nó đã được đổi thành *De Sylvia* trong một cuốn giới thiệu du lịch ở Mỹ để thêm phần mỹ miều và dễ đọc, nhưng cuối cùng lại cũng trở về với cái tên nguyên thủy của chủ nhân ngôi biệt thự này trong thời Pháp thuộc. Đã là khó quên thì phải trở lại, dù phải trả một giá khá đắt (45US\$ cho phòng đơn và 60US\$ cho phòng đôi, đã giảm giá vào thời điểm 12-2001).

Xin gửi bạn một bí quyết thành công đơn giản: phàm một người đẹp thì thường hay kênh kiệu, nếu bạn có thể cung cấp một sản phẩm với chất lượng bảo đảm được khách hàng công nhận, bạn “có quyền” rao giá cao (premium price), miễn là bạn đặt toàn bộ trái tim của bạn vào nó và luôn giữ lòng trung thành với những nguyên tắc nhất quán của mình.

Lòng trung thành của khách hàng không thể mua với bất cứ cám dỗ vật chất nào. Đó là một thái độ thuyết phục và hoàn toàn tự nguyện. Nếu bạn làm được điều đó, khách hàng sẽ không phụ bạn.

AIT, 25/09/2002

[1]Địa chỉ: 17A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; điện thoại: (84-4) 824 5346; fax: (84-4) 824 1083; e-mail: desyloia@hn.vnn.vn; web site: <http://www.desyloia.com>. Khách sạn có 8 tầng lầu, gồm có 33 phòng, giá công bố hiện nay là 80US\$ (đơn) và 90 US\$ (đôi) kể cả VAT và điểm tâm buffet.

Bát phở Bắc

Ở

Hà Nội có ba món “quà sáng” đặc trưng và thịnh hành nhất: phở, bún riêu và bánh cuốn. Tạm thời, chỉ xin bàn về phở.

Món phở cầu kỳ, thanh lịch, hợp khẩu vị và thể hiện bản sắc đất Bắc như thế nào mà đến nỗi những tài danh sành ẩm thực trong thế kỷ trước như Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Bằng và Tô Hoài... đều hết lời tán tụng.

Vậy nên, cứ mỗi lần có dịp đến Hà Nội, người viết đều nhờ học trò cũ, bạn bè và đồng nghiệp đưa đi thưởng thức giáp vòng các tiệm, quán phở “biết tiếng” trên các phố hay tận cùng ngõ ngách của thành phố: từ phở Thìn Bờ Hồ/Lò Đúc, Thẻ Giao, Trần Hưng Đạo, Lý Quốc Sư, Bát Đàn, Quốc Tử Giám, Nguyễn Du, qua phở Xương ở ngõ Phát Lộc, phở Hàng Giày trong khu phố cổ. Có lẽ chỉ còn sót loại phở *gánh* mà các vị tiền bối đã miêu tả chi li qua từng lớp bánh phở tươi hơi chua mùi bột gạo, miếng thịt thái mỏng đập mềm bằng chiếc dao đặc dụng, nước dùng hầm xương bò trong vắt... nhưng lại không nêu rõ địa chỉ đích xác của “gánh phở trong nhà thương Bạch Mai” và “quán phở Tàu Bay (ông chủ đội mũ pilot!)” (trong hồi ký *Cát bụi chân ai* của cụ Tô Hoài), khiến người viết chưa có dịp được nếm mùi nên chưa thể kết luận cụ thể và khách quan về “tính siêu việt” của “món ngon, vật lạ đất Hà thành” này. Ở đây chỉ xin ghi lại một vài cảm nhận thô thiển từ một thực khách xa nhà đã lâu, nhưng lại có tật hiếu kỳ.

Theo công thức chế biến cổ truyền, nước phở phải được chắt lọc từ một số lượng xương được chọn lựa kỹ càng từ các bộ phận “rường cột” của thân thể con bò, vốn là một gia súc có sức kéo mạnh mẽ, nhưng được nuôi dưỡng tương đối sạch sẽ, thuần cổ. Một khi chất nước cốt này (được hầm với nước tinh khiết trong nhiều giờ) được góp vào một tổng thể gồm bánh phở (bột gạo), thịt tái chín, trần (hay

nạm gầu), vài lát gừng đập dập, đôi cọng rau ngò, khoanh hành tây mỏng... sẽ cung cấp đầy đủ lượng calorie và vitamin cần thiết đồng thời lại rất an toàn vì đã được nấu nhừ và thanh trùng bằng các loại quả khô và gia vị tươi (như gừng và hành) có tác dụng trị bệnh thời khí.

Món phở Bắc cổ truyền lại còn được tăng thêm phần thi vị qua những đoạn văn miêu tả cảnh náo nức quanh một quán phở quen thuộc, những thực khách mặt lộ vẻ hài lòng, xuýt xoa ôm bát phở nóng trong tay, hai cánh mũi giãn ra hít lấy hít để cái chất nước béo ngọt ngào những hương vị hấp dẫn khẩu vị bốc lên từ bát phở trong cái lạnh heo may của buổi sáng chớm Đông.

Đừng vội vàng nhé! (như ai đó rành rọt nhắc nhở). Trước tiên, hãy dùng thìa ấn nhẹ những mảng bánh phở xuống dưới mặt nước cốt trong suốt của chiếc bát sứ, gạt một lượng vừa đủ nước dùng vẫn còn nóng bỏng, rồi thận trọng đưa sâu vào trong vòm miệng, đổ từ từ lên lưỡi để cảm nhận hết cái “tinh túy” của chất nước cốt xương tinh khiết cho thấm trên từng kẽ răng, trước khi nước phở mất hương vị nguyên thủy vì trộn với bánh bột gạo trắng chua, mỡ thịt và các loại rau mùi. Một khi lớp nước dùng đầu tiên (phần chính) đã được thực khách lim dim mắt gật gù chuẩn nhận, thì vào lúc cuối, bát phở phải được nâng lên bằng hai tay, dùng miệng húp cho đến hết phần nước dùng còn lại trong bát, sau khi “phần phụ” của bát phở (bánh phở và thịt) đã được ăn hết. Theo chuyện kể, những người “kén phở” khó tính (như cụ Nguyễn) thường bỏ dở bát phở, nếu phần nước dùng không đạt tiêu chuẩn như kỳ vọng. Ngon, bổ và hấp dẫn như vậy thì có ai không còn cào muống ném thử một lần cho biết mùi đời?

Điều đáng buồn là nồi nước phở ngày nay không còn xuất phát từ tinh túy của những khúc xương bò theo lối chế biến cổ truyền nữa. Sự lạm dụng mì chính (bột ngọt) tối đa để tăng khẩu vị “bùi, ngậy, béo và ngọt” của nồi nước dùng đã lấy đi tính “đặc vị” từ bát phở Bắc xưa (nếu có) xuất phát từ Nam Định để trở thành trần trụi một món “quà sáng dân dã”, mà chắc chắn nếu các bậc tiền bối còn sống sẽ phải lắc đầu ngao ngán!

Hà Nội, 2005

Mùa Đông Phương Tây và Nỗi Lòng Phương Đông

S

uốt cả tuần lễ, hàn thử biểu bất động ở mức mười độ âm. Trời rộng thênh thang, xanh thăm thẳm, không một gợn mây. Thỉnh thoảng chỉ có một chút gió heo hắt thổi qua, nhưng cái lạnh tích lũy từ cuối thu như làm tê cóng từng giọt máu, đã thâm tím, đang cố thoi thóp thở sau những lớp áo quần dày cộm. Trời khô khốc, cóng lạnh đến nỗi có thể nghe từng thớ đất nứt, cựa mình trong đêm. Mùa đông năm nay thật ngạt nghèo cho những ai vốn đã quen với khí hậu nhiệt đới như tôi.

Cuối đông là “mùa đoàn tụ gia đình” ở Âu châu. Những lễ lạc truyền thống diễn ra trong tiết đông giá khiến con người dễ xúc cảm về những cảnh đời khổ cực quanh mình. *Mặc ấm* thì chợt thấy xót xa cho những người không nhà đang co ro dưới một gằm cầu hay một mái hiên lộng gió nào đó. *Ăn no* thì không đành lòng nhìn cảnh trẻ-con-người-lớn đói khát tận ở Phi châu. Người ta mở rộng lòng, tỏ ra hào hiệp hơn, rộng lượng hơn trong những cuộc lạc quyền cứu trợ vào cuối năm, chan hòa “thông điệp bác ái” của mùa giáng sinh. Một thoáng nào đó, con người chợt cảm thấy một chút chua xót: trái tim mình quá nhỏ nhoi mà những cảnh khổ ải trên quả đất thì hầu như vô tận!

Tinh thần tương trợ không chỉ liên quan đến con người mà thôi. Khi trời chỉ chớm lạnh, lác đác đã thấy có những người lo xa đem đặt những chiếc lồng nhỏ khá thơm mát, không quên treo những vòng thực phẩm khô ở cuối vườn để những con chim lạc loài có chỗ ăn nghỉ trong suốt mùa đông lạnh giá. Chim đã quanh quẩn với người suốt cả năm, vào mùa tuyết sương cũng không đành lòng xuôi Nam tìm nắng ấm như lũ chim ngỗng trời vùng từ Bắc âu. Chúng bay từng đàn, đen kịt cả một mảng trời. “Cuộc di tản chiến lược” ấy có

khi kéo dài cả ngày. Con người thường theo dõi hiện tượng lạ thường đó với một sự hiếu kỳ, thích thú tột cùng, nhưng trong thâm tâm không gợn một chút thương cảm nào.

Vào khoảng đầu thu, trước khi mùa mưa dầm bắt đầu, những con chim én có màu lông đen tuyền bắt đầu xây tổ trên những thanh cột gỗ trong một góc lan can nhỏ của nhà tôi. Chúng làm việc kiên trì và thận trọng, tha từng cọng cây khô kết thành một khối chông chéo bằng chính nước miếng của mình, dày và gọn ghẽ chỉ vừa một lòng bàn tay. Chúng chỉ mất một ngày trời để làm việc đó, nhưng những chất thải từ người chúng trong suốt “quá trình xây dựng” vung vãi khắp trên mặt đất. Suốt những tháng năm sau, nơi góc nhà êm ả đó không ngớt phát ra tiếng riu rít của những đám chim con mới ra ràng, đói ăn.

Năm nay, khi tôi về lại Hà Lan để nghỉ đông, những chiếc tổ kết hợp bằng những cọng cây/rom khô và nước miếng vẫn còn đó, nhưng những con chim én không còn ở đó nữa. Khoảng không gian nhỏ mở ra vùng trời bên ngoài đã được che kín bằng một lớp lưới chống muỗi, trông gọn gàng hơn và ấm áp hơn trong cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông năm nay. Một cái tủ và nhiều sách vở của tôi đã được chuyển ra đó, nhưng tôi đã không đọc được một trang sách nào trong suốt những ngày đông giá, lạnh đến nỗi không ai muốn ra đường. Trong nhiều ngày, tôi thấy những con chim én có màu lông đen tuyền chao đảo, lượn qua lượn lại nhiều lần trong mảnh vườn nhỏ dưới lan can của nhà. Chúng không buồn ghé xuống nhặt những mẩu bánh mì khô tôi đã vất ra trên sân. Những con-chim-én-nhà khăng khít cả chục năm nay đã giận những con người bạc tình rồi chẳng? Cũng trong lần về thăm nhà lần này, tôi được biết cô con gái bé nhỏ của tôi sẽ rời nhà chúng tôi đi ở riêng trong năm mới. Nó phải có cơ hội hiểu đời và hưởng đời, như bao nam thanh nữ tú mới lớn khác cùng độ tuổi, nhưng sao vẫn thấy bàng hoàng, lo âu. Trong những giấc mơ sau đó, tôi vẫn thường thấy con mình chơ vơ ngoài khung cửa, nài nỉ xin được vào căn phòng bé xíu của mình. Có lúc nó biến thành con én có lông màu đen tuyền chao lượn trong khu vườn nhỏ của tôi. Như một cõi đời chơ vơ...

Một tuần trước cuối năm, tuyết bắt đầu rơi. Những bông tuyết trắng phau, nhẹ nhàng đậu trên cây cỏ trong vườn như rải bột. Khắp nơi chỉ một màu trắng nhưng nhức. Lâu lắm mới thấy một “Giáng sinh trắng”. Tôi nhìn ra vườn, trên tấm thảm tuyết bỗng hiện rõ những vết chân chim tách bạch ba chạc. Những con chim én đã dùng chiếc mỏ bé tí, khơi những mẩu bánh mì khô đã bị tuyết phủ kín từ đêm qua. Chúng bước những bước chậm rãi, như quên đi cái lạnh giá mang theo từ những bông tuyết trắng đổ xuống trên đám lông đen tuyền. Những dấu chân chim để lại như chính vết chân tôi, lạc lõng vô cùng trên một vùng đất mông lung, không bến bờ.

Trong tiếng nhạc thánh ca êm dịu, tự dưng một niềm thương cảm vô cớ lại dâng lên như một cơn thủy triều bất chợt. Tôi không biết mình thương cảm những con chim én, con gái tôi hay chính cuộc đời tha hương vô định của mình?

Blaricum, mùa đông 1996.

Cuối năm và những người không nhà

T

háng cuối năm ở châu Âu thường là một chuỗi lễ hội để đền bù cho một năm dài làm việc gian khổ. Những cây thông lấp lánh hoa đèn và bóng dáng những ông già Noel trong màu áo đỏ tươi xuất hiện khắp nơi cùng tiếng nhạc rộn rã làm náo nức lòng người chờ đón ngày Giáng sinh và năm mới.

Nhìn ở một góc cạnh khác thì người phương Tây ăn mừng những ngày lễ cuối năm trong một điều kiện thời tiết chẳng thuận lợi chút nào. Vào giữa tháng Mười hai, trời thường bắt đầu bằng những cơn mưa dai dẳng, nối tiếp bằng những trận bão, triều cường, mưa đá, sương giá và bão tuyết như muốn vét hết những tai ương còn lại của cả năm giáng xuống trần gian, thách đố lòng kiên trì và lạc quan của con người. Trong cánh gió mưa vùn vùn, mây xám nặng nề thường xuyên bao phủ bầu trời, con người thường chùng lòng xuống, nghĩ đến những khổ đau đời thường, ít nhiều chua xót về thân phận của mình và những người cơ nhỡ khác.

Trong tâm trạng không mấy lạc quan đó, yếu tố thời tiết lại trở nên thích hợp để mọi người đóng chặt cửa, nhóm lửa đốt lò sưởi và "xích lại gần nhau" trong căn phòng ấm áp với những người thân xung quanh. Chính từ các bữa tiệc gia đình và những cốc rượu sưởi ấm đã nảy sinh lòng lạc quan và con người trở nên bao dung, rộng lượng, sẵn sàng chia sẻ hơn. Vì vậy, những cuộc lạc quyên với nhiều mục đích cho mọi nơi trên thế giới thường "được mùa" trong những tháng cuối năm. Những người già cả neo đơn và vô gia cư cũng được cùng chan hòa trong niềm hân hoan cuối năm của đồng loại.

Nước Pháp luôn tỏ ra là quốc gia đi tiên phong trong sáng kiến đem lại sự ấm áp cho người *vô gia cư* (clochard). Một tuần lễ trước Giáng sinh, 24 tỉnh ở miền bắc, kể cả thủ đô Paris, đã phát lệnh “báo động đỏ” vì một đợt rét kéo dài đưa nhiệt độ xuống 5 -10 độ âm, và như vậy sẽ đe dọa đến cuộc sống của dân vô gia cư, đa số là người cao tuổi trong vùng. Báo chí đưa tin về cái chết vì lạnh công của hai *clochards* trong một cái chuồng ở vùng quê Amiens và trên lề đường ở Saint-Denis càng làm tăng tính khẩn cấp của các biện pháp đối phó.

Chính quyền Paris lập tức ra lệnh mở các phòng chờ ở các sân ga tàu điện ngầm suốt đêm, kêu gọi các nhà thờ mở rộng cửa, tăng cường số giường ở các phòng tập thể dục trong nhà, mở các bếp từ thiện... để có thể cung cấp đủ “nơi ấm áp” và bữa cơm nóng cho khoảng 12.000 người vô gia cư và chừng hơn 30.000 người khác đang cư ngụ tạm thời tại các căn nhà bỏ không trong thành phố. Tuy thế, việc thi hành các biện pháp này xem ra không dễ dàng chút nào. Một số *clochards* không mặn mà lắm với các trung tâm tiếp cư vì ngại gia tài nhỏ nhoi của họ sẽ bị trấn lột, số khác thì không muốn rời con chó hay mèo thân yêu của họ, hoặc ngại những khó khăn do thiếu giấy tờ tùy thân.

Ở xứ sở mù sương năm nay xem chừng có phần hơi quá đà trong “chính sách đãi ngộ” dân *vô gia cư* (homeless). Khu nhà vòm Thiên niên kỷ (Millenium dome), xây dựng với giá 1 tỉ euro và là niềm tự hào của London, được chọn làm “tổ ấm” cho những kẻ không nhà như trong những tác phẩm xã hội náo lòng của Charles Dickens. Dân *homeless* không những được “mời” đến ngụ ở đó một thời gian với “chăn ấm nệm êm” và “cơm canh nóng sốt” mà còn được thưởng thức những chương trình văn nghệ thú vị trong suốt những ngày lễ.

Tuy nhiên, phải nói là Hà Lan mới là một trong những quốc gia ở Bắc Âu có một chính sách hỗ trợ người *không nhà* (dakloos) hữu hiệu và nhất quán nhất. Trên nguyên tắc, tất cả những ai có thể chứng minh được là không có một mái nhà... che trên đầu đều được quỹ xã hội trợ cấp 750 euro/tháng (ngưỡng “đói nghèo” được ấn

định khoảng 700 euro/tháng ở châu Âu). Ngoài ra, họ còn được khuyến khích tạm trú tại các trung tâm tiếp cư (opvangcentrum) với giá “mềm” 2 euro/đêm, bao gồm cả bữa ăn nóng. Tuy vậy, cũng như các “đồng nghiệp” khác ở châu Âu, đa số dân *dakloos* ở Hà Lan không chọn những nơi được chỉ định này làm “mái che đầu” dù là tạm thời.

Khi được hỏi lý do, Dennis (một *dakloos* 28 tuổi chỉ mới nhập đội ngũ này trong năm nay) cho biết mặc dù điều kiện ở các trung tâm tương đối tốt, song nhiều người ngại phải chia phòng/ba giường với những kẻ chích choác nghiện hút và đồng tính luyến ái. Bị hỏi dồn, anh bật mí được hưởng “chế độ vô gia cư” nhưng chưa từng ở trung tâm một ngày nào!

Mỗi ngày anh làm một vòng thăm viếng các thân nhân, giải quyết vấn đề vệ sinh, tắm gội, ở lại ăn bữa cơm nóng để vừa giữ được mối thân tình gia tộc vừa giữ được tình trạng tâm lý ổn định, không bị mặc cảm sống tách khỏi cộng đồng xã hội. Nếu buồn quá thì tối tối lại lai vãng ở các quán rượu, mời cô gái nào đó trông có vẻ cô đơn một ly bia 2,5 euro, nếu may mắn “đụng đèn” có khi còn được nàng mời về nhà giải quyết “vấn đề tâm sự”, và trong trường hợp “mặn mà” hơn thì tạm dừng chân đỡ phải đi lang thang một thời gian. Anh tự hào vỗ vào túi quần phòng lên, hể hả về thành quả do sự khôn ngoan của mình.

Tối nay Dennis sẽ ở lại dùng cơm tối với gia đình tôi. Một bữa cơm bình thường, hoàn toàn không trang trọng với những món ăn đặc biệt trên bàn như bất cứ một bữa *reveillon*^[1] nào trên thế giới. Nhưng chẳng sao, cả anh và tôi đều sẽ vui và hài lòng vì cả hai đều có một mái che trên đầu và một bữa cơm nóng gia đình thăm đượm tình đồng loại, như thông điệp nhân ái của mùa Giáng sinh.

Amsterdam, 25-12-2004

[1] Tiệc nửa đêm; một dịp để gia đình đoàn tụ, vui đùa sau khi dự lễ Giáng sinh ở nhà thờ về.

Góc gió lộng

K

hông biết do tình cờ hay là kết quả từ tính chính xác cố hữu của người Đức trong qui hoạch mà Windhoek lại nằm đúng ở trung tâm điểm của Namibia (GNP/đầu người: 3.671 US\$), một quốc gia non trẻ ở phía tây nam châu Phi, chỉ mới được khai sinh trong vòng hai thập kỷ trở lại đây. Dù ngẫu nhiên hay cố ý, ở vị trí đặc biệt đó, thủ đô Windhoek dễ dàng vươn tay nối với tất cả 13 tỉnh nằm tản mác dọc ngang trên một diện tích rộng gần gấp ba lần Việt Nam, nhưng dân số chỉ lèo tèo chưa tới 2 triệu người!

Chỉ riêng cái tên *Windhoek* (góc gió lộng) cũng có nhiều bàn cãi. Có người cho rằng nó đã được đọc trại đi từ Winterhoek (góc mùa Đông) có từ thời thuộc địa Đức xa xưa; nhưng cũng có thể hiểu giản dị là nó đã được Jonker Africaner, một thủ lĩnh bộ tộc Nama thuở đó, đặt tên theo cái trang trại nơi ông sinh thành ở Nam Phi vào năm 1840.

Trên nhiều bình diện, Windhoek là một thành phố hội đủ những đặc tính thuận lợi để chọn làm thủ đô. Từ hơn một thế kỷ trước, thực dân Đức đã xác định một điểm trung tâm giữa một chuỗi 5 khu dân cư khác (Keetmanshoop, Mariental, Rehoboth, Otjiwarongo và Tsumeb), tất cả đều nằm trên một trục kẻ thẳng ngược từ nam lên bắc, để đặt bản doanh của quân đội viễn chinh Schutztruppe nhằm can thiệp nhanh chóng những cuộc xung đột quyền lực giữa hai bộ tộc Herero và Nama. Từ những tình cờ hay đặt định của lịch sử, Windhoek ngày nay có thể được xem là một trong những thành phố tiêu biểu trên toàn châu lục đen, đã bảo tồn và khai thác một cách hài hòa những di sản của thực dân, để thỏa mãn khát vọng tự do và phát triển sau khi giành lại độc lập từ nước bảo hộ cuối cùng Nam Phi, cách đây vừa đúng 20 năm.

Từ cửa sổ máy bay nhìn xuống, Windhoek như một ốc đảo (oasis) nằm lọt thỏm giữa những dải sa mạc dài như vô tận (Namib dọc theo bờ biển phía tây và Kalahari ở phía đông), được vây bọc bằng những rặng núi trọc nối tiếp, thấp lè tè. Vào giữa tháng 10, vừa bắt đầu vào hè ở vùng nam bán cầu, nhiệt độ tăng lên trên 30°C, cả bầu trời trong xanh toàn bích không một gợn mây, như một chiếc bát úp trong suốt chân trời-đỉnh trời-chân trời khổng lồ bao trùm một vùng đất mênh mông khô cháy, vàng hanh, đã được hong khô từ thuở hồng hoang. Họa hoằn lắm mới thấy một thân cây nhỏ với chút lá xanh trên đầu ngọn cỏ vươn lên giữa những vùng cỏ cháy khô biểu trưng một nỗ lực tồn tại tuyệt vọng, dù với đôi chút tự hào, của những bộ tộc thổ dân đang dần dần lụi tàn sau những cơn địa chấn thuộc địa và *apartheid* (kỳ thị chủng tộc) từ Nam Phi *trắng*. Trong bối cảnh đó, Windhoek nổi lên như một điểm sống giữa một vùng đất chết.

Dưới con mắt của khách du lịch thông thường, Windhoek chỉ là một thành phố rất nhỏ với dân số không tới 200.000 người, tuy gọn gàng sạch sẽ (đến độ kinh ngạc), xinh xắn (với những kiến trúc tường vôi vàng nhạt-mái ngói đỏ-cửa sổ cao đỉnh bán nguyệt từ thời thuộc địa và những công viên đầy hoa thắm và nhiều thảm cỏ xanh) và hiện đại (nhà cao tầng-khách sạn-ngân hàng), nhưng khô hanh (khí hậu sa mạc và ít mưa) và vẫn còn đáng dấp hơi quê mùa, dễ gây chán (theo www.world66.com/africa/namibia/windhoek). Nhưng tính hiện đại của Windhoek và những thành phố đang được xây dựng ở vùng biển (đặc biệt là Walvis Bay và Swakopmund) thật sự vượt lên trên những tiêu chuẩn “to đẹp” và “hoành tráng” thông thường, để thực sự tạo một cuộc sống hòa hợp, ổn định, có chất lượng và bền vững cho một tập thể dân số phức tạp về nhiều phương diện (87.5% da đen, 6% da trắng và 6.5% da màu), luôn luôn có nguy cơ xung đột tiềm ẩn về sắc tộc, quyền lực chính trị, xã hội và kinh tế.

Trong cái nhìn đó, Windhoek là một tác phẩm gần như tuyệt hảo của các nhà kỹ trị thiết kế đô thị tài ba và các chính trị gia sâu sắc, được cấu kết hài hòa giữa kế thừa và hiện đại, nới rộng và bảo tồn. Đại lộ Độc lập (Independence Avenue) là con đường dài nhất, cắt trung tâm thành phố ra làm hai khu tách biệt: phía bên phải là *trung*

tâm quyền lực (nhà thờ, tư pháp, lập pháp và hành pháp); đối diện phía bên kia là *xã hội dân sự* năng động (trung tâm kinh tế thương mại và dân cư). Và quyền lực cũng được phân chia theo thứ bậc rõ ràng theo nguyên tắc thượng tôn pháp luật, thế quyền trên giáo quyền và dân chủ đại nghị. Từ Independence Avenue nhìn lên ngọn đồi thoai thoải bên kia, những vị trí bề thế nhất được dành cho Tòa án Tối cao, Nhà thờ (Christuskirche) và Quốc hội. Bên cạnh tòa nhà đồ sộ vuông vức, gần 100 thước mỗi chiều từ thời thực dân để lại (Tintenpalast), là trụ sở của chính phủ (nơi thủ tướng và nhiều bộ của nội các làm việc, trông thật khiêm nhường, dù với những cột ăng-ten truyền thông hiện đại cao ngất ngưởng. Cách đó chừng một trăm thước là khu Thành cổ (Alte Feste), từng là biểu tượng quyền lực tối thượng của bộ máy cai trị thời thực dân và là nơi đã từng giam giữ hàng ngàn chiến sĩ cách mạng của nhiều thế hệ đấu tranh cho nền tự do và độc lập của vùng Tây Nam châu Phi, nay là Nhà bảo tàng cách mạng của thành phố. Khách tham quan ngỡ ngàng ghi vài dòng ngắn ngủi vào sổ lưu niệm: “Lịch sử được ghi lại rất chính xác và ngắn gọn; di vật được trình bày tuy khiêm nhường mà đầy ý nghĩa; xin chúc mừng!”

Còn có cảm nghĩ nào thành thật và chính xác hơn khi được chiêm ngưỡng toàn bộ di sản (hình ảnh và vật dụng cá nhân của các nhà lãnh tụ cách mạng tiền bối và cận đại) của một cuộc chiến đấu trường kỳ và gian nan của nhiều thế hệ được gói ghém, trưng bày chung trong một vài căn phòng nhỏ ở chính cái nơi đã từng là mục tiêu phải triệt phá của nhiều cuộc chiến đấu. Số phòng còn lại (nhiều hơn) được dành để tái hiện lại sinh hoạt (phương tiện di chuyển, trang phục, trang trí nội thất, nồi niêu, thuốc men, trang phục cô dâu và dạ hội tiêu biểu...) của những gia đình di dân tiên phong đến vùng đất này từ nước Đức xa xôi!

Có vẻ như Namibia đã được thừa kế và biết bảo tồn nhiều ưu điểm từ những kẻ đã từng cai trị mình: tổ chức chặt chẽ và kiên hiệu từ Đức (thành phố gọn gàng, tươm tất và sạch sẽ); trật tự và thượng tôn pháp luật từ Anh và Hà Lan (luật pháp nghiêm minh và cụ thể); dân chủ hạ tầng và óc sáng tạo tự do từ Nam Phi (bình đẳng và phát triển sinh hoạt cộng đồng). Có thể thâu tóm tất cả những điều

đó vào tấm bảng lớn treo ở tiền sảnh của tòa nhà Quốc hội, trên đó công bố rõ chương trình nghị sự toàn kỳ hay trong ngày, số dự luật sẽ được bàn cãi trong khóa họp, số bộ luật đã được thông qua, biên bản nội dung các phiên họp khoáng đại của cơ quan dân cử cho công chúng tham khảo. Nhưng đặc biệt nhất là “thành tích” của Quốc hội được công khai hóa bằng con số cụ thể (tổng số ngày họp, số dân biểu hiện diện, số luật được bàn cãi và thông qua...) để cử tri có thể đánh giá năng suất làm việc và nhiệt tình cống hiến của các vị dân cử, hầu quyết định lá phiếu một cách chính xác hơn vào kỳ bầu cử kế tiếp. Khách đi dạo còn đọc thấy những bố cáo của thành phố treo ở các trạm xe buýt, mời cư dân tham gia các buổi họp được tổ chức tuần tự trong tháng ở nhiều địa điểm, để cùng thảo luận về “tương lai của thành phố và của chính bạn và gia đình của bạn”.

Với dân số khiêm nhường và một cơ sở hạ tầng được thiết kế gắn chặt với nhu cầu phát triển của thành phố như vậy, Windhoek chưa bao giờ biết đến nạn kẹt xe và ô nhiễm môi trường vì khói xe thải. Thi thoảng mới thấy một chiếc xe gắn máy phân khối lớn từ các trang trại ở ngoại thành lạc vào, với những chuỗi tiếng ồn quá tiêu chuẩn làm xao động sự êm ả thường ngày của thành phố. Ở khu phố xá trung tâm chỉ thấy người đi bộ và những bãi đậu xe rộng thênh thang. Vào giữa trưa, chuông nhà thờ từ trên đồi thả xuống từng tiếng khe khẽ như không muốn khuấy động giấc nồng của vài cư dân còn nằm dài rải rác trên những thảm cỏ dưới những gốc cổ thụ bồ đề trong công viên giữa thành phố. Nhưng ấn tượng nhất đối với khách du lịch đầu tiên đến thủ đô là cái đẹp rực rỡ của những chùm hoa tím *Jacaranda*, được thả xuống từ những hàng cây có dáng dấp như phượng vĩ, dọc theo con đường dốc dẫn lên tòa nhà Quốc hội. Giữa trời xanh, nắng trong, hoa thắm, tiếng chim kêu rộn ràng và bầu không khí yên vắng của một sáng Chủ nhật, khách nhàn du tưởng như đi lạc trong ngự viên, lâng lâng tiếng nhã nhạc cung đình và những tà áo tím thơ mộng của Huế xưa.

Dĩ nhiên Windhoek cũng đang phải đương đầu với những vấn nạn xã hội phát xuất từ nạn thất nghiệp cao (37% với giới trẻ) do làn sóng di dân từ thôn quê và vùng núi ra thành thị vì hiếu kỳ hoặc vì

mưa sinh. Nhưng nhìn chung, Windhoek là một thành phố khá an toàn, ngày cũng như đêm, mặc dù đây đó cũng có trộm cướp, hành khất và kỳ nữ ăn sương trên đại lộ chính khi đêm xuống (phần lớn từ các nước láng giềng Angola, Zimbabwe và Nam Phi sang hành nghề). Việc bảo vệ trật tự công cộng, an toàn tư gia và doanh nghiệp hầu như đều được “xã hội hóa” do các hãng an ninh tư nhân được phép vũ trang (Armed Response) phụ trách (tương tự loại hình “Long Hải” ở Việt Nam); bên cạnh đó còn có những thanh niên tự quản trang bị gậy cao su (loại hình dân phòng ở TP Hồ Chí Minh) thường xuyên đi rảo trên những khu phố chính và công viên trung tâm, thay thế hình ảnh của các cảnh sát viên mặc đồng phục thường thấy ở nhiều thành phố trên thế giới, khiến bộ mặt và không khí đường phố bớt căng thẳng và thân thiện hơn. Ngay cả hành khất và kỳ nữ về đêm cũng có phong cách riêng của họ. Cũng như những người bán báo buổi sáng, họ chia nhau mỗi người chiếm ngự một góc phố, có khi chỉ đặt một chiếc ly bằng nhôm (để nghe tiếng đồng xu rớt vào) ở trước mặt, rồi nhắm mắt tĩnh tâm thả hồn theo tiếng nhạc nhà thờ từ chiếc máy thu thanh xách tay; tuyệt đối không thấy họ níu kéo, năn nỉ, ỉ ôi với khách qua đường bao giờ. Vài “cái bang” khác thì “hành nghề” có “bài bản” hơn. Khách nhàn du đang lúc lim dim mắt tận hưởng một chiều Chủ nhật an nhàn công viên-cỏ xanh-gió lộng, bất chợt có người lân la đến chào hỏi thân thiện. Bạn sẽ được nghe kể, bằng một thứ tiếng Anh khúc triết, “câu chuyện buồn” của một trung niên bị bệnh tâm thần từ miền Bắc, phải tạm rời gia đình vượt quãng đường dài 1.000 cây số, đến thủ đô để chữa bệnh và nay không đủ tiền cho chuyến xe buýt trở về nhà sẽ khởi hành lúc 6 giờ rưỡi chiều (lúc bạn đang tiếp chuyện là 6 giờ!). Khi nghe kể lại câu chuyện này trên đường đến trường, anh tài xế cười ồ thích chí. Té ra khách phương xa không phải là người duy nhất đã mủi lòng vì câu chuyện thương-tâm-rất-người đó. Cuộc xa-nhà-chữa-bệnh của anh vẫn còn kéo dài vô thời hạn và có thể thực sự anh chưa bao giờ bước lên chiếc xe buýt-khởi-hành-lúc-sáu-giờ-rưỡi-chiều đó để trở về với vợ con như anh đã kể. Gặp lại anh lần sau, cả hai đều cười xuề xòa, dù có đôi chút ngượng ngập. Anh cố bắt kịp để song hành với tôi, nhưng không “ca bài con cá”, chỉ chào hỏi và chúc “một ngày đẹp trời”!

Vào những buổi sáng trong tuần, hầu như phần lớn dân số của thành phố và khách du lịch đều tập trung vào khu phố buôn bán chính trên đại lộ Independence. Nơi đây, bên cạnh những tòa nhà cao tầng vừa phải của những khách sạn cao cấp (không tự phong lên 5 sao), ngân hàng và bưu điện, là những cửa tiệm nhỏ thường có mái che mưa-nắng, rất đậm nét truyền thống “chính xác, trật tự và gọn ghẽ” đặc trưng của người Đức, thường tập trung vào dịch vụ ăn uống, tour du lịch, mắt kính, thuốc tây, kim hoàn và bánh ngọt... Những con đường xung quanh trục đường chính đều biến thành khu phố đi bộ, nơi các sản phẩm thủ công nghệ đặc thù của Namibia (tượng thú rừng bằng gỗ, đồ trang trí bằng xương thú vật hoang dã hay kim loại thô) được bày bán từ sáng đến đầu buổi chiều, dưới nắng chan hòa, chói chang màu đất-vàng-thô-sa-mạc.

Sản phẩm thủ công nghệ của Namibia rất đa dạng, tinh xảo, vui mắt, đầy màu sắc, sinh động, hiện thực, giàu chất sáng tạo, và đậm đặc văn hóa bộ lạc-núi-rừng-săn-bắt-hái-lượm-thần-linh-da-đen. Chúng cũng tự nhiên và giản dị, thường lưu lại một cảm thụ sâu lắng trong lòng người mua, tương tự như khi đối diện những cô gái bán hàng bộ tộc Owa Himba da bóng loáng màu đất ba-zan, ngực để trần vênh lên trần đầy sinh lực, đứng bán-hàng-mà-như-không-muốn-bán-gì, khiến khách phương xa ngần ngại chẳng muốn rời bước và cũng ngại ngần không sờ tay cái hình ảnh tự nhiên, chân chất ấy vào ống kính để chia sẻ với những đôi mắt của bạn bè dung tục bên nhà!

Thông thường người mua và người bán đều thoả mái trao đổi giá cả với nhau, không gay gắt đấu trí như những điểm du lịch thường gặp ở Ai Cập, In-đô-nê-xia và Việt Nam. Những khu phố đi bộ lát đá phẳng, ngắn như vừa đủ để duỗi chân, giữa những hàng cây thấp rợp bóng mát và những chiếc ghế để tạm nghỉ màu xanh lá cây đặt bên cạnh những bức tượng bằng đồng và gỗ mun đen xinh xắn, khiến người mua sắm cảm thấy thông dong thư thái trong mỗi bước đi, trên quãng đường ngắn hướng về những khu buôn bán và siêu thị lớn Town square, Wernhil Park và Post Street Mall nối kết nhau, không để người bộ hành phải chịu cảnh nắng mưa bốn mùa.

Mưa chính là điều quan tâm hàng đầu của Namibia. Là một xứ sở bán sa mạc (semi desert), Namibia không có một con sông hay con suối nào chảy qua ở vùng trung tâm. Nước mưa thiên nhiên lại không nhiều như cát, thường đến thất thường, khiến cư dân phải keo kiệt đến từng giọt như một kỹ sư lạc đường giữa sa mạc. Nhiều con đập đã được xây dựng quanh các thành phố chính để hứng và trữ lượng nước mưa hiếm hoi hàng năm chỉ đủ để thỏa mãn một nửa nhu cầu nước gia dụng của cư dân; số còn lại lệ thuộc vào khai thác nguồn nước ngầm (25%) và nước “tái tạo” (25%). Ý niệm cải tạo “nước thải” (sewage water) thành “nước uống được” (potable and drinking water) đã khiến các nước Ả Rập, dù luôn luôn căng thẳng vì thiếu nguồn nước, cũng đành phải quay lưng, đành lòng dựa vào nguồn nước chiết ra từ đại dương, dù tốn kém hơn rất nhiều lần, vì không hợp với nguyên tắc Hồi giáo căn bản ‘halaal’ (mọi thứ phải trong sạch). Nhưng đó lại là lý do để Windhoek Goreangab Operating Company (WIN-GOC) có thể tự hào là nhà máy “tái tạo” nước đầu tiên và duy nhất trên thế giới, phát sinh từ sự bức bách của nhu cầu (châm ngôn hành động: “necessity is the mother of innovation”), theo lời của vị giám đốc gốc Đức giới thiệu với khách hàng quan tâm đến từ Botswana và Nam Phi (New Era, 14-10-2008).

Người Namibian nói chung rất thân thiện, cởi mở và “lành”, khiến khách lạ cảm thấy an toàn và tin cậy khi tiếp xúc sơ khởi với họ. Phần lớn nói rành rẽ tiếng Anh, Afrikaan (ngôn ngữ thường dùng ở Nam Phi do di dân từ Đức và Hà Lan tạo ra) và thổ ngữ (Oshivambo, Herero và Nama). Người Namibia cũng “thuần” hơn các dân tộc khác (thường tuân thủ luật pháp hơn chờ biện pháp cưỡng hành) có thể do ảnh hưởng sâu rộng từ tôn giáo, với hơn 90% dân số là tín đồ thiên chúa giáo; trong số đó 50% là giáo hữu Tin lành, phái Lutheran. Các buổi họp công cộng thường được bắt đầu với một cuộc cầu nguyện chung, mục đích là để gạt bỏ những nghi kỵ, hiềm khích và dọn lòng cho sự thân ái, chia sẻ và hợp tác.

Cũng như phần lớn sắc dân khác ở lục địa châu Phi, người Namibia thuộc loại dân tộc có thể chất thượng đẳng, thường có dáng cao,

mạnh khỏe và sáng sủa. Đàn bà thì nhỏ thó và săn chắc vì ít dùng các loại “thực phẩm nhanh” (fast foods), rất ít được bày bán trong các tiệm ở thành phố. Có người gắn liền đặc tính nhân chủng này với lối sống tự-cung-tự-cấp của các bộ lạc thổ dân nguyên gốc và mức tiêu thụ thịt khá cao trong khẩu phần hàng ngày của người bản xứ (kể cả người di dân gốc da trắng). Mặc dù thiếu nước để tưới những đồng cỏ xanh cho gia súc, Namibia rất tự hào có tỉ lệ gia súc cao nhất thế giới (2 gia súc/đầu người) và về chất lượng tuyệt hảo (mềm, thơm và có dư vị riêng) của các loại thịt do họ sản xuất, đặc biệt là bò tót, heo mọi, trâu rừng nhón và gà rừng. Không có cỏ nhân tạo, chúng được thả rông hàng tháng trên núi và những cánh đồng hoang vu để tự tìm nguồn sinh sống và vì thế thịt săn và lượng mỡ rất ít, giảm nguy cơ tăng *cholesterol* trong máu người tiêu thụ.

Ngoài sự thiếu hụt trầm trọng về nguồn nước và nhân lực (nhất là ở cấp cao), Namibia là một xứ sở được thiên nhiên ưu đãi hào phóng, với nhiều nguồn khoáng sản rất phong phú thường chỉ thấy tập trung ở các nước nằm ở phía nam châu Phi (kim cương, đồng, vàng, bạc, sắt, chì, tungsten, lithium, cadmium, muối và uranium) và những tiềm năng mỏ khác chưa khai thác (dầu, than đá và sắt). Nhưng vốn kinh tế quý nhất của Namibia chính là du lịch sinh thái và phiêu lưu, đưa con người đến với những vùng đất sa mạc trinh nguyên, các thôn xóm bán khai còn sót lại và khu thú hoang dã được bảo tồn. Namibia là quốc gia đầu tiên trên thế giới đã đưa điều khoản về bảo tồn thiên nhiên vào hiến pháp và hơn 14% lãnh thổ được đặt dưới sự bảo vệ khắt khe của lực lượng kiểm lâm. Một cuộc safari-nửa-ngày đi thăm thú hoang dã cận cảnh (game drive) ở một trang trại Okapuka chỉ cách thủ đô Windhoek 30 cây số đã thực sự để lại một ấn tượng khó quên trong lòng người phương xa về thiên nhiên thuần khiết, mệnh mệnh vô hạn và muôn vàn các loại chim chóc, ù lì, nai, sao, hoẵng, linh dương, heo rừng, cá sấu, hươu cao cổ, ngựa vằn, tê giác, báo, bò tót, sư tử... từng đàn nhớn nhỡ đi lại trong một vùng đất được bảo tồn rộng 14.000 mẫu tây, đôi khi quá gần gũi tưởng chừng chỉ cần chạm tay là Người-và-Vật có thể phút chốc cùng trở về với thiên nhiên thời man khai.

Buổi sáng cuối cùng trong phòng ăn của khách sạn Kalarari Sands, người phương xa bỗng dựng tìm lại chính mình khi tình cờ bắt gặp hai đôi voi góm sứ trắng gốc Lái Thiêu trên một bức thềm trong quây bếp. Voi và Người không trao đổi với nhau một lời nào, nhưng Người tự dựng cảm thấy trong lòng yên tâm và bình an vô cùng.

Vậy là mình chẳng phải là người đầu tiên đã đến đây và yêu đất nước và con người này. Quả đất tròn và luôn luôn di chuyển. Và đã có người đến trước ta!

Karee naua! Tuhakaene! (Xin tạm biệt và hẹn gặp lại!)

Johannesburg, Nam Phi

10-2008

Núi và Biển

T

háng sáu trời thường hay mưa, không phải là mùa lý tưởng để đi du lịch. Du khách lại càng không nên lang thang ngắm cảnh ở Nepal và Sri Lanka, là hai nơi hiện đang được các hãng du lịch liệt vào danh sách những “điểm nóng”, chẳng phải vì lý do thời tiết, mà vì những cuộc xung đột vũ trang trong nước đang có chiều hướng leo thang.

Đành là vậy, nhưng đến khi tò mò thử định vị trên bản đồ Nam Á, hình dung Nepal như ghé đầu tựa lên rặng Himalaya trùng điệp và Sri Lanka như một cảng chân duỗi ra giữa lòng Ấn Độ dương bao la, thì nỗi khát khao được đắm mình trong thiên nhiên đã xua tan những lo âu về “kiếp người tạm bợ” và lòng trở nên thanh thản, sẵn sàng cho cuộc nhàn du tìm về “xứ Phật”.

Núi

Nói đến Nepal, người ta thường liên tưởng ngay đến đỉnh Everest cao nhất thế giới (8.850m trên mực nước biển), được mệnh danh là “thiên đỉnh thần” với 60 triệu năm tuổi đời! Sau lần chinh phục đầu tiên của Sir Edmund Hillary (người Tân Tây Lan) và Tenzing Norgay (người Nepal bản địa) vào tháng 5, năm 1953 theo đường lên từ phía nam, đã có hàng ngàn người đủ mọi quốc tịch mon men khám phá cái chóp nhọn thần bí của “nữ thần vũ trụ” (theo cách gọi của người Tây Tạng). Tuy nhiên, không phải tất cả những ai có “lòng” đều đạt được sở nguyện. Hơn 120 xác chết đã bị bỏ lại ở nhiều cao độ do kiệt sức, ngộp thở vì thiếu dưỡng khí, bão tuyết và băng lũ.

Ngày nay, với những phương tiện leo núi và hỗ trợ hiện đại, việc chinh phục Everest trở nên giản dị và nhẹ nhàng hơn rất nhiều. Bạn có thể chọn một *tour* ít tham vọng hơn dành cho các nhà leo núi tài tử, tuy cũng xuyên qua vùng Khumbu (nơi ngọn Everest ngự trị), nhưng sẽ trải qua một thời gian “tập huấn” ở một trại trung chuyển

để làm quen dần với địa hình địa vật và môi trường thiếu trọng lực và dưỡng khí, trước khi thực sự bắt đầu cuộc thám hiểm đầy thách thức và gay go. Nhiều thanh niên trai trẻ thời nay thường chọn Kala Pattar (một đỉnh cao khác bên cạnh Everest) để tránh nạn “lưu thông quá tải” ở các tuyến leo chính, nhất là sau tháng 9 mỗi năm khi mùa mưa vừa chấm dứt, mở màn cho một “mùa chinh phục” mới. Thật ra, còn có nhiều lý do khác nữa khiến du khách chọn loại hình du lịch mạo hiểm này không hài lòng, khi chứng kiến những nhóm leo núi chuyên nghiệp nổi danh trên thế giới phải “trèo cao, mang nặng” qua nhiều khổ nhọc, không phải để “tái chinh phục” Everest, mà để mang xuống hàng trăm tấn rác vứt vung vãi trên những con đường đi lên đỉnh do các đoàn thám hiểm vô trách nhiệm khác để lại. Chúng như những vết bẩn làm ô uế tấm áo choàng trắng thanh tân của vị nữ thần được tôn kính. Nhưng Nepal không chỉ có núi non hùng vĩ mà còn có cả một kho báu nhân văn tích lũy hàng ngàn năm và cực kỳ đa dạng (hàng trăm sắc tộc) có thể làm du khách kinh ngạc, nếu những đe dọa súng đạn tự nguyện dừng lại ở lằn ranh những khu du lịch sinh thái và văn hóa của xứ sở vùng núi này.

Hãy nhìn lại thủ đô Kathmandu, nơi mà chỉ một thập kỷ trước đây vẫn còn là nguồn cảm hứng của những khách nhàn du lãng mạn, mong tìm về một cõi bình an trong một thế gian càng ngày càng nhiều tai ương và bất an. Người Nepal truyền khẩu rằng thuở hồng hoang, một vị thần trên đường “ngao du sơn thủy” đã dừng chân trên một vùng hoa lá xanh tươi nhưng ngập sâu trong nước hồ mênh mông. Ông đã dùng siêu lực khai thông nhiều ngõ xuyên qua núi để làm mặt đất khô ráo và khai hoang cho những bộ tộc tiền sử đầu tiên đến cư ngụ. Thung lũng Kathmandu được tạo ra như thế, giữa huyền thoại và những rặng núi trùng điệp bao bọc chung quanh, biêng biếc xanh vào mùa hè và nhạt nhòa trắng vào mùa đông. Kathmandu hội đủ các điều kiện thiên nhiên (sông sâu, núi thẳm và đủ loại kỳ hoa dị thảo) và vật thể quý giá cho một quần thể sinh sống và phát triển bền vững, nếu không vướng vào tai ương xung đột chính trị nội bộ triền miên và nan giải hiện nay.

Khách du lịch đến Nepal trong những tháng gần đây thường được cảnh báo là không nên lộ diện quá và tránh những nơi đông người. Vì thế, ngoài lý do đang là mùa mưa, mối lo về an toàn bản thân đã giữ chân nhiều người ở nhà. Như một vở kịch nhằm chán không được khán giả ưa thích, hàng ngày các cuộc biểu tình chống lại hoàng gia tại vị thường bắt đầu từ 2 đến 6 giờ chiều, làm tắc nghẽn giao thông và đình trệ buôn bán ở khu phố cổ cạnh hoàng cung cũ, vốn là một niềm tự hào dân tộc và điểm thu hút du lịch của Nepal. Khu thương mại Thamel nằm bên cạnh hoàng cung mới trở nên vắng vẻ du khách với mật độ quá tải của đủ loại nhà trọ rẻ tiền, văn phòng du lịch, quán lưu niệm, trà thất và... hành khất! Người bán thì nhiều, kẻ mua thì ít khiến không ai nhiệt tình rao bán, chèo kéo và con đường thường chỉ dành riêng cho người đi bộ nay lại ngang nhiên qua lại đủ loại xe gắn máy, ba gác, taxi, xe lô... phun khói ngạt ngụa và ồn ã còi xe.

Du khách trở lại Nepal không còn thấy một Kathmandu yêu kiều và e ấp của thuở xưa. Vẫn những bộ áo quần thổ cẩm đầy màu sắc nóng thường thấy ở các sắc dân miền núi, nhưng đường phố Kathmandu năm nay đầy bụi bặm khi trời nắng ráo và nhầy nhụa sau những cơn mưa. Con sông trong và xanh nằm vắt qua thành phố như một nét vẽ nên thơ ngày nào nay đã cạn khô, đầy chất thải và rác rưởi. Những con đường đào xới dang dở khắp nơi vẫn còn nằm chờ sự quan tâm cụ thể của chính phủ, cho đến nay vẫn còn "tạm thời xử lý". Thung lũng Kathmandu vốn ngập tràn hoa lá xanh tươi, bạt ngàn cây cỏ, cung cấp thừa mứa nước gia dụng và dưỡng khí trong lành chỉ cho chừng 400.000 cư dân, đang phải gồng mình đa mang mỗi ngày hàng ngàn người tỵ nạn an ninh (do các nhóm phiến quân) từ nông thôn đổ về. Và con người lại còn phải "e dè" tìm những khoảng không gian sống hiếm hoi còn lại, bên cạnh những con bò cái (là biểu tượng linh thiêng của Ấn độ giáo) thường thân nhiên nằm giữa đường phố, bàng quan nhìn người và xe cộ tấp nập qua lại.

Mặc dù có đến hơn 86% dân số là tín đồ Ấn độ giáo, Nepal lại là nơi khởi nguồn của Phật giáo. Theo Phật sử, thái tử Tất Đạt Đa được sinh ra ở Lumbini, một nơi cách Kathmandu vào khoảng 250km về

phía tây nam, nhưng ngài lại đặt chánh quả và hoàng dương đạo pháp ở những vùng giáp ranh giữa Nepal-Ấn Độ, trước đây vốn không có đường biên giới rõ rệt. Đâu đâu trên đất nước Nepal cũng thấy chùa chiền, đền miếu, tượng thờ, và tín đồ Ấn-độ giáo cũng hồn nhiên đi chùa cúng bái bên cạnh các Phật tử trong một không khí chan hòa thân ái. Bạn có thể dùng máy bay của hãng hàng không nội địa (chỉ khoảng một giờ bay) để đến chiêm bái vùng đất thiêng và trở về trong ngày. Đặc biệt, bạn có thể viếng các chùa quốc tế, đại diện các giáo hội quốc gia trên thế giới, nhất là đàm đạo với thượng tọa Huyền Diệu, là người sáng lập nên khu chùa độc đáo và đa dạng này, từ một lời khởi niệm riêng với đức Phật. Uy tín của ông ở Nepal cao đến độ, mặc dù là một người tu hành Việt, mới đây ông đã được Ủy ban vận động hòa bình ở Nepal mời đóng vai trò hòa giải giữa các phe phái tranh chấp, trong nỗ lực tìm giải pháp ổn thỏa để chấm dứt cuộc tương tàn cho Nepal.

Vì lý do an ninh, phần lớn du khách “trái mùa” như tôi chỉ thu gọn phạm vi tham quan trong nội thành và vùng phụ cận của thủ đô Kathmandu. Một trong những nơi gây ấn tượng sâu đậm nhất là chùa Swayambhunath, tục gọi là...chùa Khi! Đó là một ngôi chùa cổ, xây theo lối kiến trúc Tây Tạng có tường cao bao quanh, với một tháp vòm (stupa) đồ sộ, tọa lạc trên một ngọn đồi rộng bao la nhìn xuống thung lũng Kathmandu. Trên những bậc tam cấp dẫn lên chính điện, khách viễn cảnh chùa có thể dùng chân đũa giống với hàng trăm con khi, quen thuộc và dạn dĩ với con người đến mức đưa khách “tay trong tay” đến tận ngưỡng thiên môn, rồi lưu luyến quay lưng xuống núi. Nếu còn thời gian, bạn còn kịp viếng tượng Phật nằm để mừng tượng lại sự tích Phật hóa trên giàn củi trên sông Hằng khoảng 2500 năm về trước hoặc tìm về với không gian trầm mặc trong một thiền viện nằm chót vót trên một ngọn núi yên vắng ở phía bắc thành phố.

Mặc dù cuộc xung đột vũ trang hiện nay chưa lan tỏa trên toàn lãnh thổ của Nepal, nhưng rõ ràng đã làm chậm hoặc ngưng hẳn bước phát triển của đất nước giàu tài nguyên thiên nhiên và hiếu khách này (nhất là các loại mỏ quặng kim loại, thủy điện và du lịch sinh thái). Trong hơn một thập niên, Nepal vẫn dừng lại ở mức thu nhập

bình quân US\$1.400/người dân (so với US\$2.150 của Việt Nam trên căn bản sức mua, PPP), gần một nửa dân số thất nghiệp, với một mức độ phát triển con người và chất lượng cuộc sống khá thấp (45.5% người biết đọc và viết, 42% tổng số dân sống dưới mức nghèo đói). Dưới đám mây u ám của nội chiến, Nepal là một trong những nước nghèo nhất thế giới.

Rời Kathmandu, đi qua những con phố nhếch nhác phủ đầy bụi bặm, trái tim của khách du lịch như bị cào xé bởi những cuộn dây kẽm gai giăng dọc theo các trạm kiểm soát quân sự dẫn đến phi trường. Dù gì chẳng nữa, con người Nepal vẫn còn đẹp bên trong, như nụ cười móm mém nhăn nheo của một cụ già người sắc tộc trong bộ đồ thổ cẩm hoa hòe rách bươm, mà khách lữ hành phương xa đã thu được vào ống kính vào một sáng nắng trong vừa trở lại, sau một đêm mưa tầm tã. Một kỷ niệm buồn chỉ đáng quên, không nên nhớ!

Biển

Từ cao độ của một trạm vệ tinh, Sri Lanka (ngoài quốc hiệu công bố chính thức vào năm 1972, còn có các tên Serendib, Ceylon, Teardrop of India, Resplendent Isle, Island of Dharma, Pearl of Orient), như một mảng đất được cắt ra từ lục địa thổ bành bồng trên trên Ấn Độ dương, còn vương vấn quay đầu nhìn về đất mẹ. Nhìn qua cửa sổ máy bay ở một cao độ gần hơn, khách lữ hành có thể cảm nhận được những luồng gió mát sảng khoái tổng hợp từ cây lá, bầu trời và nước biển xanh, cùng một lúc thốc lên từ hòn đảo có hình viên ngọc bích. Điều oái ăm là tất cả các chuyến bay đến và đi từ đảo quốc này đều bắt đầu từ nửa đêm đến hừng sáng trong ngày! Trên suốt đoạn đường gần 45 km từ phi trường Badanaraike dẫn về thành phố, du khách chỉ thấy những dãy nhà nằm lẫn khuất trong bóng đêm hun hút và những biển quảng cáo không bao giờ ngủ. Sri Lanka giống như một người con gái đẹp kiều kỳ, chỉ thuận lòng cho khách phương xa nhìn ngắm mình trong vùng hồng quang rạng rỡ lúc mặt trời vừa lên!

Nhưng điều mà du khách sẽ thấy đầu tiên khi tỉnh giấc chẳng phải là cảnh núi-sông-biển-gấm-nhung-kỳ-vĩ, mà là những con quạ đen

chao đảo, vằn vữa không ngớt trên không. Bạn bực mình về những tiếng kêu chát chúa ồn ã của đàn chim đáng ghét ấy ư? Có khi bạn lại còn phải mở tròn mắt khi người bản xứ tiết lộ rằng lũ chim (vẫn thường được xem là biểu tượng của tai họa trong mắt bạn) này đã được “nhập cảng” để góp phần tích cực vào “công cuộc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp” của thủ đô Colombo! Quả thật, ngoài những lúc bay lượn giỡn cợt âm ỉ với nhau, đám quạ lông-đen-tuyền-và-mỏ-quạp-như-người-Ả Rập tận tình săn lùng lũ chuột cống và rửa trôi những vật hư thối còn sót lại trong những đồng rác quanh hồ Beira; một nét duyên dáng của thành phố, có thể sánh với hồ Lemane của Genève và Hoàn Kiếm của Hà Nội. Nhìn mặt nước xanh đậm đặc như một viên bích ngọc đang trở màu, du khách quan tâm đến môi trường có thể tự hỏi nếu không có lũ chim đáng ghét nhưng tích cực đó, liệu cái hồ vốn đẹp như một bức tranh cổ điển đó có thể tồn tại được bao lâu. Cửa đáng tội, dùng chim quạ để làm sạch môi trường *à-la-Ski Lankan* này xem ra cũng thật lạ đời!

Nhìn chung, phần đô thị được phát triển từ các khu gia cư và công sở của thời thuộc địa (lần lượt dưới ảnh hưởng của cựu đế quốc Bồ Đào Nha, Hà Lan và Anh quốc từ thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 20), được gìn giữ khá khang trang và sạch sẽ. Người hướng dẫn viên du lịch cho biết sự khác biệt “sạch, bản” giữa các khu trong thủ đô tùy thuộc ở tổ chức thu gom rác là “công hay tư”. Sự tương phản này trở nên rất rõ rệt nếu du khách tò mò vượt đại lộ Sir Chittampalam A. Gardiner Mawatha, từ khách sạn 5-sao Trans Asia, băng qua nhà ga trung tâm Colombo Fort Railways Station để viếng khu chợ “bản địa” Pettah. Bạn sẽ bước vào một thế giới hoàn toàn khác hẳn: tuy trần trụi, tăm tối, nhưng lại rất “đậm đà bản sắc dân tộc”, đầy đủ hoạt cảnh một ngôi “chợ làng” truyền thống (dù trên một qui mô lớn hơn nhiều lần) có thể thấy ở bất cứ một nơi nào trong vùng Thái Bình Dương. Ở đây, bạn có thể mua đủ loại hàng “thượng vàng hạ cám”, từ cây kim sợi chỉ, đồng sắt vụn, máy móc linh kiện điện tử, giày dép, quần áo, trái cây và gia vị... trong cái mùi vị nồng khét hỗn tạp quen thuộc của một đám đông lao động thân trần kiếm sống, quay cuồng như một cái tổ kiến. Cũng tại đây, bạn có thể tìm thấy những loại quả nhỏ nhít như hành, tỏi, sả, ớt, bí đỏ, chuối... và chiêm nghiệm sự chan hòa trong thói quen ẩm thực và trị bệnh

thường thức xưa và nay của các dân tộc khác biệt, nhưng hình như chung cùng một gốc gác trong vùng Thái Bình Dương.

Nhưng cũng chính từ nơi này đã khởi nguồn những mâu thuẫn tiềm ẩn dẫn đến nội chiến giữa nhóm thiểu số Tamil (gốc Ấn) đòi tự trị ở vùng phía Bắc và Đông Bắc đảo quốc (chỉ chiếm 18% tổng số dân) và người bản địa Sinhalese (chiếm 74% tổng số dân). Mầm mống căn bản của cuộc tương tranh hiện tại có thể tìm thấy từ một sự thật khó hiểu ở ngay khu chợ Pettah: toàn bộ quyền lực thương mại nằm trong tay thiểu số người Tamil và Hồi giáo, trong khi người bản địa chỉ cung cấp những dịch vụ khâu vác và buôn bán trái cây bình thường trong khu chợ. Có lẽ chính vì thế mà binh lính chính phủ (đa số là người Sinhalese) đã không nương tay chút nào đối với “phiến quân Tiger Tamil” trong các cuộc tiêu thanh càn quét khủng bố ở các vùng phía Bắc!

Điều thú vị nhất để khám phá vẻ đẹp độc đáo của Colombo là theo một chuyến xe lửa đi dọc bờ biển. Với một vé giá 14 Rupees (1 US\$ = 100 R), bạn có thể làm một cuộc hành trình kéo dài một tiếng đồng hồ đến thành phố Kalutara, cách Colombo 42 km về hướng tây nam. Những toa xe được đóng từ Ấn Độ trên đường ray 2 mét, còn đậm nét lạc hậu của một xứ sở khổng lồ lại nặng sức ép nhân mãn, nhưng tương đối sạch sẽ, trật tự và lịch sự, mặc dù đa số hành khách là giới lao động nghèo khó. Như thể được trời đất và thiên nhiên hậu đãi, khách đi tàu được tận hưởng những cơn gió mang hơi nước mát rượi từ biển xanh mênh mông, thổi xuyên suốt những toa tàu đặc quánh hơi người. Con đường sắt chạy song hành với bờ biển, qua các những ghềnh đá cheo leo, có khi đưa con tàu lại gần biển đến nỗi khách có thể đưa tay vọc đùa cùng những đợt sóng lô xô lớp lớp đổ vào bờ. Trong màu xanh miên viễn của biển, trời và những hàng dừa ngút mắt, khách nhân du dường như không còn nhận thức rõ rệt giữa thực và mộng, bên và bờ. Dân miền biển không cầu kỳ và “hoa hoè, hoa sói” như các dân tộc ở miền núi. Khắp nơi trên đảo quốc, đàn ông thường chỉ quấn một loại “sarong” giản dị, lưng để trần khi ở trong nhà cũng như khi ra ngoài đường. Đàn bà thì ăn mặc có phần kín đáo hơn, nhưng xem ra vẫn còn quá “nhẹ nhàng” so với thiếu nữ đời mới! Chẳng biết trong thời

gian “đi bụi” quanh các đảo ở Thái Bình Dương, Gauguin có vẽ được bức tranh “thuần thiên nhiên” nào cho thiếu nữ Ceylon ngày xưa không?

Sri Lanka được xem là “xứ của Phật” với hơn 70% dân số là Phật tử, nhưng mọi tôn giáo hầu như đều đã “sống chung hòa bình”, hài hòa trong suốt bao nhiêu thế kỷ. Bên cạnh những ngôi chùa cổ lớn, vết tích của đợt truyền đạo đầu tiên vào giữa thế kỷ thứ ba trước Thiên chúa giáng sinh từ Ấn Độ, còn có nhan nhản những tháp chuông trắng xóa mang sắc thái nhiệt đới Địa Trung Hải của Bồ Đào Nha và gạch phôi đỏ đậm đặc thù Bắc Âu của Hà Lan và những đỉnh chóp cao vút của vùng sa mạc Trung Đông. Cơ man tượng Phật, thần nhiều tay Bà La Môn, Chúa Jesus và Mẹ Maria đồ sộ, được dựng lên ở nhiều góc đường, làm tăng vẻ trang nghiêm và mộ đạo của dân xứ đảo hồn nhiên và dễ tính này. Khách lữ hành đã có lần ngạc nhiên đến thích thú khi nhìn thấy cộng đồng ngư dân (đa phần là tín đồ công giáo) sống chen chúc và sinh hoạt trong những căn nhà hộp tối tăm và tạm thời dọc theo bờ biển, nhưng phía trước sân bao giờ cũng trang trọng một bệ thờ Chúa hay Đức Mẹ đồng trinh. Phía bên kia đường là địa giới sinh sống của nông dân giữa những rặng dừa, vườn cây trái và ruộng lúa với những căn nhà tuy nhỏ nhưng gọn gàng, ôm quanh những ngôi chùa mái ngói đỏ.

Trời vừa vào chiều là thời gian cao điểm của tình yêu trên bãi biển ở Colombo. Dọc theo bãi Galle Face, những cặp tình nhân “tay trong tay” chia nhau những chiếc ghế đá đặt rải rác trên chiều dài chừng một kilômét, ngồi rù rì hàng giờ cùng gió biển trong phương thức “hai-trong-một” rất phổ biến trong giới trẻ hiện đại. Họ thật dễ thương và ý tứ biết bao khi người nữ thường mang theo những chiếc dù màu, chẳng phải để che những tia nắng sỗ sàng xăm xoi vào cuối chiều, mà để giữ những nụ hôn vội vàng và đắm say chỉ dành riêng cho đôi lứa mình!

Điều kiện thiên nhiên chắc chắn là tiền đề phát triển về cách sống và đặc tính tâm lý của một dân tộc. Khác hẳn với đất mẹ Ấn Độ, đảo quốc Sri Lanka với những ưu đãi hào phóng của thiên nhiên không hề mang dấu vết của một sức ép sinh tồn nào, ngoại trừ cuộc chiến

tranh nội bộ đang ngày càng mất dần ý nghĩa. Toàn bộ đảo quốc chỉ rộng khoảng 66.000km² (gấp 110 lần đảo Phú Quốc và nhỏ hơn Việt Nam 5,6 lần), với một dân số chỉ nhỉnh hơn 19 triệu người, Sri Lanka lại vượt hẳn Việt Nam về mức thu nhập bình quân 3.700 US\$/người tính theo mỗi lượt, chủ yếu từ sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng chế biến nông nghiệp như cao su, trà, dừa, thuốc lá, mía, dầu thực vật, gia vị, sữa, trứng... Chỉ quan sát riêng mặt hàng trà trong khu miễn thuế ở phi trường cũng đủ để thấy rõ ràng ưu thế cạnh tranh dựa trên tính chuyên nghiệp của Sri Lanka, qua các mẫu mã đa dạng, chất lượng, chỉ dẫn sử dụng chính xác, phương pháp tiếp thị và xúc tiến nhãn hiệu.

Nhưng tiềm năng kinh tế đáng kể và bền vững nhất của Sri Lanka lại chính là du lịch, với khoảng 500.000 lượt du khách và 350 triệu US\$ doanh số trong năm 2003 và dự kiến sẽ đạt 600 triệu US\$ trong năm 2006. Yếu tố đóng góp hữu hiệu nhất để quảng bá Sri Lanka như một “điểm đến du lịch” lý tưởng có lẽ là tính hiếu khách, hồn nhiên và thành thật của cư dân đảo. Người viễn khách đã có lần thật sự cảm động khi một nhân viên kiểm soát vé ở ga Colombo Fort Railways Station đã tận tình chỉ dẫn những chi tiết cần thiết để theo chuyến tàu “đi thực tế” dọc bờ biển. Khi biết người viết ... không phải là người Nhật, ông lại rút ra từ trong túi những chiếc vé “bao cấp” dành riêng cho nhân viên đường sắt để đưa người bạn “vừa quen biết từ phương xa” qua trạm kiểm tra, cho đến tận cửa toa tàu!

Ngồi trên máy bay về lại quê hương, trong tiếng rừ rừ buồn nản của động cơ như cùng chia sẻ nỗi mệt mỏi của hành khách trong chuyến bay đêm “trái giờ”, người xa xứ tự dừng lại nghĩ đến chuyện Tổng cục Du lịch ở quê nhà vẫn còn loay hoay chưa tìm ra được một câu khẩu hiệu để quảng bá cho “nền kinh tế mũi nhọn đang lên” mà mũi lòng.

Nếu không có gì phiền, người xa xứ xin giới thiệu một địa chỉ để gọi nguồn cảm hứng: www.srilankatourism.org.

AIT, 2004

Rừng thu

“Je me promène, donc je suis”

(Tôi đi dạo, vậy tôi hiện hữu)

(Phỏng theo Descartes)

Ở

những nơi có bốn mùa phân biệt rõ rệt, có lẽ mùa thu đẹp và để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người. Nhưng mùa thu năm nay là thời điểm của đủ loại thiên tai và nhân tai, trầm trọng đến nỗi có người gọi là “tháng mười của những cú sốc” (Shocktober) với hàng loạt những cuộc động đất, bão lụt, bom tự sát, diệt chủng, xung đột tôn giáo, khủng bố... vượt tầm mức thông thường, bao trùm lên tất cả là cuộc suy thoái tài chính-kinh tế vô tiền khoáng hậu đang lan rộng trên toàn cầu và vẫn chưa thấy dấu hiệu phục hồi. Trong sự hoang mang và tuyệt vọng tìm kiếm một lối thoát cho sự bế tắc chu kỳ của thiên niên kỷ mới, con người cần có thời gian và cơ hội suy tưởng để hiểu mình, hiểu đời và hiểu toàn khối vũ trụ quanh mình hơn, ngõ hầu có thể vượt qua những khó khăn trước mắt và tiếp tục tồn tại.

Mùa thu của bầu trời trong xanh và lá vàng rộn rã có thể giúp người ta hồi tưởng những phút giây, ngày tháng; những sát na tuy ngắn ngủi, mà nhẹ nhàng và đầy kỳ diệu của đời người. Thụ cảm mùa thu đã giúp người ta tìm ra phần tinh tế của mình và khơi nguồn suy tưởng mới, để lại nhiều kiệt tác về cảnh sắc (*Thu vịnh* của Nguyễn Khuyến, *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư), về tình yêu (*Le lac* của Lamartine, *Tình thu* của Xuân Diệu) và về triết lý chính trị-xã hội (*Meditationes de prima philosophia* của Descartes, *Les confessions* và *Les rêveries du promeneur solitaire* của Jean-Jacques Rousseau). Nhưng đáng kể nhất phải là những cuộc đi dạo (thường là đơn độc) của Jean-Jacques Rousseau mà kết quả của những

điều ông ghi nhận đã tạo tiền đề cho những cuộc cải cách giáo dục và chế độ chính trị; cụ thể nhất là cuộc cách mạng Pháp vào năm 1789.

Cuộc đời và số phận của Jean-Jacques Rousseau ở Pháp cũng trầm kha, trôi nổi như Tô Đông Pha bên Trung Quốc, mặc dù hai người sống cách nhau gần mười thế kỷ. Điều giống nhau là cả hai đã tìm ra một cách riêng để chôn vùi những khổ lụy của đời mình dưới những đồng lá vàng xếp lớp dưới chân trong những cuộc đi dạo. Những cuộc dạo chơi thành thơ giữa thiên nhiên đã giúp họ thoát ra ngoài tầm thân mụn tạm, cuộc sống phù du và vượt lên trên những điều bình thường với những bài thơ tuyệt tác được ca tụng như “hành văn, lưu thủy” của Đông Pha hay tư tưởng dẫn đạo qui định lại mối liên hệ giữa con người và xã hội (“Du contrat social ou principes du droit politique”) của Rousseau.

Người ta kể rằng, do buồn lòng vì những cáo buộc (đạo đức giả, không trung thực, hèn nhát, đạo văn...), đôi khi quá khích (đốt sách, ném đá) của người đương thời đối với những tư tưởng cải cách mới mẻ trong cuốn *Emile* (hay Bàn về giáo dục) và *Contrat social* (Khế ước xã hội) mà Jean-Jacques Rousseau đã lui về sống ẩn dật giữa hồ Biemme trên đảo Saint Pierre và sau đó, trong dinh cơ đồ sộ của bá tước de Girardin, một người ngưỡng mộ văn tài của ông, ở phía bắc Paris và bắt đầu ghi lại những cảm nhận riêng tư của mình trong những cuộc đi dạo hằng ngày kéo dài trong hai năm, từ mùa thu năm 1776 đến hết năm 1778. Cuốn *Les rêveries du promeneur solitaire* (Những mơ tưởng của người đi dạo đơn độc) ghi lại những suy nghĩ sâu sắc và độc đáo của ông trong mười cuộc dạo, nhưng thật sự chỉ có tám chương được chính ông tự duyệt lại và hệ thống hóa để in thành sách, phần còn lại đành phải dang dở (dù có in, nhưng không được ông hiệu đính lại) vì cuộc ra đi bất ngờ (trong một hoàn cảnh khá bi đát) vào cõi vĩnh hằng của ông vào năm 1778 ở Ermenonville.

Dù là “suy tưởng” (meditation) trong trường hợp của Descartes và Lamartine, hoặc “mộng tưởng” (rêverie) như Rousseau, chắc chắn là những chiếc lá vàng tươi, khu rừng u tịch, con đường mòn vắng

vẻ, vùng trời xanh bàng bạc, mặt nước yên vắng và đôi cánh thiên nga trắng nổi lờ trong hồ... đã góp phần khơi nguồn thi phú và những luồng tư tưởng chuyển đổi trong thế kỷ 18, khi số phận và điều kiện sống của con người vẫn còn rất bí ẩn và khá bi thảm.

Cho đến khi hậu quả khốc liệt của hai cuộc thế chiến nhằm mở rộng “không gian sinh tồn” (espace vital, Lebensraum) và cuộc “chiến tranh lạnh” dằng dai trong thế kỷ 20 đã vắt cạn kiệt lòng kiên trì và sức sáng tạo của con người, thì những cánh rừng nội đô (urban forest hay forest park) trở thành những “mảng xanh” cần thiết, nơi con người có thể hít thở để thanh lọc hai buồng phổi đặc quánh khói công nghiệp (vì cuộc chạy đua kỹ nghệ hóa), tìm lại một phần đời đã mất đi của mình (trong cuộc tranh giành sự nghiệp và danh lợi) và giúp con người tiếp nạp sinh lực cho những đợt sáng tạo mới. Nhiều cánh rừng như thế đã được chính những công nhân thất nghiệp trong cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929 xây dựng (Haagse Bos, Hà Lan), nhưng phần lớn phát sinh từ nhận thức về quân bình sinh thái và bảo vệ môi sinh cho sự trường tồn của cộng đồng cư dân và toàn thể sinh vật trên trái đất. Những cánh rừng nội đô càng ngày càng phát triển và nhân rộng ra khắp nơi trên toàn thế giới hiện nay, từ Jefferson Memorial Forest ở Louisville, Kentucky (24.5km², lớn nhất ở Hoa Kỳ) đến Bois de Boulogne (Pháp), Minsk (Belarus), Bracknell, Berkshire (Anh quốc), Ontario (Canada), Donegal (Ái Nhĩ Lan) Portland, Oklahoma, Queens NY, Springfield (Hoa Kỳ)... không những đã góp phần tăng vẻ đẹp cho thành phố, đồng thời còn giúp giảm bớt cường độ căng thẳng về tinh thần của cư dân, hạ nhiệt tạo ra từ động cơ, ô nhiễm từ khói xe, khí thải, nguy cơ lũ lụt, cải thiện môi trường sống cho động vật và nâng cao giá trị của bất động sản trong khu vực.

Con người khó có thể sinh hoạt, suy nghĩ bình thường, làm việc có hiệu quả và tiếp tục sáng tạo trong một môi trường sống căng thẳng thường trực, giữa rừng người, xe cộ và cao ốc đan dày ngột ngạt như hiện nay. Chính vào lúc mọi sự trở thành đảo điên thì những mảng xanh, những cánh rừng nhỏ, lối mòn trong công viên, phố đi bộ, rừng nội đô và kể cả những cảnh mùa thu tĩnh lặng đều cần được phục hồi hoặc xây dựng ở những thành phố, để cư dân có thể

“suy tưởng” và “mơ tưởng”. Những bước chân đi dạo thanh thản sẽ trả lại lòng vị tha, nhân hòa, tự tin, lạc quan và mở rộng tầm mắt cho con người, rất cần thiết để chuẩn bị chống chọi với những thách đố đang trải dài phía trước.

Và cuối cùng, qua những cuộc đi dạo, con người sẽ chứng minh sự hiện hữu của mình (je me promène, donc je suis)!

Blaricum, 2009

Thiên nhiên và Con người

Đ

ối với Âu Châu, thiên nhiên vào mùa Xuân lộng lẫy như áo mào xanh xang của một hoàng tử vừa đăng quang.

Cơn mưa rào và sấm chớp như xé tung trời đêm qua đã gột hết lớp màu xám chì và mang đi theo cả nỗi trầm uất đè nặng lên không gian và con người trong suốt một mùa đông dài đằng đẵng với mưa, gió, băng giá và tuyết triền miên. Rồi một ít nắng rạng đông lấp lửng ở cuối chân trời. Vẫn còn e ấp lấm như không muốn thách đố hay thúc giục cuộc chia tay dường như vẫn còn bịn rịn, của đông-nghiep-mùa-Đông. Bước đi của ai còn vương vấn thì hãy cứ vấn vương, cuộc đón chào mùa Xuân đã nở bùng. Nàng-thiên-nhiên đã thay áo mới, lộng lẫy trong chiếc áo bốn màu: xanh trong bích ngọc của da trời, lục ướt rười rượi của cỏ cây, vàng nghệ chói chang và trắng trinh nguyên của các loài hoa vườn và đồng nội. Thiên nhiên bỗng nhiên đẹp rạng rỡ như người tình “tinh khôi” hiện ra đột ngột, khiến lòng người bàng hoàng.

Mỗi lần về thăm nhà vào cuối học kỳ, tôi vẫn hay mang chiếc máy ảnh cõn con ra con đường nhỏ dọc theo con rạch sau khu nhà, ghi lại một góc của cái làng nhỏ khiêm tốn, nơi gia đình tôi đã định cư từ hai chục năm nay. Mùa nào tôi cũng về thăm nhà và mùa nào tôi cũng ghi lại một vài tấm ảnh của cái góc thiên nhiên đó. Những lúc rỗi rảnh tôi thường trải những tấm ảnh, tượng trưng cho bốn mùa, trên bàn để ngắm. Và có khi tôi đã ngắm chúng như thế hàng giờ, không chán. Bốn mùa tách biệt. Bốn cảnh khác nhau. Nhưng thiên nhiên thì chẳng bao giờ thay đổi, chỉ có lòng người đổi thay với thiên nhiên!

Những lần đi dạo dọc con đường đó, tôi vẫn chú tâm tìm sự thay đổi trong thiên nhiên. Đã đành cũng có lúc cây cối trút áo, rầu rĩ, tạm thời rút hết sinh lực, tàng trữ sức sống còn lại dưới tầng đất sâu, âm

áp bên dưới trong suốt mùa Đông giá buốt, nhưng thiên nhiên không từ già con người vĩnh viễn. Một hôm nào đó những tán lá xanh mát và những cánh hoa tươi thắm sẽ trở lại, làm dịu đi những mối lo, khiến con người trở lại lạc quan. “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”. Thiên nhiên nào muốn làm người buồn. Xin người đừng trách cứ thiên nhiên bội bạc!

Nơi chúng tôi trú ngụ tiếp giáp một vùng cỏ xanh bạt ngàn. Vào những buổi chiều đi dạo, cảnh những con bò sữa nhàn nhã gặm cỏ trong ánh nắng xiên khoai vàng vồ hay tuyết trắng lãng đãng đã làm tôi chùng lòng. Một chút ghen tị về số kiếp vô lý và vô nghĩa giữa Vật và Người!

Cũng dọc trên con đường ấy, các công nhân “công viên và cây xanh” của làng đã tận lực chăm bón cây cỏ, tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh của mỗi mùa. Khi thì tỉa bớt cây cành, khi thì chôn củ, cấy thêm hoa hoặc làm phẳng các bãi cỏ. Tựu trung, những “nghệ nhân” cần cù ấy chỉ phụ tô điểm, làm tăng thêm những màu sắc muôn-vẻ-muôn-đời của thiên nhiên. Họ chẳng bao giờ định thay đổi thiên nhiên và cũng chẳng thể thay đổi thiên nhiên. Thế nhưng, hàng năm khi phải bứng đi những cây cao có tuổi, thay thế bằng những cây trẻ hơn với những tán lá mỏng và nhỏ có thể tồn tại qua những mùa mưa bão thường xuyên mỗi năm, họ đã phải đương đầu với sự phản đối kịch liệt của dân chúng trong vùng. Cây cối đã bảo vệ con người qua nhiều cơn bão tố, cây cối cũng đã bầu bạn, chia sẻ tâm sự riêng với con người trong những cuộc dạo mỗi chiều. Thiên nhiên đã trở thành người tình vĩnh cửu không thể phân cách. Nào ai dễ gì chấp nhận một cuộc chia ly bạc bẽo như thế.

Partir c'est mourir un peu!

Tôi còn nhớ trong kỳ nghỉ hè vừa qua, người láng giềng sang thăm với một tờ giấy trên tay. Ông ta đang thu thập chữ ký của tất cả chúng tôi, hy vọng mọi người đều đồng ý cho hạ một cây sồi trong vườn nhà để có chỗ xây một căn phòng nhỏ cho cô con gái bị khuyết tật dị dạng, không thể di chuyển dễ dàng lên xuống lầu trên nữa. “Làm gì mà phải rối rắm, phức tạp quá thế”, cái đầu người Việt-bình-thường của tôi bảo thế. Nhưng luật là luật. Người ta đã

xem thiên nhiên cũng là một thành tố của cuộc sống xã hội, cũng cần được bảo vệ và phát triển như con người. Thế ra, đốn một cái cây trong vườn nhà bạn đã trở thành một chuyện chung của mọi người rồi đấy! Văn minh, tiến bộ là rắc rối đến thế ư?

Cách đây năm năm, khi nhận thức về “bảo vệ môi trường” bắt đầu nhen nhúm ở Việt Nam, tôi đã dùng một lối nhân-cách-hóa rất cường điệu để “thuyết phục” các cháu của tôi. Tôi biện luận, cây cối cũng như con người, ta có thể nghe tiếng than khóc, kêu gào đau đớn của những hàng cây bên đường vì ngộp thở trong khói mù dày đặc từ cái ống khói xe đủ loại xả ra. Dĩ nhiên là các cháu của tôi không tin. Cũng như khi cô con gái đã thành niên của tôi được mẹ kể là tôi không dứt tận rễ, mà chỉ vặt qua loa các cây dại trong vườn, vì tin rằng cây cỏ cũng có...linh hồn như người, đã xỉ ngón tay vào trán tôi, nói nửa đùa nửa thật: “*Bố khùng thật rồi!!!*”.

Cây trúc xanh, được trồng từ khi chúng tôi dọn về đây để tạo một góc vườn quê nhà nơi xứ người, tự dưng nở một đợt hoa, rồi chết rụi. Khi nghe vợ tôi báo qua điện thoại viễn liên, tôi đã lặng người đi rất lâu. Nó đã chứng kiến và chia sẻ với chúng tôi nhiều điều. Nó không còn đơn thuần là một cây trúc. Nó là bầu bạn của chúng tôi ở xứ người. *Những linh hồn đơn độc!*

Nghe nói trúc chỉ nở hoa một lần trong hai mươi năm. Thế là chúng tôi đã xa quê hương hơn hai thập niên. Một thoáng qua thôi, nào ai nghĩ đã trở thành thiên thu...

Blaricum-AIT, 5-1998

Thiệp chúc xuân

Đ

ón chào mùa Xuân đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba, tôi quyết định không gửi thiệp chúc mừng đến bạn bè, bà con, thân hữu như mọi năm. Chẳng phải vì tôi muốn làm một chuyện ngược đời, lập dị cho vui ở thời điểm đáng ghi nhớ này. Cũng chẳng phải vì tôi không còn tin ở những tấm thiệp màu sắc chói chang chứa đựng những lời chúc sáo rỗng. Giản dị là vì tôi đã đọc được ở một tờ báo trên đường trên xe lửa về nhà vào dịp cuối năm một mẩu tin ngắn, chỉ có ba dòng, cho biết Hội từ thiện Foster Parents (chuyên giúp trẻ con không có cha mẹ ở các nước nghèo khó) đã mất đến hơn 40.000 hội viên yểm trợ (sponsors) trong năm 2000! Lý do nêu ra là do quảng cáo kém, không có khả năng hấp dẫn và thuyết phục, khiến hội viên quyết định từ bỏ hội và ủng hộ chương trình khác.

Nếu cái tin đó liên quan đến một công ty tư nhân, do quản lý kém và thiếu khả năng thích ứng nhạy bén, phải công bố phá sản và đành “từ biệt” khách hàng, thì chỉ là chuyện “thường ngày ở huyện”, trong môi trường “khôn sống, mỏng chết” của một nền kinh tế thị trường đầy tính cạnh tranh. Nhưng đây lại là một tổ chức xã hội phi lợi nhuận, đáng lý ra chẳng cần “tranh đấu sống còn” với ai, mà cũng phải chịu cảnh hắt hủi đau lòng như thế?

Nhưng ở vào thời điểm Foster Parents mất một phần lớn thị phần thì tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực “cha mẹ nuôi” đã đạt mức ác liệt. Riêng ở Hà Lan, Foster Parents không những phải chia sẻ thị trường với các đối thủ tầm cỡ khác như Lilian Fund, Novib, Solidaritat... mà một loạt hơn 20 hội tư nhân và tôn giáo, cũng tích cực và năng động không kém. Để duy trì sự ủng hộ của hội viên cũ và tranh thủ trái tim của hội viên mới, tất cả đều phải vận dụng tối đa tất cả các phương tiện tiếp thị tân tiến, chẳng hạn quảng cáo trên mạng (online) hay các phương tiện truyền thông (commercial ads),

xúc tiến khuyến mãi (promotion), xây dựng và quảng bá nhãn hiệu (brand name) đã được cầu chứng tại tòa (trade mark) như ai.

Hậu quả tiền tệ của việc đánh mất thị phần cũng trầm trọng không kém. Hãy thử làm một bài tính nhẩm: với mức đóng góp mỗi tháng là 20 \$US cho mỗi “con nuôi”, việc mất đi 40.000 hội viên đã khiến ngân sách của Foster Parents hụt đi gần 10 triệu \$US trong một năm. Điều đó còn có nghĩa là 40.000 “con nuôi” rải rác trên khắp thế giới sẽ không còn được tài trợ nữa. Nào ai biết được số phận của chúng sẽ như thế nào?

Để cứu vãn tình trạng thoái trào đó, Foster Parents đã phải dùng một thủ thuật tiếp thị tân tiến để tái tranh thủ quả tim của đồng loại: các danh tài quốc tế như Pavarotti (ca sĩ opera người Ý), Iglesias (giọng ca truyền cảm Tây Ban Nha) và Meg Ryan (nữ tài tử hài của Mỹ) đã lần lượt xuất hiện trên màn hình Hà Lan bên cạnh các bộ trưởng đầu ngành, cùng xuống giọng đồng thanh “ca bài con cá” để chiêu hồi các “linh hồn đi lạc” trở về với nguồn cội cũ. Trong một tuần lễ, sự mất mát gần như đã được hồi phục với khẩu hiệu “Xã hội, chính là bạn đó thôi!” (De maatschappij, dat ben jij!). Cái khác giữa hội đoàn làm việc thiện với công ty tư nhân là, mặc dù cả hai đều phải sử dụng các phương tiện tối ưu để nắm bắt thị trường, nhưng chẳng ai nỡ lòng nào chứng kiến cảnh những đứa trẻ bụng ỏng, mắt sâu hoắm vì thiếu ăn bị cắt đứt với cái núm vú tiếp nguồn dinh dưỡng và tình thương hiếm hoi còn sót lại trên quả đất đầy tính “thực dụng” này.

Bạn hiền có thể gợi ý cho tôi: tại sao không chia sót tiền gửi tiết kiệm ở ngân hàng cho gọn, lại khỏi phải nhận những lời trách móc của bạn bè thân hữu gần xa nếu không nhận được thiệp chúc Tết thường lệ của tôi năm nay. Đành thỏa hiệp: thôi thì cứ bắt đầu bằng những cử chỉ nhỏ nhoi cái đã. Tiền để dành từ thiệp chúc không gửi và quà giáng sinh lần này thì hãy tạm thời cứ dành cho Foster Parents. Nếu cần thì sẽ gửi lời chúc Tết muộn qua nguồn điện thư miễn phí của trường cũng được.

Cứ nghĩ đến những đứa trẻ bụng ỏng, mắt sâu hoắm là ghen hợm giữa bữa, không nuốt được miếng cơm, chẳng thể đình hoãn được.

Mong thân bằng quyến thuộc bốn phương thông cảm. Đầu năm *lão*
hử này sẽ xin vái tạ!

2-2001

Thông điệp cuối năm

N

hững ngày cuối năm ở Bắc Âu trời thường rất ảm đạm. Nhìn ra cửa sổ chỉ thấy những cành cây trơ trụi lá trong một nền trời mây âm u, như những cánh tay của thiên nhiên đầy quyền uy vẫn còn vằn vương không muốn giã từ một năm đã không nương tay gieo rắc đủ loại tai ương trên khắp địa cầu. Dù chưa kết thúc, có lẽ năm 2005 sẽ ghi vào lịch sử nhân loại kỷ lục về số lượng và mức độ thiệt hại vượt bậc do những cơn cuồng nộ của thiên nhiên đem lại. Theo tính toán của hãng bảo hiểm Swiss Re vừa công bố, toàn bộ thiệt hại vật chất (đặc biệt là sóng thần, bão lụt và động đất) gây ra trong năm 2005 (được gọi là “năm của thiên tai”) được ước tính khoảng 225 tỉ Mỹ kim, trong số đó chỉ có 80 tỉ được bảo hiểm. Chỉ riêng thiệt hại từ cơn lũ Katrina, thiên nhiên cũng đã mạnh tay tạo một món nợ khổng lồ 45 tỉ Mỹ kim cho cư dân New Orleans, phần lớn là dân Mỹ da đen thuộc tầng lớp nghèo nhất trong xã hội!

Có lẽ phải có một lý do nào đó (khó lòng giải thích) để thiên nhiên phóng tay giăng bức tranh thê lương đó vào những ngày cuối năm với tổng hợp mưa tuyết, gió lớn và giá băng, như một lời nhắc nhở đối với sự nhẫn tâm không kém của loài người đối với thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên chẳng bao giờ đẩy con người vào tận cùng tuyệt vọng. Như một kịch bản có hậu (*happy ending*) đầy tính nhân văn đã được an bài, sau những “biểu lộ của bất mãn”, thiên nhiên lại trở về cùng con người với một bộ mặt hiền hòa, thân thiện, rộng lượng và hậu hĩ. Như một điều kỳ diệu, đêm Giáng sinh vốn ảm đạm và lạnh lẽo đến thế (khiến lòng người dễ trở nên mất cảm, động lòng trắc ẩn cho số phận của mình và của người), sáng hôm sau mặt trời lại hiện ra rạng rỡ trong nền trời xanh trong không một gợn mây, chan hòa nắng tươi rói trên những cành cây ủ dột trụi lá, như thể không hề tồn tại hôm qua. Đối với nhiều người đã nhìn ra cửa sổ sáng hôm nay và cảm nhận được sự nhiệm mầu của thiên nhiên,

thông điệp Giáng sinh năm nay thật rõ ràng cho một cuộc sống nhân loại hòa hợp và bền vững: thỏa hiệp, hòa hợp và chia sẻ.

Để cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, có lẽ con người phải biết quên mình một ít và nghĩ đến người khác nhiều hơn chút nữa. Đó là chính là “định chuẩn giá trị” mới mà tuổi trẻ trên thế giới và đặc biệt ở Hà Lan đang hướng đến và cố gắng tạo dựng. Bên cạnh những bức tường đầy các vết sơn và hình vẽ *graffiti* hỗn tạp, biểu hiện của sự thiếu định hướng và nổi loạn tự nhiên của tuổi trẻ, là những tấm áp-phích mời gọi xây dựng một một trường sống chan hòa, “trở về với thiên nhiên” trong lành giữa cây cỏ và sông nước hài hòa. Những mẫu quảng cáo trên các kênh TV kêu gọi những bàn tay thân ái hãy đưa ra để đón lấy một người cơ nhỡ, giúp một người có tuổi qua đường hay xoa đầu một hài nhi. Chỉ với những cử chỉ giản dị này thôi, con người đang dần dần trở về với trách nhiệm xã hội nguyên thủy: sống cho người, để được sống cho mình. Và nguyên tắc sống mới “thỏa hiệp, hòa hợp và chia sẻ” đó đã mở rộng ra ngoài biên giới của gia đình, xã hội, quốc gia mà bao trùm cả cộng đồng nhân loại của một *thế kỷ thuật số* đang thành hình với i-Pod và điện thoại di động, chẳng còn phân biệt đâu là giới hạn giữa các châu lục hay màu da.

Các bạn trẻ Hà Lan năm nay lại có thêm những ngày cuối năm “biết sống” có ý nghĩa như thế, trong tinh thần thông điệp nhân ái của mùa Giáng sinh. Từ 9 giờ sáng ngày 19 tháng 12 đến 3 giờ chiều ngày 24 tháng 12, ba DJ (người phụ trách chọn và phát nhạc ở các tụ điểm giải trí) trẻ đã quyết định “tuyệt thực” trong một nhà kính (*glazen huis*) ở Utrecht, trong sáu ngày để quyên tiền giúp trẻ con nạn nhân của cuộc nội chiến được đoàn tụ hoặc có một mái ấm gia đình ở Congo (Red een kind in Congo)! Trong thời gian dài này, tuy nguyện không ăn uống gì, họ sẽ phục vụ phát nhạc theo lời yêu cầu (serious request) của thính giả liên tục không ngừng nghỉ. Sáng kiến của ba bạn trẻ DJ đã được dân chúng Hà Lan ủng hộ nhiệt liệt, đa số những thính giả đã đến tận nơi yêu cầu (5 euro cho một bản nhạc), gửi mẫu nhắn tin cổ vũ (“cố lên”) qua SMS (40 xu) và tham gia các cuộc đấu giá các vật phẩm được các nhà hảo tâm biếu trên mạng lại là các thiếu nhi và thanh niên trong độ tuổi đôi mươi! Kết

quả cuối cùng thật đáng kể và đáng khâm phục. Chỉ với những “chia sẻ” (gom góp từ những con heo tiết kiệm!) nhỏ, sáng kiến giản dị của ba bạn trẻ đó đã đem lại 1.203.549 euro, vượt qua mức kỷ lục năm ngoái (915.955 euro) của một hoạt động tương tự ở Neude dành cho trẻ em ở Dafur, Sudan. Một món tiền tuy không lớn, nhưng đủ để tạo một “quả tim toàn cầu” vĩ đại!

Có lẽ không có bức thông điệp Giáng sinh nào có ý nghĩa hơn cho tuổi trẻ Hà Lan, khi ba người DJ trẻ, kiệt sức vì tuyệt thực sau sáu ngày miệt mài nhưng thật vui khi bước ra khỏi căn phòng kính trong suốt đó, chỉ vài giờ trước khi mọi người quây quần kỷ niệm giờ Chúa giáng sinh, vì đã quên mình để “phục vụ” người. Nhờ họ, những đứa trẻ da đen chẳng hề quen biết, không gia đình, không quyền thuộc, không lý lịch, không cả một tương lai nào đó rồi đây sẽ được “phục hồi” quyền làm người và quyền sống trong một thế giới đầy tai ương từ thiên nhiên và từ chính đồng loại của mình. Mọi sự đã bắt đầu từ những cử chỉ rất nhỏ nhoi và tầm thường!

Trách nhiệm hướng về xã hội từ nhận thức của cá nhân, với sự đồng lòng và khích lệ của một cộng đồng xã hội “biết quên mình và nghĩ đến người” đang hình thành và phổ biến trên toàn cầu có lẽ là cách duy và tốt đẹp nhất giúp xóa bỏ đi, hoặc cứu vãn, phần nào những mảng đen hay những vết màu loang lổ đang manh nha biến dạng và làm băng hoại xã hội và đời sống hiện nay trên khắp thế giới.

Gây dựng được một chút ý thức “trách nhiệm xã hội” (dù với hình thức tự nguyện và giản dị kiểu Hà lan) có lẽ sẽ giúp xóa bỏ được những mảng *graffiti* “khoan cát bê tông”, đua xe cuối tuần và tâm lý vô cảm trước thảm trạng của đời sống đang trở thành những hiện tượng phổ biến trên đường phố ở nước ta.

Blaricum, 25-12-2005

Tiếng chim hát buổi sáng

T

ừ mấy tháng nay, cứ cách khoảng nửa giờ khán giả các kênh trên đài truyền hình Hà Lan lại được xem một mẫu quảng cáo dài chừng vài chục giây của Hội Bảo vệ môi trường. Điều đặc biệt là mẫu quảng cáo không dùng màu nóng, hình ảnh sôi động để “bắt mắt” người nhìn theo kỹ thuật thông thường. Đang theo dõi một chương trình nào đó, bất chợt khán giả thấy màn hình tối lại, rồi hợp khúc tiếng chim hát rất cao trỗi lên, như được tóm thâu từ hàng ngàn loại chim cùng một lúc trên vùng cao ngút ngàn nào đó đang thắm mặt trời đỏ tươi buổi sáng. Rồi tiếng chim hát từ từ giảm dần và tắt hẳn, như tan loãng trong cái nền tối thâm u ấy. Khán giả có cảm giác hụt hẫng. Cái gì đã xảy ra? À, lời giải đáp đây rồi. Một dòng chữ nhỏ, có vẻ khiêm nhường, nhưng sắc như một vết cắt trên da, hiện ra: “Bạn có muốn Trái đất của chúng ta trở nên như vậy không?”

Cái mẫu quảng cáo xem chừng như vô bổ ấy, lại đã tạo được một tác dụng không thể ngờ được. Có khi đang ngồi yên ả trong ghế nệm êm ở phòng khách, hồn mơ màng mãi tận đâu, tôi đã giật mình vì mấy đứa trẻ lảng giềng lớn tiếng trả lời câu hỏi đó, bằng một tiếng “không” (nee) dứt khoát. Đúng ra, phải xem đó là tiếng hét đồng thanh đòi quyền sống của thế hệ tương lai, trên một hành tinh đang hao mòn, kiệt quệ sức lực vì sự khai thác bừa bãi và vị kỷ của con người trong hiện tại. Nó buộc con người phải thay đổi trong ý thức và sinh hoạt hằng ngày. Và không ai có thể thay đổi nếp sống của xã hội một cách đồng loạt và sâu xa như thế ở Âu Mỹ hiện nay hơn... trẻ con!

Tôi đã thấy trẻ con góp tiền “bỏ ống” nuôi... chuột sa mạc ở trường học để bảo tồn giống thú đang bị mai một. Tôi đã nghe trẻ con năn nỉ bố mẹ để mua cho được tập vở sử dụng giấy tái sinh để bớt tác hại cho môi trường. Tôi đã chứng kiến cảnh trẻ con “lên lớp” khuyên bố mẹ bớt sử dụng xe hơi trong dịp cuối tuần để bầu trời bớt ô

nhiễm khói bụi. Tôi cũng xấu hổ vô cùng khi được trẻ con láng giềng “giảng rõ thêm” về tác dụng trầm trọng của “nhà kính” (greenhouse) đối với tầng ô-dôn, về “cân bằng sinh thái” và biết bao nhiêu điều khác nữa... Quả thật có nhiều điều trẻ con biết mà người lớn chúng ta ... không biết!

Bị tiêm nhiễm nặng nề bởi “ý thức môi trường” mới đó, trong những ngày đầu tiên về lại quê nhà, tôi đã không tránh được những cú sốc tâm lý nặng nề đối với một vài cái gọi là “thú” ở Sài Gòn. Bạn hãy tưởng tượng đó là một buổi chiều đầu tháng Sáu, đường sá đã bớt xe cộ sau giờ tan tầm, bạn vẫy tay gọi một chiếc xích lô đạp, cho chạy thong thả trên đường Điện Biên Phủ. Gió chiều hiu hiu thổi, khiến bạn cảm thấy nhạt miệng. Bạn ra dấu cho xe tấp lại bên đường, mua một chùm chôm chôm mọng nước đầu mùa. Xe tiếp tục xuôi trên đường vô định. Bạn ngắt từng trái chín đỏ, thưởng thức lớp cơm trắng ngọt lịm. Vỏ và hạt chôm chôm theo mỗi vòng lăn của bánh xe rơi vung vãi trên đường... Còn cái gì “thú” (mà không thanh tao) hơn nữa!

Khi kể cho bạn bè nghe câu chuyện dí dỏm này, có người cắc cớ nêu một nhận xét khiến tôi sửng sò: không biết ở bên trời Âu như thế nào, riêng ở Việt Nam ta chỉ có rất loại trái cây tuy ngon nhưng rất rườm rà, nhiều vỏ, lá rất khó xử lý rác cho gọn, nhẹ. Thừa bạn hiền, xin miễn bàn đến cam, táo cho xa xôi, người Thái Lan cũng buôn bán các loại trái cây nhiệt đới đồng chủng trên các khu phố lớn ở Bangkok nhưng “gọn, nhẹ” hơn ta nhiều. Chẳng lẽ bạn láng giềng Thái có cách ăn hay xử lý rác trái cây khác ta chăng?

Cũng trong những ngày thăm quê, lưu trú ở khu cư xá Thanh Đa, bốn bề nước phủ, cây cỏ xanh tươi, tôi cũng đã... giật mình vì một cái “thú dân gian” khác. Vào những buổi chiều êm ả, vài bạn thiếu niên trong vùng thường tụ họp quanh những gốc cây, dùng súng hơi bắn tia những con chim sẻ (có thể là) cuối cùng của khu bán đảo này. Bạn hiền có thể cho tôi là cường điệu, bao đồng. Xin thưa: có ai để ý thấy rằng dạo này ở Thanh Đa không còn nghe tiếng ễnh ương, vốn rất rộn rã vào buổi hoàng hôn hay sau những cơn mưa chiều mùa hè? Tiếng chim hót đón chào bình minh dĩ nhiên không

còn nữa sau những đợt “triệt tiêu” bằng súng hơi và phong trào “đốn cây lấy mặt bằng kinh doanh” của dân tứ xứ trong thành phố.

Nói cho cùng, nỗi ám ảnh nặng nề nhất của tôi vẫn là tiếng chim hót buổi sáng. Tôi vốn không có được một tuổi thiếu thời sống giữa thiên nhiên nên rất trân trọng và yêu quý thiên nhiên, có khi đến độ quá khích. Khi thấy khu Thanh Đa đang dần dà mất đi cái vốn thiên nhiên hiếm hoi trời cho, tôi quyết định dời nơi cư trú. Căn nhà mới nhỏ, tường mỏng, mái tôn, chẳng có gì bề thế, tiện nghi, nhưng nằm trong một cái ngõ riêng và đặc biệt, khoảng sân hẹp phía trước được che phủ bởi một tàng cây xoài khá già. Trong buổi giao tiếp đầu tiên, người láng giềng nhã nhặn đề nghị tôi cho chặt cây xoài vì xem ra vô bổ (được tin là giống đực) và cản trở nắng rọi xuống sân. Dĩ nhiên là tôi tìm cách để tránh né phải ra một quyết định, mà đối với tôi rất “đau đớn” như thế. Tôi cố tế nhị, không làm phiền lòng người láng giềng đáng kính với các loại lý lẽ sặc mùi lý tưởng như: tôi cần bảo vệ “lá phổi” cho khoảng không gian bé tí còn lại của tôi; hoặc tôi phải tiếp tay với chính quyền trong phong trào “sạch và xanh” của thành phố. Có lý lẽ nào còn có tính thuyết phục khi không ít dân thành phố giết (chặt, đốn, nhỏ) hay đầu độc (lột vỏ, đổ axit vào gốc) cây như một chuyện bình thường và những khoảng xanh trong thành phố thì càng ngày càng thu nhỏ lại trước sức bành trướng hung bạo của doanh nghiệp cây cảnh và ca múa ngoài trời!

Ngày tháng qua mau, khoảng sân nhỏ trước nhà chúng tôi như trở nên xanh hơn, vui mắt hơn với những loại hoa và cây kiểng mới, cũ. Người láng giềng khả kính sáng, chiều vẫn tưới nước, chăm sóc “vườn hoa” cho cả hai nhà, tự nhiên như sự hài hòa của cây cỏ. Chúng tôi hầu như quên đi “vấn đề cây xoài già” cho đến khi một phép lạ xảy ra.

Vào một ngày nghỉ cuối tuần, tôi để ý thấy một đứa trẻ ở lâu bên dùng sào dài tìm cách khều “một cái gì đó” trên cây xoài già. Đó là ... một trái xoài xanh nhỏ, chỉ bằng một đầu ngón tay cái! Bé cũng đành, nhưng bạn hiền có thể giải thích cho tôi cái điều kỳ lạ này không: một cây xoài “đực” và già, chưa bao giờ cho trái (theo láng giềng) nay lại dờ chừng ra trái! Vì do tôi thỉnh thoảng tưới nước vào

gốc cây, quét vôi trắng vào thân cây chằng, hay chuyện thần thoại “ở hiền gặp lành”? Cây xoài “vô bổ” đó đã cung cấp cho chúng tôi suốt mấy tuần sau đó những đợt trái tròn, nhỏ nhưng rất ngọt, đủ cho tôi tự hào dâng cúng trên bàn Phật của người láng giềng và bạn bè thân quen. Mùa xoài đã qua, tôi vẫn sáng, chiều tưới nước cho gốc xoài, thủ thỉ như với tình nhân.

Và còn chuyện này nữa: nỗi ám ảnh của tôi về tiếng chim hót buổi sáng không còn nữa. Những con chim sẽ đã trở về. Một buổi sáng, ngồi chờ giờ đến trường ở khoảng sân nhỏ trước nhà, tôi đã được nghe tiếng chim khởi phát ngập ngừng, rì rạc trên cây, rồi chọt reo vang, rộn ràng. Những tàng lá như xôn xao, dập dềnh trong những đốm nắng đỏ tươi của buổi sáng sớm. Tiếng chim hót như những nốt nhạc dạo đầu của một tấu khúc dương cầm tuyệt diệu.

Tôi yêu khoảng *không gian bé tí* của tôi biết mấy!

Amsterdam – TP Hồ Chí Minh, 5-1994.

Vật và Người

C

hiều đã muộn, chiếc xe buýt vừa rời xa lộ, đi vào khúc quanh dẫn vào làng, bỗng chậm lại và dừng hẳn như chờ đợi một điều gì. Ở một vị trí quang đãng, trước hàng cây xanh xếp hàng đều đặn cạnh một con rạch, hiện ra tấm bảng in chữ lớn: “Xin vui lòng giảm tốc độ! Đoạn này là nơi chúng tôi thường qua lại!”. Bên cạnh hình như là ảnh cái đầu của một loài vật có cánh.

Hành khách trên xe nhìn tấm bảng cười độ lượng. Người tài xế xe buýt cũng cười xuề xòa. Chỉ có tôi không thể cười được. À, ra thế. “Chúng tôi” đây không phải là trẻ con, người già cả hay người khuyết tật... vốn được xếp vào hạng ưu tiên trong xã hội Hà Lan, mà là mấy... chị ngỗng trời (thiên nga) lông trắng phau, mịn màng như tuyết đầu mùa, suốt ngày hú hí, rỉa lông cho nhau và hát hợp xướng chát chúa ở những bãi cỏ xanh mượt cạnh dòng nước trong in đậm bóng cây.

Vào tuần trước, trên đoạn đường đó một người lái xe hơi đã (bất cẩn) cán chết một con ngỗng trời trong khi “nàng” đang “tay trong tay” cùng tình nhân bước về điểm hẹn hò bên kia đường! Nhiều bó hoa tươi đã được đặt ở “hiện trường” để thương tiếc, tưởng niệm con vật vắn số. Nhiều cuộc họp dài bàn tán sôi nổi, nhiều lá thư kiến nghị nóng bỏng gửi tới chính quyền sở tại.

Và cuối cùng là “hành động thiết thực” của người dân địa phương để bảo vệ “cuộc sống an toàn và yên vui” của nhóm năm con ngỗng trời, vừa tặng “nhân khẩu” từ một cặp lẻ loi, cô đơn đến ngụ cư trên quãng đường này chỉ trong vòng hai năm qua. Người đồng hành trên xe đã giải thích vắn tắt cho tôi về lý do xuất hiện của tấm bảng kia như thế.

Phản ứng đó có lẽ chỉ xảy ra ở Hà Lan, nơi “vấn nạn bảo vệ quyền lợi của súc vật” được nâng cao, coi trọng và “chính trị hóa” ở mức độ cao nhất, bên cạnh việc hợp thức hóa một loạt hoạt động khác như sử dụng (hạn chế) vài loại ma túy, mại dâm có tổ chức, hôn nhân cùng giới tính, bức tử tự nguyện (euthanasia)...

Ở một xứ sở nơi thủ tướng và các thành viên của nội các hầu như phải xuất hiện hàng tuần trên các diễn đàn truyền hình để đối thoại với dân chúng, điều trần thường xuyên với đại diện dân cử ở quốc hội, và tiêu chuẩn tuyển dụng công chức dựa trên căn bản có khả năng sáng tạo cao để có thể phục vụ hữu hiệu “người đóng thuế”, gia đình hoàng gia bị khước từ việc được săn bắn chồn cáo trong vườn quanh lâu đài, hoặc đã bỏ ra hàng chục triệu euro để xây dựng hàng rào và hầm vượt an toàn cho thú hoang dọc trên các xa lộ..., xét ra nếu có ai phát huy sáng kiến đi đầu trong sứ mạng tạo điều kiện sinh tồn bình đẳng và hòa hợp giữa “súc vật và con người” thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Người Hà Lan vốn chẳng bao giờ bằng lòng với những gì họ đang có!

Điển hình nhất của hội chứng “não trạng Hà Lan” (*holanditis*) là sự ra đời Đảng của súc vật (Partij voor de Dieren, www.partijvoordedieren.nl) trong hai năm gần đây, với tôn chỉ sáng lập nhằm bảo vệ quyền lợi đích thực của những kẻ “thấp cổ bé họng” nhất, như tuyên bố của đảng này trong cuộc ra mắt cử tri lần đầu: “Chương trình của đảng được xây dựng trên tầm nhìn là súc vật - cũng như con người - là những sinh vật sống có suy nghĩ và cảm giác, vì vậy phải được con người đối xử một cách kính trọng”.

Dịp may hiếm có cho chính đảng đang ở trong thời kỳ trứng nước này là trước ngày cử tri quyết định lá phiếu của mình cho kỳ bầu cử hạ viện mới, con đê ở Marrum, một làng ven biển miền bắc tỉnh Friesland, bị vỡ sau nhiều ngày mưa bão kéo dài vào đầu tháng 11-2006, khiến hơn 18 con ngựa bị chết đuối và 120 con còn lại bị cô lập trên một cồn đất nhỏ, chơ vơ giữa vùng nước biển mênh mông và lạnh buốt của những ngày đầu mùa đông.

Dưới ống kính soi mói và sốt sắng của phóng viên truyền hình, khán giả cả nước Hà Lan đã được cập nhật từng phút, từng giờ về tình

hình sinh tồn của những con vật xấu số này. Nhân viên cứu hỏa, cứu nạn, thú y, công binh, cùng với tàu đổ bộ, trực thăng quân sự đã vào cuộc. Rồi một chiếc phà bị lật, nhiều nhân viên cứu hộ bị thương.

Rồi thêm một cây cầu nổi được dựng cấp tốc nhưng người ta vẫn chỉ có thể ném xuống những tảng cỏ khô cho đám ngựa cầm hơi, mà vẫn không tìm ra được một cách ổn thỏa nào để di dời chúng vào vùng đất liền khô ráo. Đến khi sự quan tâm và kiên nhẫn của dân chúng Hà Lan đã đạt đến đỉnh điểm thì thật bất ngờ, giải pháp khả thi nhất lại đến từ những cái đầu giản dị nhất!

Vào ngày thứ ba, chiến dịch “ngựa phải tự cứu ngựa” được bàn cãi rất ráo và nhiệm vụ cứu nạn nặng nề này được giao cho ba cô kỵ mã địa phương thực hiện. Dưới hàng triệu con mắt xót xa, hồi hộp của khán giả Hà Lan và nhiều nước trên thế giới, ba cô gái đang độ tuổi “bể gãy sừng trâu” ngồi trên lưng ngựa lội qua biển nước dài hàng trăm mét, có khi ngập đến tận cổ, ra đến cồn và từ đó hướng dẫn đám ngựa đã kiệt sức vì đói và lạnh, từng con một từng bước dẫm dẫm và thận trọng băng qua vùng nước đầy rủi ro, bất trắc (www.YouTube.com; horses rescue, 3-11-2006) để vào bờ an toàn.

Giữa tiếng reo hò và vỗ tay cổ vũ nồng nhiệt của dân chúng trong làng và khách hiếu kỳ, ba “người hùng” kỵ sĩ trẻ tuổi mặt đỏ bừng bừng vì hưng phấn và e thẹn đã hân hoan làm dấu chữ “V” (chiến thắng) và chỉ vào một con ngựa lông đen tuyền, vượt cao hẳn tầm của đám ngựa đồng cảnh, đang thỉnh thoảng lại ngửa mặt kiêu hãnh cất những tiếng hí dài như muốn trút nỗi nhẹ nhõm lên trời.

Từ những hình ảnh phóng đại và rõ nét, khán giả đều thấy rõ là chính đàn ngựa đã tự lãnh đạo, thuyết phục những vó ngựa còn e dè do dự cùng vượt biển vào vùng đất sống, chỉ với sự tiếp trợ của con người. Hậu quả tất yếu là chủ nhân của đàn ngựa bị khởi kiện ngay sau đó vì “cố tình bạc đãi” súc vật sở hữu của mình dù đã được những “hội bảo vệ súc vật” cảnh báo nhiều lần.

Sự kiện hi hữu đó như những cánh quạt xay gió khổng lồ thổi các ứng cử viên Đảng của súc vật, người liên tục đứng sau chiến dịch

cứu vật này, vào những chiếc ghế đầu tiên ở hạ viện chỉ một thời gian ngắn sau đó. Một mô hình mới nhằm mục đích phát triển mối tương quan sinh tồn hài hòa giữa vật và người đã hình thành và phổ biến trên khắp đất nước Hà Lan, và có lẽ cũng là lần đầu tiên trong lịch sử chính trị thế giới cận đại!

Mà nghe đâu Đảng của súc vật lại vừa tung chiến dịch mới đòi hỏi những con vật bị giết làm thịt “nuôi con người” phải được chết “trong phẩm giá” (in dignity). Đến mức này thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nhất là ở Hà Lan!

Blaricum, 29-4-2007

Một ngày hội

Đ

ối với người Hà Lan, tháng tư là tháng của nhiều bất trắc và thay đổi bất thường nhưng cũng là thời điểm của những lễ hội tiêu biểu hàng năm cho thiên nhiên và con người.

Ở Bắc Âu, mùa xuân chỉ thật sự bắt đầu sau cơn mưa rào vào cuối tháng Ba, thường đổ xuống trong đêm như một cánh tay lạnh lẽ đánh thức thiên nhiên sau một giấc ngủ miệt mài suốt mùa Đông băng giá. Sáng hôm sau, mặt trời lên rực rỡ, rải nắng chan hòa trên những cánh hoa anh đào hồng thắm, thủy tiên vàng nõn nà, uất kim hương đài các và hoa củ nghệ tây óng ả như những tấm áo cưới trắng tinh nguyên. Các loại hoa nở cơ man trên những nền cỏ xanh mượt như những quả tim nhỏ rộn ràng trong vườn và những chiếc cửa sổ vừa mở ra đón gió và nắng xuân. Những con quạ đen, sáo bạc đầu và sẻ lông xám bắt đầu lảng vảng thu nhặt những cọng rơm, cỏ khô, ríu rít xây tổ trên những máng xối. Vài con thiên nga trắng mượt mà thả mình trong nước lặng lẽ, tạo những gợn sóng rẽ quạt trên những cánh hồ nhỏ. Đây là lúc người Hà Lan cũng bắt đầu thay những tấm áo mỏng, nhẹ nhàng hơn, phơi trần dưới nắng để da thịt trở mình, tiếp thụ năng lượng thiên nhiên cần thiết cho cuộc hồi sinh mới.

Vào đầu tháng Tư, thiên nhiên và con người ở xứ sở hoa uất kim hương và bóng đá “tổng lực” thường khi đã sẵn sàng và hân hoan đón mừng lễ hội, nhưng mọi sự ít khi diễn ra suôn sẻ như mong muốn. Năm nay, đất nước vốn được mệnh danh là “xứ sở của sữa và mật ong” đã bắt đầu mùa xuân với nhiều âu lo, vừa bất ngờ vừa dai dẳng, như những đêm lạnh giá kéo dài đến tận đầu tháng. Là một nước có nền kinh tế lệ thuộc vào ngoại thương, người Hà Lan có nhiều lý do để lo lắng. Từ bên ngoài, cuộc chiến tranh “vô đạo đức” ở Iraq, cơn dịch “toàn cầu” SARS, đồng euro tiếp tục lên giá “không kìm hãm”, đã ảnh hưởng trầm trọng đến doanh thương Hà

Lan. Nhưng chính những “vấn đề bên trong” mới làm người Hà Lan giật mình, tự điều chỉnh và thay đổi cách sinh sống và suy nghĩ thường tình. Hãy thử ghi lại một vài sự kiện chính: cuộc ám sát lãnh tụ cực hữu Pim Fortuyn đã tạo cơ hội cho làn sóng chống lại “người nhập cư” và đạo Hồi; những cố gắng liên tiếp để tạo thành một nội các mới sau gần một trăm ngày thương thuyết căng thẳng chưa đem lại kết quả cụ thể nào, khiến dân chúng càng ngán ngẩm và nghi ngờ về sự thành tâm và khả năng của các vị dân cử và hệ thống chính trị dựa trên thỏa hiệp, từng là khuôn mẫu cho châu Âu; nạn dịch cúm gia cầm nối tiếp dịch heo “lở mồm long móng” năm ngoái đã buộc cơ quan thú y dịch tễ phải giết chết hơn 6 triệu con gà (gần bằng nửa dân số Hà Lan) để ngăn chặn cơn dịch lây lan ra toàn quốc và các nước lân cận; số tội phạm có tổ chức tăng cao khiến cư dân các thành phố không còn cảm thấy an toàn khi dạo chơi đơn lẻ trong đêm.

Tất cả những biến cố đó đã xảy ra nhanh dồn dập và trên một quy mô bất thường, khiến những người Hà Lan, vốn rất dễ dàng thích nghi với hoàn cảnh và kiên trì đối phó với thách thức mới đã phải bận tâm suy nghĩ. Tuy không hoàn toàn bị quan, nhưng ở khắp các diễn đàn hầu như đều bàn bạc về một mối quan tâm chung về sự cần thiết phải phục hồi những giá trị truyền thống tốt đẹp và mẫu mực căn bản của một xã hội bình đẳng, tương trợ lẫn nhau và nhân ái, từng là niềm tự hào của Hà Lan trong những thập kỷ qua. Giải pháp đề nghị thật giản dị: trở về với những điều căn bản (*back to basics*).

Nhiều ý kiến cho rằng những “điều căn bản” đó thật ra đã được thể hiện tiềm tàng trong cách sống và suy nghĩ của người Hà Lan, chỉ cần phục hồi qua cách “nhắc nhở lẫn nhau”. Trong mọi cộng đồng điều đáng ngạc nhiên là tính tự nguyện “phục hồi và cải thiện xã hội” của người Hà Lan. Trong các cuộc tranh luận công khai và riêng tư, người ta thường nhắc nhở đối thủ: “Vâng, vấn đề nhập cư thật sự căng và phức tạp đấy, nhưng chúng ta cũng nên thận trọng, đừng quên truyền thống tương trợ và nhân ái của mình” (Hà Lan là một trong những nước đầu bảng trên thế giới đã dành 1% GDP cho viện trợ nhân đạo hàng năm). Đài truyền hình cũng bắt đầu phổ biến

những cảnh người trượng dù che cho một em bé trong cơn mưa, kẻ đưa tay dắt một người cao tuổi qua đường, hoặc lật lại cổ áo cho một người vội vã trên xe điện, hòa nhã đối với nhau trên các tuyến đường hay bị tắc nghẽn, không xả rác bừa bãi trên đường phố. Nhiều khu phố bắt đầu tự tổ chức những cuộc “tranh tài thể thao” hoặc “liên hoan mừng Xuân” nhỏ để củng cố tình láng giềng “sớm tối có nhau”. Những đóng góp tưởng như “nhỏ nhoi” đó thật ra đã giúp người Hà Lan cùng vượt qua những khó khăn và thách thức chung, đồng thời cũng giúp họ bớt “quá khích” hơn trong cách suy nghĩ về “mối đe dọa của người nhập cư” và lạc quan hơn về “tình hình thế giới” so với những người láng giềng Đức, Bỉ hay Pháp.

Cũng trong tinh thần giải quyết vấn đề một cách “giản dị” và trong tinh thần “trở về với những điều căn bản” đó, phải kể đến cách thức thần dân Hà Lan mừng sinh nhật nữ hoàng của họ. Nó thể hiện toàn bộ những đặc tính căn bản của một xã hội vừa trọng thị (nền dân chủ lập hiến) vừa thực tế (thị trường tự do), rất chi là Hà Lan!

Thật ra, 30-4 không phải là ngày sinh của nữ hoàng đương thời, người thường được thường dân gọi giản dị bằng tên tục “Beatrix”. Bà sinh vào tháng Mười hai, là một trong những tháng rét buốt nhất trong năm ở Bắc Âu, không phải là thời điểm lý tưởng cho các cuộc lễ hội chúc mừng ngoài trời. Để tránh cho thần dân phải co ro trong mưa tuyết, hoàng gia đã quyết định tiếp tục giữ ngày sinh của cựu nữ hoàng Juliana đã thoái vị như một ngày lễ hội chung, để vinh danh triều đại Oranje đã trị vì xứ sở Hà Lan từ mấy trăm năm nay.

Ngày hội thường bắt đầu bằng sự xuất hiện của vị nữ hoàng trên lan can tòa lâu đài ở Soestdijk vào buổi sáng, trong sự háo hức của thần dân già, trẻ tự động kéo đến từ khắp các vùng, mang theo hoa, bánh trái, đặc sản và vật lưu niệm để chúc mừng ngày sinh của nữ hoàng yêu mến của họ. Nhưng cuộc lễ hội chỉ thực sự bắt đầu khi những khu chợ bán đồ “lạc xon” (*rommelsmarkt*) bắt đầu mở trên khắp các đường phố của các thị trấn và thành phố lớn, nhỏ trên toàn quốc. Không ai biết rõ nguồn gốc của kiểu chợ tự phát này, nhưng qua thời gian những khu chợ này đã trở thành một nét đáng yêu và thi vị nhất, trong rừng cờ xí màu da cam và nhạc rộn ràng

của ngày lễ hội sinh nhật nữ hoàng (*Koninginnedag*). Thoạt tiên, đó là cơ hội dành cho trẻ con thực tập “óc doanh nghiệp”, vốn là “ưu thế đặc trưng” của các thể hệ doanh nhân Hà Lan trên khắp thế giới, khởi đầu từ những chuyến tàu buôn từ Amsterdam đi châu Á vào đầu thế kỷ 17.

Để bảo đảm “quyền bình đẳng” cho trẻ con trước mưu đồ xâm lấn của các đối thủ cạnh tranh cao tuổi hơn (thường phải đem chăn, lều ngủ qua đêm tại chỗ để chiếm “địa điểm tối ưu”), các “thương nhân tương lai” thường được dành riêng những vỉa hè tiện lợi và đẹp nhất giữa trung tâm thành phố để bày bán tất cả những đồ vật vụn vặt tạp nham đã thu nhặt và gom góp từ cha mẹ, láng giềng và bạn bè từ những tháng trước. Các “quầy hàng” của các “doanh nhân tài tử” tuy nhỏ, nhưng không thiếu một món gì, từ chiếc đĩa hát cũ của Elvis Presley, đến cái đĩa vỡ thò ... Khang Hy, hay đôi giày leo núi đã bỏ quên hàng chục năm trong garage nhà. Từ sáng sớm đến cuối chiều, những “chủ nhân ông” nhi đồng này đã bày biện, rao hàng và thương lượng giá cả các món hàng của mình một cách thành thạo, nhiệt tình và chuyên nghiệp đến không ngờ. Chẳng có ai nữ kỳ kèo “đồng một, đồng hai” với những “con buôn” lanh lợi tí hon này, hay lờ đi không bỏ một vài đồng xu euro vào chiếc mũ của những nhạc sĩ nhi đồng đang “phồng mang, trợn mắt” thổi bài mừng sinh nhật (*lang zal ze leven*) với chiếc saxophone dài gần bằng chiều cao của người nhạc sĩ tí hon! Ai cũng biết là phần lớn “lợi nhuận” của một ngày làm ăn đầy hào hứng đó rồi cũng sẽ được sung vào quỹ cứu trợ nạn đói ở châu Phi hay bảo vệ thú vật quý hiếm ở đâu đó trên hành tinh quả đất! Và tất cả mỗi người đều cười vui, giỡn cợt, hỉ hả với nhau, tạm quên những rối rắm của cuộc đời!

Ngày 30-4 không còn là một ngày vui riêng cho dân Hà Lan nữa mà đã trở thành một sự kiện hấp dẫn cho khách du lịch bốn phương sau khi đã dạo chơi vườn Keukenhof vào giữa tháng tư, nơi trưng bày những cánh hoa uất kim hương màu đen tuyền có tên “hoàng tử Ba Tư” duy nhất trên thế giới. Thử ghé lại một thành phố lớn như Amsterdam, Rotterdam, The Hague, Utrecht, Groningen, hay bất cứ một thị trấn nào nhỏ hơn như Bussum, Delft, bất cứ một nơi nào đó ở Hà Lan trong ngày, bạn sẽ thấy bị cuốn hút một cách tự nhiên vào

không khí lễ hội sôi động, náo nhiệt và đầy ý nghĩa của một xã hội biết sống, thụ hưởng và chia sẻ. Nếu may mắn, bạn còn có thể tình cờ tìm được một con tem còn thiếu trong bộ sưu tập, một đĩa nhạc hiếm hoi của Sylvie Vartan thời 1960, hoặc may mắn hơn nữa, có thể tìm thấy “một nửa của mình” trong đám đông rạo rỡ của ngày lễ hội. Thành dân Hà Lan “xuống đường” trong ngày 30-4 để chúc mừng sinh nhật nữ hoàng của họ, nhưng quan trọng hơn cả là tìm thấy bản chất xã hội của mình (bình đẳng, hòa hợp và thân ái) giữa một cộng đồng tuy nhỏ nhưng quá nhiều sắc tộc (chiếm đến hơn 10% tổng số dân số). Trong một thế giới điên đảo, đang mò mẫm đi tìm một giá trị và mẫu mực mới, một cuộc “đoàn tụ trở về nguồn” như thế quả thật là cần thiết!

30-04-2004

Một ngày trên ba biên giới

Một

Đ

ể đến Ubon Ratchathani, cách nhanh nhất là theo một trong những chuyến bay (độc quyền) của hãng Hàng không Thái. Chỉ khoảng 50 chục phút bay, bạn đã đến được thủ phủ nằm ở biên giới Đông Nam của Thái Lan, cách thủ đô Bangkok hơn 600 cây số. Các phương tiện công cộng khác như xe lửa và xe buýt đường dài cũng rất tiện lợi và có giá cả phải chăng. Tôi đã chọn giải pháp đường bộ để có dịp ngắm kỹ càng hơn vùng đất chuyên về nông nghiệp, được xem là kém phát triển nhất của nước Thái, nhưng lại là nơi sinh sống của nhiều kiều bào người Việt.

Cộng đồng kiều bào người Việt ở Thái Lan thường tập trung ở hai tỉnh Udon Thani (ở phía Đông Bắc, tiếp giáp với Lào) và Ubon Ratchathani (ở phía Đông Nam, tiếp giáp với biên giới Lào và Campuchia). Nhìn vào bản đồ địa lý, bạn có thể thấy đó là kết quả tiệm tiến của hai luồng di dân khác nhau khởi từ các tỉnh ở phía Bắc và Trung bộ của Việt Nam, qua ngã Vientiane và Paksé của Lào. Nhiều gia đình đã định cư ở xứ người qua thế hệ thứ ba.

Mức độ phát triển và hiện đại của hệ thống giao thông đường bộ của Thái Lan giúp cho người đi xa có thể chủ động về thời gian của chuyến đi. Vị nghị sĩ thượng viện vốn là sinh viên đang viết luận án tiến sĩ với tôi vì bạn phải họp ở Chiang Mai (một thành phố ở tận mút Tây Bắc của Thái Lan) không thể đi cùng chung xe, đã hẹn sẽ theo chuyến bay cuối cùng về tỉnh nhà vào lúc 17.15' và sẽ đến thẳng nơi hẹn là một tiệm ăn, vừa kịp để cùng dùng cơm với kiều bào người Việt ở địa phương cùng khách phương xa. Trong những hoàn cảnh như thế mới thấy được mức hữu dụng tuyệt đối của máy điện thoại di động, một sản phẩm thời đại tuyệt vời mà tôi vẫn thờ ơ chưa nắm được những chức năng cơ bản!

Nói cho cùng, cho dù hệ thống đường sá có hiện đại đến cách mấy cũng không thể bảo đảm cho tôi đến nơi hẹn đúng giờ. Thế nhưng, mọi sự đã xảy ra theo như dự tính, như một điều hiển nhiên, rất bình thường. Ngán cảnh đường dài, vừa đóng cửa xe, tôi đã hỏi người tài xế chuyến đi sẽ kéo dài bao lâu. Người tài xế trẻ, hầu như không nói một tiếng nào trong suốt cuộc hành trình, đã trả lời thật ngắn gọn và đầy tự tin “*chết môn, khrap!*” (Dạ, bảy tiếng).

Điều đáng nói là anh đã hoàn thành nhiệm vụ đưa chúng tôi đến nơi an toàn, đúng hẹn và trong một trạng thái thoải mái. Mà có phải là một khoảng cách ngắn ngủi gì cho cam. Đó là cả một đoạn đường dài tương đương giữa thành phố Hồ Chí Minh và Qui Nhơn, cũng đi qua những địa hình khó khăn hiểm trở và không phải lúc nào cũng có thể “phom phom” trên xa lộ bốn làn ranh lên xuống. Tất cả chỉ mất sáu tiếng đồng hồ phù du, đến nỗi, trong cơn ngật ngà “say xe”, dù đã đến điểm dừng chân cuối cùng, người viễn khách vẫn cứ ngỡ ngang tưởng mình vẫn còn ở đâu đây trên đường thiên lý.

Yếu tố giúp người lái xe giữ được tốc độ vừa chuẩn vừa cao (thông thường ở trên mức 120 cây số/giờ) trong một thời gian dài nhưng vẫn bảo đảm được an toàn cần thiết, là do ở sự tổ chức phối trí có qui củ các hệ thống phương tiện đi lại và chấp hành luật lệ giao thông khá chặt chẽ trên các tuyến đường trong toàn bộ nước Thái. Ngay trên những đoạn đường nhỏ hai chiều, có phân luồng rạch ròi cho xe gắn máy, tuyệt nhiên không thấy cảnh phơ phóng bừa bãi, rất phổ biến dọc quốc lộ 1A từ Bắc chí Nam như bên nhà, khiến người lái xe máy có lý do để lấn đường ra ngoài. Nhà cửa, phố xá, chợ búa đều nằm sau hàng lang an toàn tối thiểu (ít nhất là sáu thước) dọc hai bên đường. Các giao lộ đều có bảng biểu chỉ dẫn rõ ràng và được điều hành bởi trụ đèn lưu thông hiện đại. Thành thoảng đây đó thường có các “trạm dừng chân” công cộng để khách đường xa có thể rửa qua mặt mày, đi vệ sinh, nghỉ ngơi đôi ba phút, thả hồn ngắm cảnh trời mây, nghe vài tiếng chim hót cho nhẹ người trước khi tiếp tục đường xa vời vợi. Thường thì các địa điểm này được chọn lựa rất hợp lý và được xây dựng theo cấu trúc địa phương. Đặc biệt được thường xuyên gìn giữ rất sạch sẽ. Đâu đâu cũng có thùng rác, chẳng ai nở lòng nào vứt bừa bãi xuống đất!

Nói chung, các phố huyện đi qua đều mang tính chất đặc trưng của một vùng nông thôn đang phát triển của bất cứ nước nào trong khu vực. Ở một điểm dừng giữa đường vào tầm cơm trưa, khách phương xa ngỡ mình đang ở Định Quán hay Bảo Lộc trên đường đi Đà Lạt. Chỉ khi vào quán, bạn mới thấy sự khác biệt giữa “người” và “ta”. Công bình mà nói, thức ăn, bài trí bàn ghế và cung cách phục vụ của nhân viên “người” thường tốt hơn các quán xa bên đường ở nước ta vài bậc. Chủ nhân Thái không chú trọng lắm đến yếu tố đa-dạng-hoá thực đơn và giới thiệu “đặc sản” (hầu như chỉ cung cấp các món ăn căn bản). Họ cạnh tranh bằng cách cung cấp sự tiện lợi cho khách đường xa (nhà vệ sinh sạch sẽ, phòng ăn thoáng mát, rộng rãi, thức ăn gọn nhẹ nhưng hợp khẩu vị, phục vụ nhanh chóng và cởi mở) và nhất là đảm bảo vệ sinh an toàn. Các cửa hàng đều treo bảng chứng nhận cung cấp thức ăn “sạch sẽ và ngon” (clean and good food). Riêng khoản này cũng giúp các loại khách du lịch ‘*pharang*’ (ngoại quốc) như tôi yên tâm, không sợ bị “Tào Tháo” đuổi chạy nửa chừng!

Nông thôn Thái cũng không mấy “đa dạng” như vùng quê ở Việt Nam, nếu vội vàng có thể nói là rất nhạt và nhàm chán. Nông dân Thái lại không “lo xa” như đồng nghiệp ở miền Bắc nước ta nên chẳng chú trọng mấy đến cơ sở vật chất và điều kiện sinh sống. Đành rằng phần lớn họ đều dùng điện gia dụng, nước máy sạch và sử dụng nhà vệ sinh riêng biệt (không biết gì đến “thú quận công!”), nhưng nhà cửa xem ra rất tạm bợ, không chắc chắn và đa dạng như những vùng quê đang lên ở ta. Thông thường đó là những căn nhà sàn cột bê tông hay cây, liếp gỗ sồi sài, phía dưới để một bộ ván hoặc chiếc giường tre để mọi người nghỉ chân. Mọi sinh hoạt gia đình đều dồn hết lên tầng trên, nếu gia đình kha khá thì có trở cửa sổ hắt hơi, thường thì dùng ván đóng kín tứ phía. Có lẽ, cũng như “đồng nghiệp” ở miền đồng bằng sông Cửu Long, họ sống ngoài trời nhiều hơn trong nhà và khí trời thường mát hơn vào ban đêm. Một loại nhà khác hiện đại hơn, thường chỉ có tầng trệt, mái ở giữa dôi ra che dọc bề ngang (khoảng 8 thước), cho cảm giác thoáng mát rất thích hợp với quang cảnh miền quê. Dù là loại gì đi chăng nữa, vật liệu dùng trong việc xây cất đều nhẹ và giản dị (ngoại trừ các căn nhà “dị dạng” của các nông dân hãnh tiến đang

lên), chủ yếu là dùng gỗ lầy trong vườn hoặc từ ngoài đồng. Một điều đặc biệt nữa là chúng thường rất giống nhau, như theo một mẫu chung, nhan nhản từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây (kể cả các trạm xe buýt cũng theo một cấu trúc được tiêu-chuẩn-hoá chung cho toàn quốc). Vì thế mà khách phương xa ít thấy được sự khác biệt trong cách sinh hoạt và mức sống của các vùng quê trên đất Thái. Ấy thế mà nếu khách chú tâm nhìn kỹ một chút sẽ thấy hầu như nhà nào cũng tậu một bộ bàn ghế đá để cả gia đình ngồi hóng gió chiều trước sân; thỉnh thoảng còn có bóng dáng một chiếc *pick-up* (loại xe có thùng nhỏ) như con trâu ngủ yên ắng bên hè, để chủ nhân có thể vừa chở vợ con đi đây đó đi đó trong buổi nông nhàn, vừa là phương tiện chuyên chở sản phẩm rau đậu vườn nhà đi “tiếp thị” trực tiếp ở các chợ đầu mối trong các thành phố lớn. Nông thôn Thái cũng không có những cột đài *viba* phát tuyến lừng lững giữa trời như đa số các huyện xa xôi như ở ta. Các phòng điện thoại nhỏ theo mẫu mã chung được thiết đặt dàn trải ở những giao lộ và địa điểm công cộng, giúp nông dân liên lạc với bên ngoài mà không cần phải đi xa.

Cuộc sống của nông dân Thái xem ra thoải mái có thể nhờ ở khoảng không gian hào phóng, vẫn còn rất rộng rãi cho tất cả mọi người. Diện tích Thái Lan gấp rưỡi nước ta, nhưng dân số lại ít hơn đến 22 triệu người. Vì thế, tầm mắt của khách phương xa không bị hạn chế bởi những khu tập trung nhà ở chen chúc, manh mún, rác rưởi bừa bãi, mà trải dài với mệnh môn cây cỏ và ruộng vườn xanh tươi mát mắt. Nông dân Thái trên vùng đi qua chỉ làm một vụ lúa vì thiếu nước và có thói quen đốt rạ để dọn đồng trước khi cày ải. Trên những mảnh ruộng lớn thường được điểm xuyết bởi nhiều loại cây lớn nhỏ và những túp lều tranh tránh nắng tạm bợ. Sự hiện diện của những cây xanh đủ loại làm dịu đi cái nắng gay gắt nhiệt đới ở đồng quê, là nơi trú ẩn giải lao giữa một ngày lao động mệt nhọc và đồng thời cung cấp vật liệu xây dựng cho những căn nhà mới.

Điều kiện thiên nhiên ưu đãi và óc thực dụng của nông dân Thái được thể hiện qua cung cách làm lụng và vui chơi của họ. Một câu hỏi vẫn khiến tôi băn khoăn trong suốt chuyến đi là nếu nông dân địa

phương chỉ làm một vụ lúa (thông thường chỉ kéo dài không hơn 100 ngày) thì họ sẽ làm gì với số ngày còn lại trong năm. Câu trả lời là điều lặp lại cái vòng “kim cô” muôn đời và muôn thuở: bài bạc, rượu chè, lễ hội và ... làm công quả ở chùa!

Phật giáo là quốc giáo ở Thái Lan. Chỉ riêng ở Ubon Ratchathani đã có 300 trong số hơn ba ngàn ngôi chùa trên toàn quốc. Ubon là một tỉnh địa đầu, đông dân, chuyên về nông nghiệp, thuộc vào một trong những tỉnh nghèo nhất ở Thái, nhưng lại là nơi tập trung nhiều chùa chiền nhất. Theo ước tính, mỗi ngày các chùa thu nhận khoảng 300 triệu *baht* tiền công đức (khoảng gần 10 triệu đô la Mỹ) trên toàn quốc, phần lớn từ những người dân có lợi tức thấp, nhưng có kỳ vọng đời cao. Bài bạc, rượu chè và lễ hội cũng là những hình thức thăng hoa hữu hiệu giúp con người quên đi những nhọc nhằn đời thường. Cách vui chơi của họ cũng thể hiện mục đích “giết thì giờ”, không có tính cách rườm rà và rộn rã như các lễ hội thường thấy bên nhà. Trên đường, chúng tôi đã dừng lại xem một cuộc bắt cá truyền thống ở một làng cạnh tỉnh lỵ. Nông dân, già trẻ, trai gái tập trung ở một cái đĩa rộng chừng 50 thước mỗi chiều, ở giữa có những cọc đóng theo thế cái ghế tạm thời bằng cây. Mỗi ứng viên phải đóng một khoản phí (20 *baht*) cho chỗ mình chiếm để được tung lưới bắt cá. Thỉnh thoảng có người lúng túng thế nào ngã ùm xuống nước bơi lóp ngóp, cũng chẳng thấy ai reo hò hoan hô cổ xúy gì. Thi thoảng mới có người bắt được vài con cá nhỏ bằng đôi ba ngón tay, lại đập cho chết rồi xuyên thẻ tre nướng trui tại chỗ. Chẳng biết ngon, thơm thế nào, chỉ biết chẳng bỏ công và không vui, vì chẳng thấy trống chiêng âm ỉ, cờ xí rợp trời như hội hè đình đám ở quê ta.

Mà thật, nông dân ngồi nướng cá trui bên cạnh xe hơi của mình thì hết mất cả thi vị đồng quê cổ truyền, có khác chi cảnh hát quan họ trên thuyền gán máy đuôi tôm, hay cảnh người da đỏ đóng bộ nhảy lửa trại! Vì thế, “lễ hội” này không giữ được chân người khách phương xa lâu lắm.

Hai

Người Việt sống ở xứ người, dù có thay đổi y phục bên ngoài cũng rất dễ nhận biết. Chỉ cần để ý đến cung cách họ gạt tàn thuốc, vòng vàng quanh cổ, đồng hồ trang điểm (kể cả đàn ông) ở tay, tụ nhóm vào một góc nào đó trong bữa tiệc chung để được nói tiếng Việt thoải mái và nhất là mối quan tâm của họ qua các câu hỏi.

Những người hay quan sát như tôi vẫn thường đồng ý với nhau là trong số các nhóm kiều bào định cư ở những nước lân cận với ta, người Việt ở Thái có một mức sống và thành đạt vượt xa hẳn đồng hương ở Lào và Campuchia. Nói cho cùng, mục đích tối hậu của những chuyến vượt biên của giữa thế kỷ trước trước tiên là để “đổi đời”, vượt qua những khốn khó truyền kiếp ở những vùng đói nghèo và cần cỗi nhất ở cực Trung và Bắc bộ. Vì thế đối với số đông, sự thành công do nỗ lực thích ứng và làm ăn của họ phải được phô trương cho mọi người thấy và thừa nhận là điều hiển nhiên.

Chỉ có khoảng 4.000 kiều bào người Việt ở Ubon, nhưng sự hiện diện của họ trong sinh hoạt của thành phố ngụ cư thật rõ ràng. Họ làm đủ mọi công việc (trừ những chức vụ chính trị, không như người gốc Hoa) từ sản xuất giò chả, chụp ảnh, buôn xe gắn máy, phân phối vật liệu xây dựng, may mặc, bỏ mối rau, sửa chữa xe hơi và máy móc điện tử, nhà hàng... Thi thoảng họ mới gặp nhau trong các lễ lạc, nhưng ai cũng áo lụa lượt là, vòng vàng sáng chói và chỉ trong một vài phút những chuyện “đầu làng cuối xóm” đã rôm rả, thắm thì ở khắp mọi bàn. Chuyện của cá nhân nào, gia đình nào, cửa hàng nào cũng được lược qua. Tôi được xếp cạnh hai người đàn bà ở tuổi trung niên, có những cái tên rất Việt là Ngọc Anh và Kim Nhung, kèm hai bên là hai cô “con gái rợu”. Một bà nghiêng đầu duyên dáng hỏi với một giọng miền Trung phổ cập ở vùng Đông Bắc Thái: “Thầy dạy ở Bangkok chắc lương cao lắm hả?” Dĩ nhiên là câu trả lời né tránh của tôi không làm bà hài lòng. Bà tiếp: “Vậy thầy để dành được bao nhiêu? Nhà thầy có to không?” Bà sốt ruột khi tôi đánh trống lảng: “Ông nhà bác ngồi ở đâu?” “Ông đầu trọc ngồi ở cuối bàn bên kia kia. Tôi lấy ông hai chục năm, để được con ni nì”. Cả hai cô gái của bà cười hiền từ, không nói được tiếng Việt và không còn có những tên Việt hay ho như các bà mẹ của thế hệ đương thời. Người chồng “đầu trọc” trung thành của bà (cổ và tay

đeo những vòng vàng nặng hàng ký lô) sau đó lên sân khấu, hát tặng tôi và đồng hương bài hát có câu: “Xuân này con không về, chắc mẹ... buồn lắm!”, khiến tôi ứa nước mắt dù chỉ vừa ở quê sang.

Bữa tiệc hội ngộ diễn ra như thế, như hàng trăm bữa tiệc thường tình khác, nhưng hương vị đậm thắm đã được san sẻ, chan hòa trong những thân thể cùng chung một dòng máu truyền thống. Thế đấy, họ gặp nhau trong những bộ quần áo, nữ trang phô trương, bàn đủ chuyện xấu tốt của nhau, không chừa một chi tiết dưới những con mắt gièm pha, tị hiềm của bất cứ một làng quê nào ở Việt Nam, nhưng lòng thành tâm và gắn bó với cộng đồng và quê hương thì vô hạn và chan hòa. Một trận bão lụt ở quê nhà đã đủ làm họ xôn xao quyên góp, lo lắng hỏi han khi nghe một tin đồng hương cao niên trở bệnh, nhiệt tình đón tiếp khi một đồng hương không quen biết tình cờ ghé qua, và cũng rộn ràng đón xuân với đầy đủ thủ tục rườm rà “bánh chưng xanh, hũ dưa muối” nơi xứ người. “Trái tim quê hương” quả thật đã vượt lên tất cả vật chất phô trương tầm thường, chẳng ai còn lưu tâm sau vài phút tương ngộ... Mà ai còn trách điều chi được khi người đàn bà khả ái ngồi bên cạnh tôi đã đăng đàn kể lể giùm tôi “Huế của ta ơi”, khi biết tôi sinh ra từ đất thần kinh. Để đáp lời cảm ơn của tôi, bà mời cả “phái đoàn” đến quán bà sáng hôm sau để ăn món điểm tâm “bánh mì Huế”!

Có lẽ một trong những yếu tố giúp kiều bào ta thành công ở Thái là “giữ cái lòng Việt trong cái vỏ Thái”. Đúng ra đó là một phương pháp để có thể sống còn trong khoảng thời gian mối liên hệ giao hảo giữa hai nước không được mặn nồng cho lắm. Bà Ngọc Anh, chủ tiệm ăn sáng, bộc lộ điều tế nhị của giai đoạn “ẩn mình” đó hết sức ví von: “Tụi em yêu nước, nhưng phải cất giấu trong tim”. Không ai nghi ngờ gì tấm lòng bao la của bà, chỉ tiếc là bà đã chỉ nhằm vào phía bên kia của trái tim!

Từ ngoài nhìn vào, khách khó lòng biết đây là một quán ăn các món điểm tâm Việt, do một người Việt cai quản. Tất cả đều mang vẻ bề ngoài của Thái. Từ tên của quán, trang phục của bà chủ, cách bài trí, cả những miếng cá dùng làm vật liệu chế biến cho các món cháo

đặc biệt của nhà hàng cũng lấy từ con sông (Moon) chảy qua thành phố Ubon, nhưng tất cả chỉ để bao quanh một cái “lõi Việt”. Một khi khách đã bước vào quán, mở đầu bằng vài câu thăm hỏi thường tình bằng tiếng Việt, tô cháo cá và những chiếc bánh mì kẹp chả kiểu Huế đã được dọn ra, thì cái “lõi Việt” đó như đã được tháo gỡ hết các lớp vỏ bên ngoài, lồ lộ một cái gì chọt cựa mình, động đậy như một quả tim thấp thỏm, xôn xao, chỉ trong các cuộc gặp gỡ giữa đồng hương mới cảm nhận được. Tô cháo cá nóng nồng mùi hành cắt nhỏ thơm phức và chiếc bánh mì nhỏ bằng hai ngón tay có chiều dài cỡ một chiếc bánh *choux à la crème*, không thể tìm đâu ra ở bất cứ nơi nào trên xứ Thái, là một “hoài niệm” của ông nội người chủ quán mang theo từ Việt Nam đã qua hơn hai thế hệ. Loại bánh kẹp chả đó chỉ được sản xuất và bán ở một tỉnh miền Trung, đã theo những chuyến bay đầu tiên Bangkok - Ubon - Đà Nẵng, một tuần ba lần của hãng Hàng không Thái về đây, nhằm thỏa mãn khẩu vị đặc biệt của những kiều bào vùng “quê hương tôi nghèo lắm ơi. Mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn...”. Lòng khao khát, thương nhớ quê hương đôi lúc được biểu lộ thâm trầm đến kỳ diệu.

Hậu quả của bữa điểm tâm “vui lòng khách đến, dùng dằng khách đi” là chúng tôi đã đến trạm gác biên giới dẫn lên ngôi đền Khao Phra Wiharn (tên Khmer là Preah Vihear) lúc mặt trời đã lên tới đỉnh đầu. Sắp xếp đi cùng với chúng tôi là cựu trưởng đồn biên phòng người Thái, cùng vợ ông ta và một thông dịch viên người Thái. Ông mặc đồ trận màu đen, dùng gậy chỉ lên đỉnh đền hun hút những bậc thềm dọc hai bờ đá chạm trở hình dáng rắn hổ mang hóa thần, giải thích rằng người “Khmer cổ” khi xây ngôi đền này 1.000 năm trước đây đã tin tưởng rằng khi vượt qua khoảng chiều cao dựng đứng đó, con người có thể đạt đến cõi niết bàn! Hẳn là ngôi đền phải rất đẹp và hùng vĩ trong những thế kỷ trước đây và chắc chắn không ít khách hành hương thuộc nhiều thế hệ đã vượt qua cái chiều cao thách đố đó để có thể chạm đỉnh trời, nhưng đối với một khách viếng cảnh tình cò như tôi, ngôi đền đã không gợi một sự thôi thúc khám phá hay chiêm ngưỡng nào. Sự vĩ đại của ngôi đền (mặc dù chỉ bằng một phần trăm mức đồ sộ của Angkor Wat) hiển hiện đến nỗi không một ai có thể đành tâm ngắm nghía, dạo chơi hay trầm trồ khi nghĩ đến khối lượng vật liệu và công sức vô tiền khoáng hậu mà

người xưa đã bỏ ra để xếp vô số những tảng đá khổng lồ chồng lên nhau, theo một cấu trúc và kỹ thuật xây dựng kỳ bí mà đến nay vẫn chưa ai có thể giải mã được. Tất cả những điều như “phép lạ đó” đã xảy ra phần lớn là do bàn tay trần của con người (phần lớn là nô lệ) trên một mảnh đất nghèo đói và ít tài nguyên thiên nhiên nhất từ xưa đến nay. Điều quan trọng nhất là ngôi đền đã được xây trên một địa điểm mà ranh giới không được phân định rõ rệt sau khi đế quốc tạo ra nó không tồn tại nữa, khiến nó phải lâm vào cuộc tranh chấp đổ máu triền miên giữa hai dân tộc láng giềng, và cuối cùng phải chịu số phận điêu tàn như chính chủ nhân tạo ra mình hàng chục thế kỷ trước.

Tôi đã “vượt” qua con suối nhỏ phân định ranh giới giữa Thái Lan và Campuchia, giờ này khô queo như một con rắn nằm quăn queo trên một mảnh đất cháy sém, đếm đủ 700 bậc đá dẫn lên “cổng trời” cao dốc đứng 200 mét, và từ đỉnh cao nhìn xuống vùng đồi trải dài bao quanh, một đôi nơi toả khói từ những đám cháy nhỏ, không ngăn được cảm giác vừa đau xót vừa bùi ngùi dấy lên trong lòng. Vạn vật đều như mỗi một, ngán ngảm và cam chịu như những tảng đá ngàn năm tro gan dưới nắng mưa và bom đạn phũ phàng.

Con người thường có một tâm trạng xôn xao kỳ lạ, nửa hiếu kỳ, nửa hốt hoảng như vừa mất mát khi đứng trước đường ranh biên giới giữa các quốc gia. Một con sông, một rặng núi ở phía xa, một bờ biển, vài cột mốc rất bình thường kéo một lần ranh vô hình, ngăn cách hai vùng đất và con người với nhau. Từ biên giới Thái và Campuchia ở phía Nam, đi ngược lên phía Bắc, dọc theo con sông Mekong chừng vài chục cây số đã đến ranh giới phân chia hai địa phận vốn cùng chia chung một lịch sử vàng son trong thế kỷ trước. Cũng như trường hợp éo le của ngôi đền Preah Vihear, đã được Tòa án quốc tế La Haye phán quyết vào năm 1967 thừa nhận chủ quyền thuộc Campuchia, nhưng con đường độc đạo dẫn lên đền lại nằm trên lãnh thổ của Thái ở vùng giao lưu giữa ba biên giới này, tỉnh Champachak của Lào vượt hẳn qua bên hữu ngạn của sông Mekong, cùng một phía của tỉnh Ubon của vương quốc Thái. Sự phân định thiếu rõ ràng đã là nguyên nhân của nhiều thảm kịch, gần đây nhất là cuộc xung đột quân sự phi lý giữa hai nước Thái - Lào

vào cuối những năm 80. Thế nhưng những đám mây nghi ngờ nặng nề lịch sử đó đã được xóa tan đi và những dãy chợ biên giới đã được dựng lên trên các bãi chiến trường cũ. Hàng hóa đã thay thế bom đạn và những chiếc váy thổ cẩm màu sắc tươi mắt của các cô gái Lào và Thái (ngôn ngữ được dùng cho cả hai bên bờ sông là tiếng Lào) đã đẩy lùi những bộ đồ rằn ri trện mạc vào dĩ vãng.

Vào lúc 5 giờ chiều, hoạt động thương mại ở khu chợ biên giới thu hẹp vào một vài cái quán nhỏ xây dựng sơ sài, nhưng hàng hóa thì đủ chủng loại, từ những gốc lan rừng đến những loại đồ dùng bằng mây tre, hay hàng lụa, đồ gia dụng bằng nhựa, rượu chè, thuốc lá. Ở đây người ta có thể tìm thấy lẻ tẻ một vài mặt hàng Việt Nam: thuốc lá Hạ Long, rượu tắc kè sản xuất ở Gò Vấp, rượu nếp Gò Dầu... Khách phương xa tự dưng cảm thấy vừa tự hào vừa tự lự, như tìm thấy một đứa con rơi lạc lõng, giữa một rừng đầy sản phẩm đa dạng của người. Nói cho cùng, từ bao nhiêu thế hệ đã qua, “con người Việt” đã vượt qua sông Mekong, đặt những bàn chân vững chãi lên phần đất bên này, nối liền ba vùng biên giới, nhưng thật sự “hàng hóa Việt” vẫn chưa theo kịp dấu chân người.

Vào khoảng 6.13' chiều, cảnh hoàng hôn tuyệt đẹp bắt đầu tạo hình trên sông Mekong. Trong một vài phút ngắn ngủi cuối cùng của ngày, mặt trời bỗng chìm sâu xuống dưới nước, như có một bàn tay nhấn xuống vệt vàng, rồi một làn sương mỏng như khói nhạt dấy lên từ lòng sông, làm nhòa đi chút ánh sáng vẫn vương còn sót lại ở cuối chân trời. Cái cột mốc phân định lằn ranh giữa một bên là Vang Tao (của Champachak, thuộc Lào) và Chongrek (của Ubon, thuộc Thái Lan) như cũng mờ nhạt đi trong sự giao thoa êm ả của đất trời và sông nước. Nghe đâu đó từ dưới sông vọng lên một tiếng sáo đìu hiu. Vài ngọn đèn đã được thắp lên từ những con thuyền neo dọc theo sông.

Đêm xuống bình yên và trầm lặng như không có dấu tích gì của một vùng biên giới!

6-2001

Bao giờ bắt kịp Thái Lan?

V

ào tháng tư năm rồi, trong thời gian chờ chiếu khán nhập nội vào Việt Nam ở Viện Công nghệ châu Á (AIT), Bangkok, tôi đã có dịp hiểu thêm về Thái Lan, một quốc gia mà nhiều người thường đề cập đến trong các cuộc nói chuyện công hay tư, khi bàn về một mô hình phát triển cho Việt Nam.

Một điều đã khiến tôi vừa thích thú vừa gọi sự hiếu kỳ, là không ít người quả quyết rằng việc nước ta bắt kịp Thái Lan không phải là một điều khó. Lập luận thường được nêu ra như sau: Thái Lan trước kia còn chậm tiến hơn ta, đó là chưa kể đến các đức tính đặc thù, tội hãn của tầng lớp lao động Việt Nam. Trong hào khí sôi nổi của niềm ước nguyện chung cho dân tộc (tôi cũng chia sớt ngọn lửa đó), nhiều người đã “say” với viễn cảnh là không bao lâu nữa, Việt Nam sẽ thay thế Thái Lan làm cửa ngõ (gateway) mở ra Thái Bình Dương, một vùng năng động, đầy cơ may cho cả thế giới trong tương lai. Dĩ nhiên, có nhiều lý do khách quan và chủ quan dẫn đến sự tin tưởng lạc quan như thế, nhất là dựa vào mức tăng trưởng kinh tế đều đặn trong mấy năm qua và vị trí chiến lược đặc biệt thuận lợi của Việt Nam trong toàn cảnh.

Vì thế, nhiều người đã rất bực mình khi tôi nêu dự kiến cá nhân là chúng ta còn cần một thời gian khá dài (có thể ít nhất là 10 năm trong vài lĩnh vực) để bắt kịp Thái Lan. Để tránh hiểu lầm (nhất là tự ái dân tộc), xin nêu ra một vài luận cứ ngõ hầu có thể rút ra vài kết luận cụ thể và hữu ích.

1. Trong khi quan lại triều Nguyễn còn mơ ngủ trong bóng tối của chính sách “bế môn tỏa cảng” giữa vòng Thành Nội Huế thì Thái Lan đã tiến khá xa với phong trào canh tân của vua Chulalongkorn, nhất là về mặt giao thông, hành chính, giáo dục và chế độ quân chủ đại nghị theo mô hình châu Âu.

2. Trong quá trình lịch sử cận đại, với chính sách ngoại giao “gió thổi chiều nào ngã theo chiều ấy”, Thái Lan là nước duy nhất trong vùng không phải chịu số phận đô hộ của bất kỳ một cường quốc hay đế quốc nào.

3. Trong khi Việt Nam hầu như kiệt quệ về vật chất và nhân sự trong hai cuộc kháng chiến liên tục, Thái Lan đã khởi đầu giai đoạn phát triển kinh tế của một hậu phương sống trong hòa bình với viện trợ ồ ạt của Mỹ.

Với một hoàn cảnh và một căn bản xuất phát thuận lợi như vậy, việc Thái Lan phát triển hơn Việt Nam trước và sau 1975 là điều gần như hiển nhiên.

Thật vậy, lần đầu tiên tôi được tiếp cận với Thái Lan là vào giữa năm 1974, thủ đô Bangkok đã vượt xa Sài Gòn cả một thập kỷ về nhiều phương diện và trình độ. Chẳng hạn phi trường quốc tế Dong Muang có thể thua sút Tân Sơn Nhất về tổng số phi vụ lên xuống hàng ngày (phần lớn cho mục đích quân sự), nhưng vượt hẳn về cấu trúc, phương tiện và cung cách phục vụ. Mặt khác, vào thời điểm đó, nông thôn Thái Lan cũng tiến bộ hơn về mức sản xuất và đời sống, kết quả của sự can thiệp và chỉ đạo trực tiếp của quốc vương đương nhiệm Phumiphol.

Gần 20 năm sau, được quan sát xã hội Thái Lan từ nhiều góc độ một cách cận kề hơn, tôi càng “khổ tâm” vì cái khoảng cách biệt tiền định đó thật khó lòng thu hẹp, nếu không có một điều gì “nhiệm màu” xảy ra.

Để có một cái nhìn toàn bộ và khách quan hơn, tôi đã cùng một vài sinh viên đồng hương đang theo học ở AIT (một cơ sở giáo dục sau đại học có tầm vóc quốc tế, cách Bangkok 42 cây số) thực hiện một chuyến đi thực tế trong ngày, thử dùng tất cả các phương tiện giao thông công cộng hiện có quanh và trong thủ đô Bangkok. Thì cũng xe khách đường dài đưa chúng tôi đến bến xe ngoại thành, xe lôi tuk tuk, xe buýt di chuyển trong nội thành, rồi xe lửa đưa chúng tôi trở lại điểm tiếp giáp gần nhất với AIT, để chấm dứt bằng một chuyến “Honda ôm”... nhưng nhất nhất đều vượt hẳn ta một đoạn

đường khá dài. Nếu quan sát kỹ một chút ta sẽ thấy sau cái dáng bề ngoài “hao hao” Việt Nam ấy, mọi sự đều được tổ chức và điều hành ngăn nắp hơn và số đông có vẻ như sẵn sàng tự nguyện tuân thủ trật tự công cộng. Chẳng hạn ngay cả trên xe khách ngoại thành, tài xế và nhân viên bán và kiểm vé đều mặc đồng phục, không có cảnh “cò” xe hùng hổ ở bến hay “lơ” xe đù người trên thành cửa, la hét nạt khách bộ hành trên đường. Người Thái bình thản xếp hàng ở các trạm xe buýt, xe lửa và các quầy phục vụ nơi công cộng, không ai chen lấn, hoạnh hợ ai. Ngay cả chuyện “Honda ôm” cũng đáng cho chúng ta suy ngẫm: tất cả người hành nghề này (trong hay ngoài thành phố) đều đội mũ bảo hộ và mặc áo có đeo mã số để đảm bảo an toàn cho khách và tiện cho việc theo dõi trật tự lưu thông. Người Thái cũng ít hút thuốc nơi công cộng và chỉ hút thuốc ở những nơi được cho phép rõ ràng.

Xét một cách khách quan, thời gian và thời cơ thuận lợi là những yếu tố đã giúp Thái Lan, qua nhiều triều đại và chính phủ, kiến tạo được một nền luật pháp, hành chính và giáo dục khá hoàn chỉnh, đặt nền móng cho sự phát triển của một xã hội tự tổ chức (self organized) khá ngăn nắp và hữu hiệu. Tuy nhiên, điều quan trọng không kém là Thái Lan có được một trình độ dân trí và tác phong công nghiệp khá cao, được thể hiện phổ biến trong cung cách cư xử, giao tiếp thường ngày ở nơi công cộng và làm ăn buôn bán. Nhờ vậy, Thái Lan là nơi hấp dẫn cho khách du lịch và đầu tư trong một thời gian dài, mặc dù ở vào một vị trí địa dư không mấy thuận tiện so với Việt Nam.

Dĩ nhiên, để hiểu tường tận bài học phát triển của nước láng giềng này, ta cần phải kể đến những mặt tiêu cực đã phát sinh và tích lũy trong quá trình phát triển của nó. Cái giá đắt nhất mà Thái Lan phải trả là sự gia tăng rất nhanh những căn bệnh trầm kha, vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của nhà cầm quyền, có khi đạt mức không còn cách gì chữa trị nổi, như: nạn tham nhũng trầm trọng, tranh chấp quyền lực và các vấn đề xã hội nan giải (nạn bỏ học ở cấp tiểu học, mại dâm trẻ em, ma túy, AIDS, ô nhiễm môi sinh...). Những suy thoái này hoàn toàn có tính cách phi kinh tế, nhưng lại là những

nguy cơ chính làm giảm hoặc làm đứng lại tiến độ tăng trưởng và phát triển của đất nước này.

Như vậy, thiết nghĩ không nên nóng lòng với câu hỏi: bao giờ thì ta bắt kịp Thái Lan, mà chỉ cần dừng đi vào những bước lầm lẫn của quốc gia láng giềng này. Thà chậm một chút còn hơn.

AIT, 1995

A-chang bám càng

C

ơn khủng hoảng tiền tệ, đến như một cơn giông đột ngột, đã khiến toàn bộ thân dân vương quốc Thái thất điên bát đảo. Vô số công trình xây dựng phải bỏ dở dang, nạn móc túi trở nên phổ biến ở nhiều nơi, buôn bán trên đường phố càng thêm tấp nập, chợ trời mở ra nhan nhản... Thản nhiên như dân Thái, thế mà một buổi sáng thức dậy, thấy cửa cải mình đã cung cúc dành dụm trong mấy chục năm bỗng dưng chỉ còn một nửa vì đồng *baht* trượt giá, cũng phải giậm chân, dấm ngực than trời.

Quả thật, cơn bão tiền tệ đã không tha một ai! Khi đồng *baht* đã chạm đáy, tôi đành phải tạm cắt bỏ chữ “sĩ” cố hữu, chấp nhận dạy một vài lớp phụ thêm ở bên ngoài để bù đắp vào những khoản mất mát bất thường. Trong số những hoạt động “ngoài luồng” này, lớp “chuẩn tiến sĩ” ở Học viện Quốc gia về Hành chính Phát triển (NIDA) đã cho tôi nhiều điều thú vị bất ngờ.

Ở Thái Lan, giáo chức đại học là một thành phần được kính trọng hàng đầu trong xã hội, sau hoàng gia và tăng lữ Phật giáo. Họ được gọi chung là “*thầy*” (*arjan*, *phát âm a-chang*). Sinh viên khi nhận đề thi hay khi gặp thầy đều chấp tay quá trán vái chào (*wai*) rất kính cẩn. Lớp học ở NIDA thường chỉ có khoảng mười sinh viên, bắt đầu vào sáu giờ chiều để mọi người có thể đến lớp sau giờ làm việc. Phần lớn họ là công chức đương nhiệm, sĩ quan quân đội, giảng viên đại học, hoặc doanh nhân độc lập, có định hướng và tham vọng rõ rệt đối với sự nghiệp tương lai của mình.

Thông thường, sau những giờ lý thuyết về môn giảng trong những tuần đầu, những lớp kế tiếp được tổ chức dưới dạng hội thảo chuyên đề để sinh viên làm quen với kỹ thuật khai triển đề tài và bảo vệ luận án tiến sĩ sau này. Những đề tài được chọn lựa phần lớn có liên quan đến công việc và quan tâm thiết thân của sinh viên. Một

công chức cấp cao của Bộ Tài chính chia sẻ kinh nghiệm về diễn trình thương lượng mỗi tam cá nguyệt với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ở Geneva mà chị là thành viên thường trực trong phái đoàn Thái. Một viên chức ngân hàng giải thích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sụp đổ dây chuyền của các định chế tài chính trong cuộc khủng hoảng tiền tệ vừa qua. Một giảng viên đại học trình bày giải pháp của mình nhằm giải quyết vấn nạn rác thải ở thủ đô Bangkok. Nhưng lý thú và sôi nổi nhất vẫn là những cuộc tranh luận bên lề trong giờ giải lao. Một sinh viên, vốn là dân biểu quốc hội đương nhiệm thuộc đảng cầm quyền, vô tình đã trở thành trung tâm tiếp nhận những phê phán và qui trách cho tất cả những tai ương mà cả nước Thái đang phải đương đầu. Họ tranh cãi rất sôi nổi, ít khi khoan nhượng, nhưng sau đó ai cũng đều cười xuề xòa khi trở lại lớp. Mọi người đều chấp nhận vai trò “phát ngôn viên chính phủ” của vị dân-biểu-kiêm-học-viên đồng khóa, nhưng chẳng ai ủng hộ lập trường của ông ta. Họ chống đối, chế giễu ông, nhưng tuyệt nhiên không khinh rẻ và phân cách ông. Một tháng sau, chính phủ đương nhiệm sụp đổ, ông “dân biểu sinh viên” trở thành “dân biểu đối lập” nói năng trở nên phóng khoáng và lập luận có vẻ vững vàng hơn. Bạn đồng khóa chẳng ai nhắc lại chuyện cũ. Ông nói với tôi: “Thầy đã khuyên thật chí lý. Ở vai trò đối lập tôi mới thấy rõ được nhiều điều. Chống đối thì quá dễ, nắm quyền mới là khó!” Tôi chỉ mỉm cười. Với một lớp học đa dạng và sôi động như thế, tôi mới chính là người học được nhiều điều nhất!

Ở khóa thứ hai, tôi còn học được thêm nhiều hơn nữa về xã hội và văn hóa đương thời của vương quốc Thái. Một ông tướng-ba-sao, khi được hỏi lý do tham dự lớp học, đã trả lời rất đơn giản là ở cương vị một Giám đốc Học viện Cao đẳng Quốc phòng, nhân viên thuộc quyền nhiều người học vấn uyên thâm, kiến thức cao rộng hơn ông, nên ông đành phải “trở lại lớp” để trau dồi thêm kiến thức. Ông nói với một giọng thành khẩn, rất tự nhiên, khiến tôi bàng hoàng khi so sánh với chân dung các tướng lãnh được biết khác. Một hôm trong giờ giải lao, nhân tình cờ bàn đến hình thức cúng kiếng ở Á châu, tôi đã kể chuyện các sơn tràng ở Việt Nam thường phải xuyên rừng, “ngậm ngải tìm trầm” khổ ải như thế nào. Ông tướng nghe chăm chú, nhưng im lặng không nói gì. Vài tuần sau,

ông gọi điện thoại báo cho tôi biết, qua một bạn đồng khóa là tư lệnh một quân khu ở vùng Đông Nam Thái Lan, đã nhờ nhân viên thủy lâm địa phương tìm ra cây “gỗ trầm hương” tôi đã mô tả hôm nọ. Giọng ông sôi nổi qua điện thoại: “Nếu nhân giống thành công, các sơn tràng đồng hương của thầy không cần phải cắt rừng, khổ nhọc tìm kiếm món trầm hương đó nữa”. Ông mời tôi đến nhà chơi để tận mắt nhận dạng cây trầm. Trong thời gian chờ đợi, chính ông sẽ chăm bón cây để tôi mang về Việt Nam giúp họ nhân giống, nuôi cây, khai thác “trầm vườn”, cho đời bớt khổ.

Một cuối tuần tôi đến thăm như đã hẹn, ông tướng đưa tôi ra sau vườn nhà, chỉ những loài cây lạ ông vừa lấy về từ những cánh rừng già ở Thái Lan, cười đùa:

“Vừa là một cách thiện, vừa là cách hòa mình với hồn thiêng sông núi!”

Tôi cùng ông hồi hộp ngắm nhìn chậu cây “trầm hương” ẩn dưới bóng nắng, lòng dâng lên một nỗi cảm kích dạt dào. Ông thận trọng giải thích, dù là cây rừng nhưng vẫn còn non nớt, nên ông đã dặn người nhà che chắn cho cẩn thận trong những tuần đầu, để cây đủ mạnh có thể sống được sau này trên đất Việt Nam. Ôi, lòng thành của người đời thật mênh mông và tuyệt diệu. Làm sao tôi có thể nói cho ông biết được là cây “trầm hương” ông đã cất công tìm cho tôi, dù có cho mùi hương (một loại gỗ trầm), nhưng không phải là loại cây đó ôm cái “lõi trầm” hiếm hoi vô vàn mà các sơn tràng Việt ra công tìm kiếm trong những cánh rừng già bạt ngàn.

Vài tuần sau ông gọi lại, báo cho tôi biết là cây “trầm hương” đang chết dần vì ông đã quá nhiệt thành, bón phân quá liều lượng khiến cây nóng gốc, khô hết lá. Sợ tôi buồn lòng, ông cam đoan sẽ tìm ra một cây khác cho tôi. Cho đến nay, tôi vẫn còn nợ ông một tấm lòng!

Sau mỗi lớp học, một sinh viên nào đó thường hay cho tôi quá giang đến bến xe buýt ở cửa ngõ ra thành phố. Từ đó, tôi sẽ lấy chuyến xe đêm về *campus* của trường, nằm cách trung tâm Bangkok hơn 40 cây số. Lộ trình này kéo dài hơn một giờ và xe thường đầy hành

khách, vì đó là giờ khởi đầu ca đêm của nhiều hãng, xưởng quanh vùng ngoại ô. Tôi chọn phương tiện chuyên chở công cộng này dĩ nhiên không phải vì giá rẻ, mà để được gần gũi, hòa chung vào một đám đông mà tôi cho là tiêu biểu và đáng yêu nhất của xã hội Thái. Họ là những công nhân trẻ và những học viên các khóa hàm thụ ban đêm, thường bước lên xe với một nhận thức rõ ràng về thân phận và vị trí của mình trong xã hội. Cách đứng và ngồi của họ toát ra một sự giản dị, không vội vàng, không đua chen. Người ngồi thường tự nguyện giữ túi xách hay cặp sách cho người đứng, dù không quen biết nhau. Hầu như không có ai có ý nhanh chân chiếm một chỗ ngồi trống, mà thường nhường cho nhau. Tôi có cảm tưởng là mọi người cùng thỏa thuận về một cách ứng xử nhẹ nhàng nhất để chuyến xe đêm được thoải mái và thân ái nhất. Nói cho vắn vể, đó cũng là một cách thien vào cuối một ngày, để có cái tâm thoáng đạt mà tiếp tục chuỗi cần lao dài trước mặt trong những ngày sắp tới.

Ở ngã ba chia đôi hai tỉnh giáp ranh, tôi rời xe buýt, sang qua xe *xông theo*^[1] để kết thúc lộ trình dẫn về nhà. Vào khoảng 10 giờ rưỡi đêm, xe lô loại này đậu dài dọc theo bến xe liên tỉnh đi Đông Bắc Thái, chờ đón khách về muộn trên các quãng đường ngắn. Việc chờ khách rất tùy tiện và giản dị, khi nào đủ khách thì đi. Tài xế đứng tán gẫu đâu đó như khách nhàn du, làm như e ngại lời chào mời của mình sẽ làm tan vỡ màn đêm yên tĩnh. Bao giờ tôi cũng chờ người khách cuối cùng an vị trên ghế, rồi đưa hai tay bám lên trần xe, đu người đặt hai chân lên chiếc bửng bên dưới, nhún thử để đo lường mức an toàn, xong rồi thì an tâm phóng một cái nhìn hài lòng vào lòng xe. Lần nào cũng vậy, một cánh tay nào đó sẽ đưa ra tự nguyện nhận cái cặp đựng đầy tài liệu “giáo trình/giáo án” đeo toong teng trên cánh tay phải của tôi.

Xe bắt đầu chạy và tăng dần tốc độ. Hai tay vẫn bám vào càng xe giữa gió lùa lồng lộng, áo căng phồng như cách điều bực gió bốc lên cao. Trong một thoáng tôi nghĩ: “Nếu có một sinh viên nào đó thấy mình trong cảnh này thì sao nhỉ?”. Nhưng ngay tức khắc, tôi tự trả lời mình với một chút tự hào rất trẻ con: “Thì đã sao nào, *a chang* thì cũng phải sống cho ra sống chứ!”

Bỗng dưng tôi thấy mình như nhẹ hẫng đi. Bao nhiêu phiền muộn của đời thường dường như đã rơi rụng hết trên đường...

AIT, 6-1999

[1] Xe “xõng thẻo”: loại xe lôi bốn bánh có hai hàng ghế, lớn hơn xe tuk tuk và xe lôi ba bánh ở Việt Nam.

Cái lễ trong xã hội

N

ếu có một ai đó yêu cầu tôi kể về một điều kỳ diệu nhất của Thái Lan, chắc chắn tôi sẽ làm người ấy thất vọng.

Tôi sẽ không trầm trở về khu hoàng cung tráng lệ của vị vua đương quyền Bhumipol; về những ngôi chùa vàng, chùa bạc với những tượng Phật đứng, ngồi hay nằm đồ sộ; về những lâu đài, dinh thự nghỉ mát xa hoa của các vị vua đã quá vắng vẫn còn đầy những cổ vật nguyên vẹn và vô giá.

Tôi sẽ không bồi hồi trước cảnh hoang tàn của cố đô Ayuttaya, cho đến nay vẫn chưa được phục chế, chẳng phải vì tốn kém cho công quỹ quốc gia, mà để nhắc nhở dân Thái mới hận thua trận trước quân xâm lược Miến Điện hơn hai trăm năm trước.

Tôi sẽ không ngạc nhiên trước những con đường cao tốc “dưới đất, trên không” hiện đại, dọc ngang chằng chịt, phá hỏng gần hết không gian môi trường sinh thái mà vẫn không làm giảm được nạn tắc nghẽn lưu thông trầm trọng thường ngày của thủ đô Bangkok.

Tôi sẽ không nhắc lại nỗi ngao ngán của dân chúng Thái mỗi khi nhìn những cột bê tông khổng lồ của dự án tàu điện treo Hopewell dang dở, đứng trơ vơ giữa trời, dọc hai bên xa lộ dẫn vào thủ đô, như một chứng tích tàn dư của những nội các tham ô và vô trách nhiệm đối với việc công ích.

Tôi sẽ không tự hào đã từng lai vãng ở những siêu thị mênh mông, những khu thương mại cao ngút ngàn với hàng hà sa số chủng loại hàng hóa, người buôn kẻ bán ra vào nườm nượp.

Tôi cũng không hiếu kỳ, hứng khởi về những *shows* đêm kỳ bí ở khu Patpong, hay những màn diễn lý thú Alcazar và Tiffani của các diễn viên “lướt tính” ở Pattaya.

Tôi cũng sẽ không giật mình trước công nghệ tuyệt tác của chiếc cầu treo Rama IX qua sông Chao Praya, đã từng làm tôi bồi hồi khi nghĩ đến những chiếc cầu mong manh tội nghiệp ở quê nhà.

Không. Tất cả những điều “kỳ diệu” đó đã không hấp dẫn nổi một người đang mon men cửa thiền như tôi, ngoại trừ một điều tưởng như bình thường, nhỏ nhen nhưng đã ám ảnh tôi trong suốt sáu năm dạy học ở xứ Thái. Cho đến nay, mặc dù vẫn chưa tìm được một lời giải đáp thỏa đáng, tôi vẫn xem đó là điều đã làm cho tôi ngạc nhiên nhất về Thái Lan.

Trong những buổi sáng cuối tuần nhàn hạ, ngồi nhâm nhi cà phê dưới gốc một cây phượng, sau khi bàn đủ mọi chuyện “trên trời dưới biển”, tôi và các sinh viên đang học ở AIT thường đồng ý với nhau một điều là chúng tôi chưa từng được chứng kiến một cuộc cãi vã, tranh chấp hay đụng độ bằng bạo lực công khai trên đường phố xứ Thái bao giờ. Dĩ nhiên là những cảnh đời thường này có thể xảy ra ở một nơi hay một lúc nào đó, nhưng chắc chắn phải rất hiếm hoi, khác hẳn với hoạt cảnh đường phố hàng ngày ở quê ta.

Kể ra người Thái cũng thật lạ. Cũng sống dưới đủ thứ áp lực nặng nề từ môi trường công và tư cũng như mọi dân tộc trên thế giới, nhưng có điều khác là họ không mang những ức chế cá nhân đó trút lên đầu một ai trên đường phố. Chẳng phải người Thái nào cũng nhoẻn miệng cười trước bất cứ một anh, chị *phà-răng* (người nước ngoài) nào như vẫn được tuyên truyền là đặc trưng của “xứ sở của những nụ cười” (the smiling country), nhưng vẻ mặt của họ ít khi mang nét căng thẳng thường thấy như ta. Đám đông Thái ít hiếu động, sôi nổi, ồn ào hơn nhiều so với các dân tộc lân bang. Ở những khu chợ trời lăm khách du lịch vắng lai tuy vẫn có cảnh cò cưa người “nói thách tận mây xanh”, kẻ “kỳ kèo trả giá”, nhưng nói chung không ai tìm cách “đàn áp” ai. Họ ra giá 500 *baht*, mình trả chơi 100 *baht*, cũng không lấy thế làm phiền lòng, chạm sĩ diện hay nổi nóng đến độ phải níu kéo, hoặc nhảy xổ vào nhau như thường thấy trước đây ở các chợ Đồng Xuân, Đông Ba hay Bến Thành. Thường họ chỉ cười trả một cách hiền hòa; quá lắm thì cũng chỉ thêm một cái lắc đầu tỏ vẻ “chào thua”. Giản dị thế thôi!

Có người cho rằng đạo Phật có thể là một yếu tố góp phần tích cực vào diễn trình “thuần hóa” dân Thái. Năng tới lui thăm viếng chùa chiền, tụng niệm, trao đổi triết lý đời với sư sãi, chia sẻ miếng ăn thức uống cho người khát thực hoặc sống qua chế độ làm-công-quả-một-tháng ở chùa (chỉ còn trên căn bản tự nguyện) khiến cho người Thái bình thường trở nên hướng thượng, ít xung đột và hòa nhã hơn với đồng hương và đồng loại. Câu nói quen thuộc “*mai pen rai*” (không có chi) đã trở thành một nguyên tắc sống, giữ cho các mối liên hệ được tốt đẹp và bền vững. Chan hòa như thế nên không ai thấy nhục nhã, thua kém khi phải nhường nhịn kiểu “chín bỏ làm mười”, “một sự nhịn, chín sự lành”, “tránh voi chẳng xấu mặt nào”... như ta. Học đi đôi với hành là vậy!

Người Thái gặp nhau thì hay vái chào, không bắt tay như ta. Cách chào gọi chung là “wai” của Thái cũng na ná như lối vái chào cổ truyền của ta, hiện vẫn còn thông dụng ở Lào, Campuchia và Ấn Độ qua nhiều hình thức cải biến khác nhau. *Wai* có nhiều cấp bậc. Gặp người ngang hàng thì chỉ cần chắp hai tay vào nhau để trước ngực, miệng nói “Sawadee, krap hay kaa” (Bạn có mạnh giỏi không?). Nếu gặp các huynh trưởng hay khách trọng thì chắp tay vái ngang tầm mắt. Đối với các bậc trưởng thượng (như thầy giáo, sư sãi hay các nhân vật đáng tôn kính) thì tay vái nâng cao tới đỉnh đầu. Riêng đối với vua thì cả thủ tướng lẫn đại tướng đều phải vừa vái vừa lết theo thế ngồi trong những cuộc triều kiến. Tôi đã thấy nhiều đứa trẻ chắp tay vái cha mẹ trước khi ăn cơm. Còn cách gì tốt hơn thế để biểu lộ công ơn sinh dưỡng của các bậc sinh thành?

Lấy lễ mà đối xử với nhau và qui định mối liên hệ theo cấp bậc trên dưới chắc chắn phải là nền tảng điều hòa và duy trì xã hội Thái cho đến ngày nay.

Bangkok, 28/10/1998

Chiều cuối tuần

C

hiều cuối tuần buồn, ta cùng buồn lây ...

Hầu như cuối tuần nào tôi cũng đến ngồi ở cái quán lá ven khuôn viên của trường. Vào cuối thu, thiên nhiên như một khuôn mặt đầm thắm. Trời trong, gió dịu, nắng ngọt, cỏ êm, nước lặng, hoa thắm ... Lá me rụng rơi tả tả trên bàn như ai rải cốm. Giờ qua đi, tôi cứ để mặc cho hồn bay bổng theo những đám mây lang thang mãi tít trên cao.

Người Thái “hiện đại” vẫn còn chuộng cơm nếp nấu trong ống nứa và gà ướp nướng kẹp giữa những thẻ tre trên lửa than như người dân tộc Thái “cổ truyền” ở vùng trung du miền bắc nước ta. Thức ăn trưa của quán lá không đến nỗi rườm rà như thế, nhưng cái mùi hỗn hợp của đủ loại gia vị thấm đẫm vào những miếng thịt gà nướng đến tím sẫm, tỏa ra dưới sức nóng của bệ than hồng, mới thực sự hấp dẫn những người xa quê như tôi. Nó không đi đâu xa, vì gió cuối thu vừa đủ rung rinh những cành lá, chỉ bay la đà ở mức tiếp cận với khứu giác của con người, rồi quanh quẩn như làm bạn với cỏ cây trong một khoảng không gian rất nhỏ quanh quán. Phải lại gần, hít cho ngập đầy một buồng phổi mùi thơm nồng nàn “quê hương” đó, rồi nhẩn nha lựa một miếng gà nướng vừa cỡ, bọc ngoài một lớp da vàng rộm thơm mỡ vàng, mang ra dưới tán cây me rợp bóng, cứ thế mà nhai nhồm nhoàm như người thượng cổ. Ngon như thế thì hãy cứ tạm quên đi “con ngáo ộp” *cholesterol* cái đã!

Nhưng nếu chỉ như thế thì tôi đã có những cuối tuần thật đẹp. Tôi cũng sẽ chẳng quan tâm làm gì về chuyện cái quán mới đây đã được tân trang, mái tranh sài đã được thay bằng những tấm tôn tươm tất. Cơm nếp và những “tệp” gà béo ngậy vẫn tiếp tục tỏa mùi thơm quyến rũ, có vẻ như bay tỏa ra xa hơn chu vi thường lệ, nhưng tôi không còn hứng thú nữa. Chiếc ghế và vòm cây me xanh

nơi tôi vẫn hay đến ngồi vào mỗi cuối tuần hầu như không còn là của tôi. Cả vùng thiên nhiên bao quanh cũng không nốt.

Quán tuy khiêm nhường như thế nhưng lại ngang nhiên nằm giữa một sân gôn 18 lỗ rất bề thế. Sau mùa mưa, nó là nơi tập trung “giải trí cao cấp” của “tầng lớp đang lên” của vùng phụ cận Bangkok. Họ đến bằng những chiếc xe hơi “kính hồng khói” (để không nhìn thấy được bên trong xe), chân đi giày đinh đặc biệt, mỗi lần bước đi nghe rào rào như lũ sỏi đang rên xiết dưới chân. Thật lạ, thuộc “thành phần thượng lưu mới” mà trông họ cũng đen đúa và bình thường như những người “phu” khuôn gậy chơi gôn của họ.

Một “người-bạn-cuối-tuần” cho một nhận xét:

- Trông hào nhoáng và phù phiếm như thế, nhưng họ chưa gột hết cái gốc gác nông dân đâu nhé. Rồi anh sẽ thấy, đến trưa, họ cũng sẽ ghé quán, “làm” một đĩa cơm gà “cội nguồn” cho anh xem!

Của đáng tội, anh bạn trông lơ ngơ như thế mà sâu sắc ra phết!

Từ nơi tôi ngồi dưới tán cây, giữa thiên nhiên êm ả, tôi có thể nhìn thấy rõ ràng những thân người uốn cong, dồn sức bung cây cần đi nửa vòng qua tới vai để đưa quả cầu nhỏ đi đúng đường. Phần lớn họ làm động tác đó một cách chăm chú, bài bản và có hơi điệu dàng như thể đang thực hành một thủ tục nghi lễ nào đó. Họ đi từng nhóm hai, ba người, theo đúng một tuyến chỉ định. Đôi khi trong một buổi sáng, có người lặp đi lặp lại “cái vòng luẩn quẩn” đó vài ba lần. Nhìn họ lúc thì bươn bả như đi họp chợ, lúc thì thong thả như hươu viên đi tản bộ vào cuối ngày, tôi không cảm được sự lý thú của môn giải trí này. Ít ra, tôi cũng muốn chứng nghiệm điều đang được quảng cáo rầm rộ về môn chơi gôn như một phương thức tạo quan hệ hữu hiệu nhất và là phương thuốc trị liệu *stress* kỳ diệu nhất! Tôi không thấy khách chơi bông đùa, khiêu khích đối thủ bao giờ, chỉ thấy những chiếc bóng di chuyển thầm lặng, nhấp nhô sau những mô cỏ xanh và những đụn cát mỏng. Ngay cả những lúc đưa được quả cầu nhỏ vào chiếc lỗ cuối cùng, sự hài lòng của người chơi cũng không được biểu lộ một cách sôi nổi, nhiệt tình như các môn thể thao khác. Nó có vẻ như một món giải trí dành cho các nhà quý

tộc “ngày rộng tháng dài”, luôn luôn cố kiềm chế tình cảm của mình, kể cả những lúc khoái chí và hưng phấn nhất. Gọi đó là một môn giải trí bình yên nhất thì có thể đồng ý, nhưng ngàn lần không thể xem nó là một môn thể thao phổ cập, hấp dẫn đại chúng được.

Ở Thái, còn có một điều đặc biệt đáng nói về người chơi gôn. Nó chẳng có tính cách “quí tộc”, mà lại rất “bình dân” nữa là khác. Cái chất “nông nghiệp châu á” thể hiện rõ ràng trong cách ăn, cái mặc, trong phong thái di chuyển và trong cả cách chơi gôn. Nó như một người “học đòi làm sang” chưa đạt chuẩn, khiến cho nỗ lực tập tành của anh ta trở nên vô ích, có khi lố bịch. Có thể là vì tấm khăn lông quán quanh cổ dùng để lau mặt không được sạch sẽ cho lắm, hoặc vì chiếc áo không mấy phù hợp với môn chơi, hoặc cũng có thể vì cái mũ cao bồi rộng vành không cần thiết. Nhưng phải nói, điều làm gai mắt tôi nhất vẫn là cái cảnh người chơi thong dong cười cười nói nói với cái điện thoại di động cầm tay, bao quanh là một đội ngũ “phu” nhót nhót, mồ hôi nhễ nhại, kẻ trương dù che nắng, người oằn lưng dưới sức nặng của chiếc túi đựng đầy dụng cụ chơi gôn.

Cũng vẫn ông “bạn-cuối-tuần” nhìn theo cái cảnh chướng mắt ấy, thở dài với tôi:

- Ra đến chỗ chơi mà còn điện thoại thì ở nhà đi cho xong. Lại có kẻ hầu người hạ thế thì hết chỗ nói! Thật rờm đời!

Cứ theo dõi họ vài phút, chẳng hạn đến trước một thế đất mới, người chơi tạm ngừng cuộc điện đàm, đút chiếc máy vào túi quần sau, ra vẻ trầm tư trong một lát, rồi im lặng đưa tay ra. Một người “phu” mau mắn chọn cây gậy thích hợp đặt vào tay người chơi. Cuộc “đi dạo nhàn tản” lại tiếp tục ... Những người cầm dù che nắng, mang những chiếc túi nặng quá khổ đó, cứ lầm lì, bước theo chân những lượt khách chơi khác nhau hàng chục lần trong ngày, kiên trì như những con kiến bò quanh miệng chén. Đa số họ là phụ nữ rất trẻ. Có những đôi mắt trong và sắc sảo lộ ra sau lớp khăn che nắng phủ gần kín mặt. Họ không ăn cơm nếp và gà nướng ở cái quán tôi đang ngồi. Họ đã có phần cơm trong cặp lòng mang theo từ nhà, trong đó tôi thường thấy những quả cà muối, giống y như khẩu

phần của những người lao động chân tay bên nhà. Hình như họ không thuộc bất cứ thành phần nào quanh đây.

Những cuối tuần vừa qua, tôi không trở lại ăn trưa ở quán “không còn mái lá” đó nữa. Tôi vẫn không hiểu và chắc chắn không bao giờ hiểu được môn chơi gôn là cái gì. Mặc cho ai đó nói rằng nó có thể giúp tôi cải thiện mối liên hệ với nhiều người và giảm *stress*. Lần cuối cùng tôi ngồi ở đó, bất chợt thấy cảnh một người đàn bà lúp xúp chạy theo một khách chơi, lưng như gập xuống trong nắng gắt. Bỗng dưng miếng thịt gà béo ngậy trong miệng tôi trở nên đắng ngắt và cả tán lá me xanh biến thành một biển lửa khổng lồ đổ xuống, chụp lấy cả người tôi. Trong cơn choáng váng đột ngột đó, tôi thấy chính tôi trong vị trí của người đàn bà, rướn người chạy theo trương dù che nắng cho một khách chơi đang *xí-xa-xí-xô* với cái điện thoại di động cầm tay. Trong nắng gay gắt giữa trưa, trông tôi thật thê thảm.

Không ai biết tại sao tôi cúi kính với tất cả mọi người trong chiều hôm đó. Chẳng lẽ lại nói rằng, ở ngưỡng cửa bước vào kỷ nguyên mới, cái quang gánh truyền kiếp trên vai người đàn bà vẫn còn nặng quá lắm?

AIT, 1998

Văn minh công nghiệp

Đ

ồng hương đi du khảo hay du lịch ở Thái Lan chắc hẳn đã có những ấn tượng tốt đẹp về đất nước này. Xin chỉ liệt kê hai đặc tính căn bản của “nền văn minh công nghiệp” của nước bạn: tính tiêu chuẩn và tính tổ chức.

Hãy lấy một thí dụ đơn giản nhất. Bạn thử gọi một đĩa cơm gà từ một xe đẩy tầm thường trên đường hay ở một quầy “đặc sản” trong khu ăn uống (food court hoặc food market). Đĩa cơm gà dọn ra trước mặt bạn đều như nhau, khiến bạn có cảm giác là nó được “chế tạo” theo một tiêu chuẩn đồng nhất từ cùng chung một lò sản xuất mà ra. Đĩa cơm gà đó bao gồm: một khoanh cơm được nén theo hình cái chén úp ngược ở giữa, khoảng chừng 6 lát thịt gà có da thái mỏng được xếp trải đều lên trên, xung quanh phần “cốt lõi” là bốn lát dưa chuột dày màu trắng trong, hai miếng huyết luộc nhỏ hình vuông màu tím đỏ, điểm một vài cọng ngò xanh tươi mỏng. Bên cạnh đĩa cơm giản dị về “nội dung” nhưng được tô điểm đủ loại “màu sắc” đó là một chén canh nhỏ chắt ra từ nước luộc gà, thêm một vài miếng bí đao cho ngọt nước. Và cái giá thống nhất từ bắc chí nam cho đĩa cơm gà đó là 25 *baht* (khoảng 10.000 đồng tiền Việt), cho dù nó được dọn ra ở bất cứ một thành phố hiện đại, thị trấn xa xôi hay trung tâm du lịch tấp nập nào trên đất Thái.

Bạn tự hỏi: một đĩa cơm gà như thế thì có gì hấp dẫn và đáng để bạn lưu tâm? Vâng, nếu so sánh với những đĩa cơm gà trong một tiệm “Cơm gà Thượng Hải đặc biệt” ở nước ta thì có thể không “ngon” và không “sang” bằng như bạn có thể nghĩ. Nhưng điều đáng quan tâm là “sản phẩm” đó đã được “xã hội hóa” khiến mọi thành phần trong xã hội Thái, bất luận sang hèn, đều có thể thủ đắc bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào khi có nhu cầu. Nói theo ngôn ngữ quản lý doanh nghiệp thì “đĩa cơm gà” (và nhiều thí dụ khác nữa) ở Thái Lan đã được “tiêu chuẩn hóa” để có thể bảo đảm được chất lượng,

giá cả, vệ sinh an toàn thực phẩm và ổn định thị trường của sản phẩm một cách nhất quán qua thời gian và qua không gian.

Tính tiêu chuẩn hóa và cung ứng sản phẩm trên qui mô đại trà nhưng nhất quán đó là nền tảng căn bản giúp cho việc phát triển các hệ thống phân phối “nhượng quyền thương hiệu” (franchising) lớn của thế giới ở Thái Lan được thuận lợi và có hiệu quả. Ví dụ cụ thể nhất là các kênh “thực phẩm nhanh” (fast food) như McDonald, Burger King, KFC, Pizza Hut, Oishi, hoặc những quán cà phê siêu hạng như Black Canyon, Starbucks; hình thức hợp tác mà Cà phê Trung Nguyên có thể thực hiện được ở nhiều nước (Nhật Bản và Thái Lan), trong khi vẫn chưa an tâm lắm về khâu tiêu chuẩn hóa và bảo đảm chất lượng sản phẩm và uy tín nhãn hiệu của mình đối với các đối tác được nhượng quyền khai thác (franchisee) trong nước.

Cũng trong lĩnh vực ăn uống, người Thái đã tiến rất xa trong khả năng tổ chức và quản lý những địa điểm và trung tâm sinh hoạt công cộng có qui mô rất lớn. Ở tất cả các siêu thị, trung tâm mua sắm có tầm cỡ (chẳng hạn Ma Boon Krong, Future Park hay Xuan Lum Night Bazaar, đều có những khu ăn uống rộng rãi và đa dạng, được điều hành rất hiệu quả và phối hợp nhịp nhàng bởi một ban quản lý chung theo kiểu hợp tác xã và hệ thống ...tem phiếu (coupons)! Nếu quan sát kỹ một chút, thực khách sẽ thấy toàn bộ hệ thống cung cấp dịch vụ ăn uống phức tạp đó được “phân công, phân nhiệm” rất cụ thể và rõ ràng đến từng cá nhân phụ trách, từ nhân viên kiểm soát tổng quát, người bán tem phiếu ở quầy, đến người bếp, phụ bán món ăn và thu dọn vệ sinh bàn ghế... Các quầy đều được trưng bày gọn gàng và tươm tất, sàn nhà luôn luôn được giữ gìn và lau chùi sạch sẽ cấp thời. Tất cả đều chu toàn nhiệm vụ giao phó (dù nhỏ, dù lớn) một cách tận tâm và chuyên nghiệp. Không thấy cảnh tranh giành, lôi kéo và chào mời khách của các “cò” một cách bừa bãi, bát nháo như ta quen thấy ở nhiều nơi trong nước. Mô hình quản lý tập thể này cũng rất thành công và trở thành biểu trưng của “nếp văn minh công nghiệp” của những trung tâm sinh hoạt công cộng vừa thành lập ở các thành phố đang hiện đại hóa ở Trung Quốc (Wang Fu Jing ở Bắc Kinh và Nanjing Donglu ở Thượng Hải). Đáng tiếc là những “mô hình có tổ chức” đó vẫn chưa

thể “định hình” được ở Phố ẩm thực Cẩm Chi (Hà Nội) và các khu chợ ăn đêm ở Bến Thành và Đại thế giới (TP. Hồ Chí Minh), mặc dù trên một qui mô nhỏ hơn nhiều chục lần và kinh nghiệm quản lý hợp tác xã và điều hành theo tem phiếu thì chắc chắn là ta có thừa.

Nhân lúc bàn chuyện “đi một ngày đàng, học một sàng khôn” ở một nước láng giềng mà “trước đây còn kém xa ta” (sic) như nhiều người vẫn thường tin tưởng, anh bạn tôi lim dim cặp mắt, sau khi nhấm nháp mấy ngụm cà phê *filtre* nhỏ từng giọt đến sốt ruột, bảo tôi: “Tổ chức mà chặt chẽ và hoàn hảo quá thì sẽ làm mất đi nhiều thi vị của cuộc đời, bạn hiền ạ!”

Với nụ cười hồn nhiên, cái tăm xỉa răng vẫn còn trong miệng, điều thuốc ngậm hững hờ bên kia mép, anh đứng lên choàng vai tôi nhiệt tình đẩy ra phía cửa tiệm phở “gia truyền”, chân thản nhiên đạp trên sàn nhà nhóp nhép, vung vãi những miếng chanh đã bị vắt kiệt. Sau lưng chúng tôi, giấy chùi miệng bay tơi tả dưới sức gió vù vù thổi xuống từ chiếc quạt trần.

9-2003

Tính thực dụng

N

Người Thái được tiếng là rất thực dụng. Người khen, kẻ chê, tùy từng trường hợp. Nhưng cũng có nhiều điều cho ta suy ngẫm.

Năm 1998, Thái Lan đang cai tổ chức Á vận hội, giữa lúc nền kinh tế toàn châu Á đang lâm vào cơn khủng hoảng trầm trọng. Hàng loạt các công ty tài chính nội địa bị khánh kiệt vì không có khả năng chi trả, dẫn đến sự phá sản của nhiều công ty và nhà máy. Nạn thất nghiệp lan tràn, xã hội bắt đầu có dấu hiệu bất an. Nhưng chính tình hình tưởng như tuyệt vọng này đã tạo ra một cơ may “ngàn năm một thuở” cho xứ sở hiền hòa, nhưng rất thực dụng này. Những công trình xây dựng và nâng cấp hạ tầng cơ sở đồ sộ và hiện đại, chuẩn bị cho các cuộc thi đấu quốc tế đã cung cấp công ăn việc làm cho một số lượng nhân công đáng kể. Tất cả công trình trọng điểm đều thực hiện khẩn trương và đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của một Phó Thủ tướng. Kinh phí tài trợ dựa vào một khoản vay lớn từ nước ngoài. Á vận hội đã diễn ra thành công ngoài sự mong đợi của mọi người. Khách tham gia cuộc vui thể thao hài lòng đến từng chi tiết, chủ nhà thì hể hả với hiệu quả đầu tư cao.

Mà không hề hả sao được? Một con đường cao tốc trên không nối từ lòng thủ đô Bangkok đến gần cửa ngõ dẫn đến địa điểm của các cuộc tranh tài giữa các phái đoàn thể thao châu Á, được đưa vào sử dụng chỉ...vài tuần trước khi Á vận hội khai mạc, đã góp phần giải quyết thực sự nạn kẹt xe trầm kha ở thành phố chật cứng 9 triệu dân này. Trường Đại học tổng hợp Thammasat, sau mười năm phát triển cơ sở ra ngoài ô, đã thừa hưởng một cơ ngơi đồ sộ gồm một bệnh viện đa khoa hiện đại, một loạt các nhà và bãi thi đấu thể thao đa năng đúng tiêu chuẩn quốc tế, và một campus rộng hàng trăm mẫu đất với đường sá ngăn nắp, một mảng thiên nhiên xanh tươi hoa-lá-bốn-mùa, những cafeteria ngăn nắp và hợp vệ sinh, những cư xá cao tầng đầy đủ tiện nghi để giải quyết ổn thỏa nhu

cầu ăn, ở cho toàn thể sinh viên nội trú, giáo viên và cán bộ của trường, tổng cộng hàng chục ngàn người. Các tuyến xe buýt công cộng được tăng cường và thay mới để phục vụ khách viếng Á vận hội trước đây, nay vẫn tiếp tục hoạt động trên lộ trình này để đưa đón hành khách hàng ngày. Tuy nhiên, phải nói cái lời lớn nhất mà Thái Lan đã thu được từ Á vận hội 1998 này là những cơ hội học hỏi và thử nghiệm tiềm/khả năng của thể hệ đương thời trước ngưỡng cửa hội nhập quốc tế và những thách thức gay gắt mở ra trong thiên niên kỷ mới.

Cũng trong thời gian này, vị đương kim Thủ tướng Thái Lan, lúc đó còn là một Phó Thủ tướng trẻ và năng nổ, được giao trách nhiệm giải quyết nạn kẹt xe nan giải ở Bangkok. Vốn là một tiến sĩ về tội phạm học, cựu thiếu tướng cảnh sát hoàng gia, đứng đầu một doanh nghiệp thành công thuộc hàng tỉ phú và một nhà chính trị gia đang lên..., ông có đủ tự tin để hứa với quốc dân sẽ dứt điểm nạn kẹt xe trong vòng... một trăm ngày! Để thúc đẩy tiến độ thực hiện như đã hứa, ông tập trung tăng cường chốt cảnh sát thường trực ở khắp các giao lộ hay bị tắc nghẽn, đồng thời tăng phụ cấp “hiểm nguy” cho cảnh sát viên thi hành công vụ ngoài trời. Để bảo đảm sức khỏe, cảnh sát đứng đường phải đeo khẩu trang để giảm “rủi ro nghề nghiệp” (do hít thở bụi bặm), được rút ngắn thời gian làm việc trong ngày và buộc phải khám bệnh thường kỳ để phòng ngừa và ngăn chặn các bệnh đường hô hấp và phổi. Người ta được kể rằng thỉnh thoảng ông đã phải xuất tiền túi khá lớn (xin vợ) ra để thưởng thường các cảnh sát viên tạo được những thành tích khả quan, hoặc ông phải tạm bỏ chiếc xe hơi đắt tiền ở nhà, để đi xe buýt công cộng hay xe ôm đến văn phòng Phủ Thủ tướng, dưới ống kính của đài truyền hình!

Dĩ nhiên là ngài Phó Thủ tướng đầy sáng kiến và năng động đã không thể giải quyết được nạn kẹt xe hoàn toàn trong vòng hạn định đã hứa với quốc dân, nhưng đã không có nhiều người phê phán hay chê trách gì ông cho lắm. Suy cho cùng, chí ít ông cũng đã tạo những cơ sở động cần thiết trong một xã hội đang mê ngủ trong “cơn say mê cám dỗ vật chất”, để bớt nghĩ về mình mà nghĩ nhiều hơn về tương lai bền vững của một thành phố đang ngọt ngào vì

khói bụi và tắc nghẽn giao thông thường xuyên. Và cuối cùng thì Bangkok cũng đã được Liên hợp quốc trao giải thưởng là một trong những thành phố đã lập được những tiến bộ khả quan trong cố gắng cải thiện môi trường (xanh hơn và sạch hơn) trong năm 2000. Điều lý thú hơn nữa là ông đã trở thành Thủ tướng Thái Lan sau đó!

Tính thực dụng cố hữu của người Thái còn đi xa hơn, có khi đến độ khó tin theo cách nghĩ thông thường của người Việt ta. Chẳng hạn để giảm số tai nạn lưu thông đang có khuynh hướng gia tăng trên các trục lộ chính, chính phủ đương nhiệm đã đề nghị các trạm xăng thiết lập các dịch vụ mát-x để cánh lái xe đường dài không bị mệt mỏi và buồn ngủ, có thể lạng tay lái bất chợt. Đọc tin này, những người bạn mà tôi biết đã lý luận theo kiểu ta: sau một lượt dịch vụ xoa bóp, có thể là “tỉnh ngủ” thật đấy, nhưng có hết “mệt mỏi” để tiếp tục con đường thiên lý trước mặt hay không thì chẳng ai dám tin!

Gần đây, ngài Bộ trưởng Y tế lại nâng tính thực dụng Thái lên đến cao độ. Ông viện dẫn nhiều số liệu thống kê và đối chiếu với nhiều nguồn dữ liệu để kết luận là “vòng 1” của phụ nữ Thái ... có phần bé hơn mức trung bình trong khu vực! Nói là làm, ông đã cho thiết lập đồng loạt nhiều trung tâm tư vấn do ngân sách quốc gia tài trợ nhằm khuyến khích phụ nữ Thái năng tập thể dục và thay đổi khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày để gia tăng khổ ngực của thế hệ tương lai. Đọc tin này ai cũng cảm cảnh cho ông, nếu ở Việt Nam chắc hẳn ngài Bộ trưởng khả kính và nhiệt tình này đã nhận được vài cái nguyệt lá răm dài đến tận mây xanh: “...Ờ, cái ông này thật vớ vẩn, “vòng 1” của chị em chúng tôi bé hay lớn thì việc gì đến ông đã nào?”. Mấy ông bạn tinh ranh của tôi thì lại tò mò muốn biết sau khi “lên gân” công bố chiến dịch này trên các kênh thông tin đại chúng, ngài Bộ trưởng đã “đối phó” ra sao với chính “nội tướng” của mình? Mà báo chí Thái thì lại chẳng thấy đăng tin này. Ủng thật!

Cố tri tương ngộ

T

rong suốt thời gian làm việc ở Nam Kinh, lần nào sau buổi đi dạo tối, vợ chồng tôi cũng ghé mua khoai nướng của một cụ già trong khu ký túc xá của trường đại học thành phố. Dần dần, những buổi ghé thăm ông trở thành một thói quen không thể thiếu mỗi đêm và mối liên hệ giữa người bán và người mua cũng trở nên đằm thắm và gắn bó hơn, mặc dù ngôn ngữ bất đồng. Ông cụ lúc nào cũng chọn một góc vắng vẻ trong sân trường, khuất sau một thân cây, ngồi trầm ngâm như một triết nhân, cố tình tránh né mọi người, không màng thế sự. Ông thường mặc một bộ quần áo trấn thủ dày cộm, đen đúa, khiến cái bóng của chính ông như lẫn vào bóng đêm. Ông cụ lại ít khi mở lời, khiến có lúc tôi đã tưởng là ông bị khuyết tật.

Đó là một cụ già quê mùa, chân chất, tay chân thô ráp, cô độc trong tuổi già, có lẽ chỉ bán khoai cho vui thôi, như chúng tôi thường nghĩ, vì bao giờ những mảng khoai đã nướng cũng còn đầy ắp, bốc khói dưới lớp bố ủ phủ trên chiếc thùng phuy màu nâu đã tróc sơn. Cách nướng khoai phổ biến của vùng Giang Nam cũng rất đặc trưng. Những củ khoai nhỏ bằng hai lòng tay thường không dài hơn một gang tay, được xếp thành nhiều tầng theo hình vòng cung dọc theo mặt trong của một chiếc thùng phuy, phía trên được đậy kỹ bằng một lớp vải bố để giữ hơi nóng ổn định. Lửa được đốt từ một cửa nhỏ ở cạnh hông gần đáy thùng, đủ độ nóng để hâm chín phần trong của những củ khoai màu đỏ tía. Khi lấy ra, một lớp vỏ khoai dày thường khô cháy nhưng không khét, lòng khoai bên trong vàng rộm, dẻo như bột sắn lại nhưng không bở rệt như bị lùì trong bếp tro theo kiểu thông thường. Ủ một củ khoai (giá một NDT) vừa nướng chín, đảo qua lại vài lần trên tay để truyền hơi nóng và hương nồng của lớp vỏ khoai cháy rộp vào lớp da đã bị tê cứng trong một đêm đông ở xứ người, khách tha phương tưởng như bắt chợt tìm lại quê hương của mình trong lòng bàn tay!

Có hôm trời mưa dầm, đã tưởng ông cụ ở nhà, nhưng không, ông vẫn ngồi ẩn mình sau chiếc thân cây cổ hữu, lặng lẽ như bóng đêm. Im lặng là thế, nhưng khi nghe mấy tiếng Tàu lồm bồm của tôi: “Lão bá, nỉ hảo?” thì ông lại nhanh nhẩu chọn khoai, cân đếm tỉ mỉ, ra dấu giá tiền bằng mấy ngón tay, rồi lật bật cho khoai vào bao ni-lông. Chúng tôi vẫn hay giả vờ vô tình để lại chút tiền quan lễ, ông khẳng khái gạt đi. Ông cụ làm tôi nhớ đến những cụ bà bán xôi trên lề đường ở Hà Nội đã chạy theo tôi, nhất quyết trả lại vài ngàn đồng bạc nhỏ nhoi tôi đã bỏ quên!

Lần này trở lại Nam Kinh, chúng tôi cũng ghé qua để mua khoai như mọi khi, nhưng không thấy ông cụ ở chốn cũ. Quả tim cổ tri tưởng chừng đã hụt hẫng. Nhưng cảm ơn Trời Phật, ông vẫn còn đó, tuy ở một góc khác, với chiếc thùng phuy cổ hữu. Bóng ông to lớn, hiện ra rõ rệt dưới ánh sáng trong vắt hắt xuống từ cây cột đèn cao áp có lẽ vừa mới được lắp đặt không lâu. Tôi đã nghĩ (và thật lòng mong như thế) là ông đã quá ngao ngán với những đêm dài lê thê và ngột nghèo của mùa đông và đã tìm được nguồn ấm cúng trong mỗi giao tiếp với người đồng cảnh, một đồng hương nào đó cũng thường ngồi âm thầm ôm bóng đêm trong lòng như ôm cuộc đời của mình, cũng lặng lẽ như ông.

Rời Nam Kinh vào cuối tháng Mười, những cơn gió bắc giá buốt từ vùng Nội Mông đã bắt đầu nhuộm vàng những chiếc lá tiêu huyền nhiều cánh trong thành phố, tôi chân thành cầu mong mùa đông năm nay sẽ không lạnh lắm, để tôi còn có dịp gặp lại người cổ tri trong lần tới.

11-2002

Mùa thu Nam kinh

T

hiên nhiên vùng Giang Nam đã chí tình giăng cả một vùng trời thu trong xanh bao la để đón tiếp tôi, mặc dù tôi chẳng phải là một thi nhân nổi tiếng thời cổ hay một hoàng đế triều Thanh ưa ngao du.

Buổi sáng sớm, nắng thu vàng óng như mật ong nhẹ nhàng dấy lên từ dãy núi Trung Sơn Lĩnh xanh mờ ở phía xa, rồi lan tỏa ra khắp mọi cửa ngõ của thành phố Nam Kinh, như tô một lớp phấn hồng lên đôi má của một cô gái dậy thì còn ngái ngủ. Vào thời khắc đó mới thấy cái đẹp tuyệt vời của những hàng *cây dâu tây* (được các nhà ngôn ngữ siêu lãng mạn ở Việt Nam gán cho cái tên chữ là “*tiêu huyền!*”) san sát dọc hai bên các con đường chính của thành phố.

Dân Nam Kinh rất tự hào về những hàng cây “tán dù” này, mặc dù chúng có một lý lịch không mấy rõ ràng. Người ta đồn rằng những cây *sycamore* này đã được những người Pháp đem từ cố quốc sang trồng để xác nhận sự chiếm hữu của họ, sau khi liên quân Âu châu đánh bại loạn Thái bình thiên quốc vào cuối triều Mãn Thanh. Đó là cách giải thích dưới cái nhìn hạn hẹp của lịch sử, đượm màu sắc dân tộc tính. Ngày nay, dân Nam Kinh chẳng ai thắc mắc, vẫn nặn gì lời thôi, chỉ biết là những hàng cây đó đã tạo thành nét đẹp duyên dáng và độc đáo của Nam Kinh, nơi đã nhiều lần là kinh đô miền nam của nhiều triều đại người Hán và nhiều chế độ chính trị khác nhau suốt hàng ngàn năm. Những hàng cây cổ thụ trầm mặc như vươn những vòng tay khổng lồ ôm lấy thành phố mà che chở và an ủi thị dân trong những cơn bão tố, thăng trầm của lịch sử.

Người Việt nào đó phải cực kỳ lãng mạn mới có thể nghĩ ra cái tên *tiêu huyền* diệu kỳ đó. Hầu như những hàng cây tiêu huyền được rải ra trồng đều ở các đại lộ trong Nam Kinh và các thành phố quanh vùng Giang Nam, cho đến tận vùng Thượng Hải. Cây thường được cắt cụt ngọn ở chiều cao khoảng ba thước để đẩy hết sức sống qua

các cành chĩa ra bốn phía, tựa như những cánh tay hào hiệp giương những chiếc dù lớp lớp lá xanh che cho khách bộ hành trong những buổi trưa hè nắng chói chang. Lá cây tiêu huyền to cỡ lòng bàn tay, gồm năm cánh, có hình dáng như lá cây sồi ở phương Tây. Vào cuối thu, lá cây đổi màu từng lớp vàng nhạt, rồi chuyển sang màu rượu chát đỏ đậm, khiến cả thành phố rực rỡ, như những người đẹp mãn khai đang dạo chơi trong những chiếc áo gấm đỏ huyết dụ. Có lẽ đấy mới thực sự là lý do người lính viễn chinh Pháp đem trồng những cây *sycamore*, để tạo một “góc quê hương” ở xứ sở ngàn dặm xa xăm này!

Nghĩ cho cùng, kẻ tha hương nào mà không có một phút mềm lòng khi nghĩ về quê nhà:

“Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi mặt nhớ cố hương...”

(tạm dịch thơ Lý Bạch)

Nếu kể đến sự thay da đổi thịt ở bề mặt của Trung Quốc ở những thành phố cỡ lớn như Nam Kinh với những xa lộ hiện đại thẳng tắp, những tòa nhà cao tầng ngất ngưỡng, những cây cầu treo vĩ đại, những khu thương mại đồ sộ ... thiết tưởng cũng chỉ là những chuyện thời đại bình thường. Điều đáng nói là, bên cạnh những thay đổi tầm cỡ về vật chất, là những một sự biến dạng sâu xa trong cách sống và sinh hoạt công cộng của người dân bản xứ. Nói chung, người Trung Quốc vẫn còn ồn ào lắm, ăn ồn ào, nói ồn ào (nhất là các chủ nhân máy điện thoại di động) và... khạc nhổ ồn ào ngoài đường phố! Thế nhưng, trong cung cách sinh hoạt công cộng, đã có một bước cải thiện khá xa so với những thập niên trước. Người Trung Quốc vào cuối niên kỷ 1990 ăn mặc đàng hoàng hơn, nhà cửa gọn gàng hơn, khang trang hơn và đường phố ngăn nắp hơn.

Hàng quán ở Nam Kinh thường không lộng lẫy lắm, nhưng khá gọn ghẽ và xinh xắn, trên hẳn tiêu chuẩn vệ sinh thông thường. Nhà bếp và người hầu bàn đều mặc đồng phục tươm tất. Phần lớn các tiệm

ăn đều ghi bảng giá rất rõ ràng. Chỉ có những quán ăn “dã chiến” trước các cửa trường đại học và bệnh viện bình dân xem ra vẫn còn hỗn tạp và kém vệ sinh, nhưng không hiểu sao các vị “bạn dân” vẫn nhắm mắt làm ngơ, không ra tay dẹp bỏ. Ngược lại, các quây “lưu động” bán CD và các thứ tạp phẩm trên lề đường thường lúc nào cũng nhộn nhác, canh chừng xe cảnh sát hốt về “phủ de [1]”!

Thực ra, nền văn hóa ẩm thực hiện đại của Trung Quốc chỉ phát triển ở về cuối. Nhà hàng, quán ăn thì nhan nhản khắp phố phường, nhưng tìm đồ mát cũng không thấy một nơi để có thể nhâm nhi một ly trà, một tách cà phê. Muốn uống cà phê cho ra trò, bạn phải ghé vào một khách sạn cao cấp trên bốn-ngôi-sao, nơi giá một ly cà phê bằng một bữa cơm kha khá! Là xứ sở của các loại danh trà, nhưng người Trung Quốc hiện đại không cầu kỳ như các “trà nhân” thời xưa. Người đi làm hay đi học đều mang theo một chiếc bình nhựa nhỏ có nắp đậy đựng trà pha sẵn, thường đã nguội ngắt. Cách pha trà cũng rất giản dị, xác trà để nổi lều bều trên mặt nước, khi uống rất khó khăn để xác trà không luôn theo vào miệng.

Người Trung Quốc không ăn rau sống như các dân tộc khác ở miền nhiệt đới. Các loại rau đều được luộc như hay xào kỹ, khiến mất hết mùi vị, hương sắc của đất trời và vườn tược gắn bó với người như ở vùng phía Nam đất Việt. Món ăn nào cũng đậm vị xì dầu (*chàng dzũ*), dấm chua và thường rất mỡ màng. Sau một thời gian ngắn, ngán ngẩm yến tiệc, người lữ khách phương Nam đã bắt đầu khao khát những giọt nước mắt đậm đà, đậm thắm của quê hương.

Dân Nam Kinh có vẻ như rất “sĩ diện”, cũng như người Huế của ta thời xưa. Trời se lạnh một chút thì dù là người sửa xe đạp đầu đường, tài xế xe lôi, xe thồ, anh bán hàng rong, bảo vệ cơ quan, sinh viên, hay... giáo sư đại học đều se súa áo veste, áo dạ như nhau. Những ngày khô ráo, chí ít cũng áo màu nhạt bỏ trong quần, giày vớ cẩn thận, dù đang quét đường hay cuốc đất ngoài đồng. Áo quần nhiều chủng loại, giá cả phải chăng bày bán khắp nơi. Bình dân thì chọn veste giá 50 nhân dân tệ (NDT). Nếu muốn chơi sang thì vào các cửa hàng áo quần ngoại, nơi những cái máy chém từ

Hồng Kông hay Âu Mỹ sẵn sàng “hét” giá một bộ veste tới hơn 2.000 NDT!

Đa số người Trung Quốc rất thích dùng sản phẩm chế tạo trong nước, từ chai bia cho đến xe hơi du lịch. Một cuộc điều tra của chi nhánh Gallup gần đây cho thấy có đến hơn 80% người tiêu dùng chỉ chọn hàng sản xuất nội địa. Tuy vậy, hàng nhái rất phổ biến, được nhóm trẻ “ít tiền nhưng ham vui” ưa chuộng. Cà-vạt đủ loại được bày bán khắp nơi với giá thật mềm, chỉ từ 2-20 NDT.

Phần lớn đường sá ở Nam Kinh đều rất thoáng đãng và rộng rãi, được phân luồng rõ rệt cho xe hơi, xe đạp và người đi bộ. Mặc dù đây đó có đôi chút xâm phạm luật lệ giao thông cho có “chất người”, nhưng tựu trung người Trung Quốc tuân thủ luật lệ giao thông nghiêm túc hơn người Việt ta rất nhiều. So với tiêu chuẩn của ta, luật giao thông ở nước bạn xem ra có phần hơi gay gắt, chẳng hạn cấm chờ người ở yên sau xe đạp, cấm vứt tàn thuốc hay xả rác xuống đường. Nếu vi phạm, bạn sẽ bị phạt 50 NDT. Số tiền nhỏ đó không “hù dọa” được ai, nhưng đã giữ thành phố khá sạch sẽ và có trật tự vào mọi thời điểm trong ngày. Cũng nhờ luật pháp khắt khe mà dạo chơi phố xá suốt ngày, khách nhàn du cũng không thấy cảnh người người “ôm gốc cây” hay “diện bích”^[2] thiếu mỹ quan thường gặp ở bên nhà. Tương tự các thành phố khác ở Trung Quốc, phương tiện lưu thông chính ở Nam Kinh là xe đạp. Xe hơi và xe gắn máy chỉ là thiểu số trên đường phố. Cũng có thể một ai đó tạm “cầm nhảm” xe đạp của người khác, nhưng nói chung chẳng ai ngại phải để xe trên lề đường (trong các lô được phân định riêng), miễn là khóa xe cẩn thận. Hè phố thường được lát gạch bằng phẳng, rộng rãi, ẩn dưới những hàng cây um tùm, râm mát. Phố xá cũng không nhô ra, thụt vào, buôn bán chiếm lòng đường bừa bãi, vướng chân bộ hành. Ở những khu phố mới xây, các nhà thiết kế đô thị thường không quên đặt một luồng gạch riêng trên hè phố để người mù có thể nhận ra, không vướng vấp.

Tuy nhiên, phương tiện lưu thông chính trong thành phố vẫn là xe buýt. Giá xe taxi (loại xe “made in China” nhỏ, thế hệ đầu tiên của nền kỹ thuật chế tạo xe hơi Trung Quốc, trông đã rất tàn tạ) không

đắt lắm. Thông thường, bạn chỉ cần trả khoảng 7 NDT cho một cuốc xe trong chu vi thành phố. Còn nếu không muốn ngồi trong cái khung di chuyển rệu rã đầy bụi khói đó, bạn nên đi xe buýt, vừa rẻ lại vừa an toàn. Mạng lưới xe buýt trong thành phố rất dày, phủ gần hết các tuyến đường chính và được giữ gìn sạch sẽ, có trang bị băng tự động để báo cho hành khách biết các trạm đến bằng tiếng phổ thông và cả tiếng Anh với giọng ...Hoa rặt! Bạn chỉ cần chuẩn bị sẵn 1 NDT (tiền giấy hay tiền kẽm), bỏ vào thùng ở cửa lên là có thể ngồi trên xe đi bất cứ đâu trong thành phố. Dù không có người bán vé lẫn kiểm soát viên, nhưng nếu không có sẵn 1 NDT thì bạn không nên lên xe. Cũng là một cách tạo kỷ luật tự giác và trật tự lưu thông cho mọi công dân.

Những xe-buýt-một-giá này không phải là dấu vết duy nhất còn lại của chế độ “bao cấp xã hội” ở Trung Quốc. Dạo quanh một vòng đại học Nam Kinh, bạn sẽ thấy bên cạnh một Trung Quốc hiện đại hóa vẫn còn thấy có sự san sẻ cho những khu vực còn yếu kém, chưa thể tự lực cánh sinh trong xã hội đang phát triển. Phần lớn sinh viên vẫn được hưởng học bổng để trang trải tiền sách vở và ăn uống. Mặc dù phòng ốc còn hiếm hoi (tám sinh viên chia một phòng ở ký túc xá giữa trung tâm thành phố), nhưng những dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức khá hữu hiệu với giá rất rẻ. Căng-tin sinh viên thoáng đãng và sạch sẽ, có rất nhiều quầy để lựa chọn món ăn. Mỗi sinh viên thường sắm một thẻ nhựa từ tính có mệnh giá 100 NDT, mỗi lần mua chỉ cần đút vào máy tính tự động ở quầy để trừ tiền bữa ăn. Nhưng phải nói là “dễ thương” nhất ở khuôn viên đại học xá là cảnh các “kiều nữ” Trung Quốc xách bình thủy đủ màu xanh, đỏ đi lấy nước nóng đun sôi sau buổi cơm chiều (giá một bình là 10 xu NDT). Cũng vào khoảng giờ đó, các “cô ghè, cậu cừ” tương lai tay xách túi và chậu nhựa hướng về nhà tắm công cộng duy nhất trong khuôn viên trường đại học (mỗi lần “tẩy trần” tốn 1,8 NDT). Phải chờ đến lúc các “cô nương” ra khỏi nhà tắm, tóc ướt đầm, hai má hây hây ửng hồng, bước chân nhẹ nhàng thanh thoát, mới ngấm được toàn bộ cái “duyên dáng” của một thời “bao cấp” còn lại. Nhưng bạn cũng đừng vội lạc quan mà quên đi mặt tiêu cực cần phải xét lại: để có thể cung cấp đủ nước nóng tắm và nấu nướng thường nhật cho gần 5.000 sinh viên, những lò máy hơi đồ sộ trong trường phải tiêu

thụ một số lượng than khổng lồ và các ống khói cao nghều nghều cứ xả những đám mây xám ngùn ngụt lên trời. Thế nhưng, trên biểu đồ ô nhiễm của các thành phố lớn ở Trung Quốc được công bố hàng tuần trên báo *China Daily*, Nam Kinh vẫn được xếp vào hạng ưu!

Dĩ nhiên không có cuộc “thay da đổi thịt” nào mà không gây đau đớn, nhưng Nam Kinh cũng có thể cung cấp một số kinh nghiệm “giảm đau” trong quá trình đô thị hóa. Bên cạnh những khối bê tông xám xịt, màu xanh của thiên nhiên vẫn còn bành bạc. Nam Kinh đã không chặt phá những hàng cây tiêu huyền để mở rộng đường phố, mà tìm cách điều hòa lượng xe cộ lưu thông cho hợp lý hơn. Những cánh rừng bạt ngàn bao quanh thành phố (nơi tọa lạc lăng tẩm của các vị vua triều Minh đầu tiên và nhà cách mạng Tôn Dật Tiên) vẫn được giữ gìn, tôn tạo và chăm bón kỹ càng như lá phổi của thành phố gần 5 triệu người. Các nhà thiết kế Trung Quốc cũng không quá quan tâm đến mối lợi “tối ưu hóa mặt bằng” mà thu hẹp các khoảng không gian xanh của các công trình công cộng. Đâu đâu cũng thấy cỏ, cây, hoa, lá được phối trí hài hòa, chăm sóc cẩn thận, làm đẹp các con đường, công viên hay quảng trường thoáng đãng. Các công viên thường là nơi lai vãng của lớp người cao tuổi, hiện đã chiếm gần hết 10% tổng dân số toàn quốc. Họ đến đó hàng ngày để tập dưỡng sinh buổi sáng, đọc báo miễn phí, khiêu vũ, múa quạt, đánh cờ và bàn chuyện... thế sự thảnh thơi dưới bóng mát của cây cối và tiếng hót của chim muông.

Còn gì nữa nhỉ? Làn sóng đô thị hóa như một cơn thủy triều chụp xuống Nam Kinh nhưng vẫn chưa phủ hết các góc ngách nhỏ bé của đời thường giản dị đáng yêu. Ở cổng sau của trường Đại học Nam Kinh, tôi vẫn có một cụ già đặt chiếc thùng phuy, nướng khoai theo kiểu cổ truyền bán cho lũ sinh viên “mạnh ăn nhưng yếu tiền”. Một tối cuối thu, trên đường đi dạo trở về, bạn hãy ghé qua đó trước khi vào nhà. Chỉ 1 NDT, ông cụ sẽ chọn cho bạn củ khoai nướng còn nóng hổi. Cứ giữ chúng một lát, xuyt xoa cho ấm hai lòng bàn tay rồi hăng bẻ ra. Ôi chao, cái màu vàng óng ả đó sao mà giống những miếng khoai vùi của mùa đông miền Trung thời trẻ xa xưa thế! *Xa xưa* mà tựa như rất gần. Cứ thế mà ngòm ngòm, nuốt

cho hết hương vị ngọt ngào vào lòng. Nếu cần thì ghêu ngao “đói lòng ăn nửa củ khoai ...”, bạn sẽ ngấn người, tự hỏi: sao tự dừng lại nhớ nhà đến thế nhỉ?

9-1999

[1] Đồn cảnh sát, nói trại theo tiếng Pháp

[2] “nhìn tường”

Giã từ Giang Nam

T

huở nhỏ, tôi thường được nghe các nhà thơ lãng tử kháo nhau về cảnh đẹp ở Trung Quốc: “Trên trời có thiên đường, dưới đất có Tô, Hàng”. Đó là nói đến hai vùng đất danh lam thắng cảnh nổi tiếng, không những ngày nay mà hàng trăm năm trước Thiên Chúa giáng sinh ở vùng Giang Nam. Cũng như hội chứng du lịch tân thời “tôi đã có mặt ở đây” (*I was here*), vùng đất hạ lưu của sông Dương Tử đã ghi dấu chân của hầu hết đại thi hào cổ thời như Lý Thái Bạch, Đỗ Phủ, Tô Đông Pha, Thôi Hiệu, Bạch Cư Dị, Đỗ Mục, không quên nhà-thơ-hoàng-gia-tài-tử Càn Long! Nhiều vần thơ xướng họa trác tuyệt của họ đã được khắc lên những bức tường, trong những khu vườn cổ của các nhà mạnh thường quân ‘phú quý sinh lễ nghĩa’ học đòi yêu thơ.

Nghe nói trong một lần đi sứ sang Trung Quốc, Tiên đế Nguyễn Du - nhà thơ tài hoa của Việt Nam - cũng có ghé Hàng Châu và đã để lại đôi câu thất ngôn tứ tuyệt, mà bút tích vẫn còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Chính tại nơi đây, thi sĩ họ Nguyễn đã đứng trên cầu Tiền đường, thài ghé những dòng thơ đầu tiên của Truyện Kiều bất hủ! Và một giai thoại trong làng thơ đã làm nhiều tấm lòng đa cảm thổn thức: cũng ở tại Hàng Châu này, nhà thơ tài hoa Lý Bạch trong một cơn say lúy túy đã buông mình nhảy xuống Tây Hồ để ôm mảnh trăng rằm vào lòng, rồi đi luôn vào thế giới mộng ảo^[1]. Si tình với cảnh hồ như ông thì chỉ có Lamartine ở phương Tây mới sánh kịp, nhưng thi hào họ Lý cũng phải chờ đến hơn 12 thế kỷ sau mới có được người đồng điệu!

Vào cuối thiên niên kỷ thứ hai, với phương tiện giao thông hiện đại, bạn có thể từ Thượng Hải đến Hàng Châu và Tô Châu bằng xe lửa hay xe khách trong vòng vài tiếng đồng hồ, chẳng cần phải ngồi nhâm nhi ấm trà Long Tĩnh, lên đênh trên chiếc thuyền con từ ngày này sang ngày khác, như các nhà thơ cổ đời Đường. Chiều

chiều, từ Tô Châu còn có dịch vụ du lịch trên nước đưa bạn đi Hàng Châu, xuyên qua các con rạch nằm phơi mình dưới những cây cầu đá nhỏ mái vòm cong xinh xắn. Từ những chiếc thuyền trang bị hiện đại, bạn vẫn có thể thả hồn theo những hàng liễu rũ tóc, la đà hai bên bờ kênh. Tối đến có thể ngồi nhâm nhi một ly Mao đài ngát hương, trong ánh đèn lồng màu đỏ từ những dãy nhà cổ, thấp, đầy rêu phong, hát xuống lòng thuyền chao đảo.

Tất cả hầu như đều còn đó, nhưng sao khách lãng du phương Nam vẫn nghe một ai đó, vừa đi thăm Tô, Hàng trở về, đã không để linh hồn ở lại cùng với vùng thiên đàng hạ giới này, mà lại quay mặt thờ dài:

“Tô Châu cảnh cũ chẳng còn,

Giai nhân đã vắng, anh hùng làm chi!”

(Tạm phỏng thơ của bạn hiền Vũ Đức)

À, thì ra là thế! Cái đẹp tao nhã và thi vị trong phong thái hưởng đời nhàn nhã cố hữu của người Việt ta phải có đủ bộ: trà ngon, rượu ngọt, cảnh đẹp và nhất là phải phảng phất (chỉ phảng phất thôi nhé, để giữ tính chất thanh tao của hồn thơ!) bóng dáng thướt tha của các nàng tố nữ! Thử đi một vòng qua Vô Tích, Dương Châu, Nam Kinh, Tô Châu, Hàng Châu, để chứng kiến tận mắt biết bao cảnh “vật đổi sao dời” của Trung Quốc mở cửa thời nay, mới cảm thông được nỗi lòng hoài cổ của người lữ khách từ phương Nam.

Càng đi về phía đông, tiếp giáp với cửa khẩu Thượng Hải, dấu vết thời vàng son của vùng Giang Nam càng rõ nét qua một kiến trúc đặc thù. Phần lớn những ngôi nhà (kể cả những ngôi nhà mới xây theo kiểu hiện đại) đều có vòm cuốn trên mái, ở giữa thường đặt một phù điêu trang trí nhỏ (cây tùng, tượng phước-lộc-thọ, hoa thược dược) để tạo phúc cho gia đình chủ nhân. Thế nhưng, ngoại trừ những nơi đã được khoanh thành khu bảo tồn và phục chế nhằm phục vụ mục đích khai thác tiềm năng du lịch, những dãy phố cổ *mi-ni* xinh xắn thời xưa hầu như không còn nữa. Điều đó tưởng cũng chẳng có gì lạ. Vùng Giang Nam vốn là nơi phồn hoa đô hội

của vùng trung nguyên đã hơn hai thiên niên kỷ, hiển nhiên những cái còn lại hiện nay để người đời nhìn ngắm chẳng phải là những cảnh trí nguyên thủy như trong hoài niệm.

Trong số những tác nhân góp phần phá hủy cảnh đẹp kỳ thú của Tô, Hàng tàn bạo nhất, phải kể đến con người. Sau thời ngũ đại, thập quốc, là một loạt các cuộc tao loạn, tàn phá liên tục qua các triều đại, mãi đến nạn Thái bình thiên quốc vào đầu thế kỷ, Giang Nam tưởng đã khó lòng tồn tại. Nhưng phải chờ đến khi các bàn tay hung hãn của “vệ binh đỏ” hung hãn xuống tay thì hầu hết các lâu đài, miếu mạo, danh lam, thắng cảnh của vùng Giang, Tô mới thật sự đi vào dĩ vãng! Ngày nay, các hướng dẫn viên du lịch thường xuống giọng, mở một dấu ngoặc trong lời thuyết minh cho khách tham quan, là có lần thủ tướng Chu Ân Lai đã phải xuống tận Hàng Châu “van nài” các “hung thần đỏ mũi lỗ chưa sạch” xin bỏ qua, không tàn phá một số danh lam nổi tiếng hiếm hoi còn lại của Trung Quốc. Nhờ thế mà khách nhân du từ năm châu ngày nay còn có được những khu vườn tư nhân để thưởng ngoạn và trầm trồ, mặc dù phần lớn thực sự chỉ là tân tạo, phỏng theo các phiên bản cũ.

Dù mới hay cũ, những khu vườn tư nhân ở Dương Châu, Tô Châu và Hàng Châu quả thật là những thiên đàng *mi-ni* dưới thế. Trước đây, những khu vườn của vị hưu quan khiêm nhường, ngư ông hay của Hà gia, Cát gia, là những không gian riêng rẽ, rất cá nhân, là nơi các vị quan đã chán ngấy hoạn lộ “qui khứ lai từ”, hay các phú hộ buôn muối và hàng lụa lấm của, lấm tiền thềm cảnh nhàn hạ, hoặc các lãnh chúa đã ngán cảnh chém giết muốn tìm lại chút tĩnh lặng cho tâm hồn. Sau 1949, tất cả những khu vườn tư nhân này đã được sung công, mở rộng cửa cho khách bốn phương thưởng lãm. Phải mở những cánh cửa đó ra mới thấy được các ngón nghề tuyệt xảo của nghệ nhân tạo vườn ngày xưa và mức xa hoa tột cùng của các phú hộ thời phong kiến!

Bình thường, các khu vườn xưa thường được gọi là Tây viên vì được thiết kế về phía mặt trời lặn để hứng trọn tất cả ánh sáng trong ngày, rất cần thiết cho khí hậu ẩm thấp ở vùng Giang Nam. Đá dùng để xây hòn non bộ thì lấy lên từ lòng Thái Hồ ở Vô Tích, gạch

lót đường thì được ghe, thuyền thò về từ các lò chuyên nung gạch cho các lăng, tẩm triều Minh, cây cảnh thì qui tụ từ khắp mọi miền đất nước để thu hết hương hoa của thiên nhiên vào một khoảng đất hẹp, thường không lớn hơn 2, 3 mẫu tây. Cũng trong chu vi nhỏ hẹp đó, những ngôi nhà mái ngói xanh cong vút, những con đường lát đá ngoằn ngoèo, những hòn non bộ đầy dáng vẻ, nhà thủy tạ xinh xắn, dòng suối mơ màng, cùng chung với trăng, nước, hoa, cỏ và chim muông dựng lên một cảnh trí hài hòa, năng động nhưng tĩnh lặng, làm nhẹ hẳn lòng khách nhàn du.

Trong cái cảnh trí tuyệt hảo ấy, nhâm nhi một tách danh trà, uống cạn một chén rượu ngọt còn quyến mùi da thịt trinh nguyên do tận tay mỹ nữ rót mời, xướng một câu thơ ửng ý giữa đám bạn hiền lãng tử trong hội tao đàn, mới thật sự đáng gọi là trọn hưởng mùi đời! Mời bạn hãy đến ngồi chơi ở một ngôi nhà thủy tạ bằng gỗ trắc đen nhánh, có những cửa sổ che bằng lụa Tô Châu mỏng, bốn cửa lớn mở ra cảnh trí tứ thời: cửa xuân thì có những cảnh mai trắng, hồng khoe sắc; cửa hạ thì cả một hồ sen thơm ngát; cửa thu thì thênh thang một vườn cúc; cửa đông thì rào rạt một rừng trúc. Nếu muốn ngắm cảnh tuyết rơi thì dựng một bức tường ở vùng ngoại cảnh, quét vôi trắng xóa. Có viên ngoại chơi ngông còn cho xây cả một nhà riêng biệt bên cạnh hồ, để khi trời mưa, hẹn bạn tri âm nhâm nhi tách trà, chén rượu, thường thức tiếng mưa rơi trên thánh thót những cánh lá sen trong hồ!

Nếu có dịp, bạn nên ghé thăm Tây Hồ cho biết. Lưu truyền rằng những ngày mưa bụi đầu xuân thì cảnh trí Tây Hồ mới thật tuyệt hảo. Mặt hồ mênh mông được dát một lớp bạc mỏng, như hơi sương lãng đãng không bến bờ. Quanh hồ là những loại mai trắng, hồng và đỏ nở rộ, ngả nghiêng trong gió, dưới nước thì cá chép vàng bơi lội tung tăng. Thời gian tưởng như dừng lại vì mọi sự dường như không thật nữa. Muốn thăm thú cho hết các chùa chiền, đền miếu quanh hồ cũng mất đôi ba ngày. Một cái thú tiêu khiển nhàn hạ cần nhiều thì giờ!

Nhưng đó chỉ là những cảnh vườn riêng rẽ còn lưu giữ được tinh túy của nền kiến trúc cổ của Trung Hoa và những khu hồ thiên nhiên

chưa mất hết cái duyên dáng trời cho, còn sót lại trong cơn bão đô thị hóa và hiện đại hóa ngày nay. Chỉ cần hai thập niên ngắn ngủi, với những phương tiện hiện đại và lòng nhiệt thành phá bỏ để xây dựng của con người, cái đẹp của vùng Giang, Tô hầu như đã bị mai một.

Đã đành là những con kênh nhỏ, những hàng liễu rũ, những cây cầu mái vòm tròn, những con thuyền gỗ lững lờ trên nước, những chiếc lồng đèn đỏ, những cao lâu, tửu quán vẫn còn đó, nhưng “tám hồn thu thảo” của vùng Giang, Tô không còn nữa! Nó như một cô gái được chưng diện diêm dúa để lên xe hoa lần thứ hai, nhưng trái tim thì nàng đã gửi cho một ai đó mất rồi, như một người đẹp không tim!

“Giai nhân đâu vắng?” khiến khách anh hùng chạnh lòng nhớ nhung? Quả vậy, không còn cảnh các kiều nữ chân thon, ngòai xõa tóc, giặt lụa dọc bờ sông (phải nói là kênh, rạch mới đúng), chỉ thấy những cô bán hàng lưu niệm rành rỏi, chào mời ríu rít không khép miệng, chuyên vớt tiền thối lại cho khách! Bạn còn phải mặc cả tận tình, nếu không, có thể hớ đến gấp ba bốn lần! Cái nhàn nhã, thi vị của lượt là áo lụa, tay phất phơ quạt trầm, dừng lại bên cầu dõi theo dáng ai đó nhẹ nhàng như sương khói, lẩn khuất sau những mảnh tường rêu phong chẳng còn đâu nữa. Trên suốt chiều dọc của thành phố nước ở Tô Châu khách du lịch bốn phương chen chúc trên những con hẻm nhỏ giữa hai dãy phố thấp lè tè (bóng dáng khu phố cổ ở Hội An) chỉ để tự nhìn ngắm mình; dưới nước cũng thuyền bè tấp nập trên những dòng kênh, rạch đã mất đi màu trong xanh nguyên thủy, ồn ào náo động khắp cảnh quan.

Cơn lũ đô thị hóa đã cuốn đi những thiên đàng còn sót lại trên mặt đất và phá tan sự hài hòa vốn có giữa thiên nhiên và con người của thời xa xưa. Bầu trời Giang Nam như luôn luôn có một màn sương bao phủ vì nạn ô nhiễm công nghiệp và khói than^[2]. Nhiều khu nhà cổ đã được phá bỏ, nhường chỗ cho những khu thương mại hiện đại. Trong chiều hướng phát triển chung, những dãy nhà cao tầng lừng lững đã trở thành cảnh quan quen thuộc của những thành phố đang lên ở Trung Quốc.

Cuộc giao tranh giữa truyền thống và hiện đại hầu như không khoan nhượng. Khu thương mại mới ở Tô Châu, vốn là niềm tự hào của thời mở cửa, là một kiến trúc hỗn tạp tân, cổ giao duyên, với các cửa hàng KFC, Mc Donalds chen lẫn với cao lầu, tửu quán cổ truyền.

Hầu hết chùa chiền không còn là nơi thờ phượng trang nghiêm nữa. Linh Sơn tự nằm bên Thái Hồ bao la ở Vô Tích là một sự phô trương vô tiền khoáng hậu, không hương khói, không tăng ni sư sãi, với một tượng Phật dát đồng khổng lồ, cao gần 90 thước, sừng sững trên một ngọn đồi ngời chờ khách du lịch chụp ảnh lưu niệm, trong tiếng phóng thanh tụng niệm nghe như một loại hợp xướng tân thời! Người Trung Quốc hiện đại hầu như không còn thói quen chiêm bái và cúng tế nữa, khác hẳn với Hoa kiều ở nước ngoài sùng bái đủ loại tín ngưỡng, đến độ mê tín dị đoan. Ngôi chùa lớn (ít ai phân biệt được *đền* của Lão giáo và *chùa* của Phật giáo) được phục chế nằm giữa trung tâm thương mại ở Tô Châu chỉ nhằm phục vụ khách du lịch hơn thiện nam tín nữ. Hai dãy nhà ngang đồ sộ, vốn là nơi ngự trị của các vị thần thiện, ác và 36 tượng La Hán, nay trở thành những dãy tiệm bán đủ loại hàng hóa, kể cả áo quần ngắn phụ nữ! Một cuộc thương mại hóa không nương tay, rất phổ biến khắp vùng Giang Nam! Chẳng biết rồi đây cái gì sẽ còn lại sau cơn toàn cầu hóa rợn rùng của niên kỷ mới.

“Tô Châu cảnh cũ chẳng còn”. Thôi, cũng đành bắt chước Thôi Hiệu giã từ Giang, Tô trong... tiếng thở dài: “Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông!”. Mà người đẹp má hồng mơn mớn như quả đào tươi của ngôi vườn cổ kia thì cũng đã quá xa vời. Thân xác của nàng có lẽ đã hòa lẫn với cát bụi cả gần một thiên niên kỷ rồi, đâu mới chỉ là năm ngoái đâu mà tiếc, mà nhớ!

Thôi thì cứ cho cô nàng ngủ yên trong hoài niệm, như cảnh thiên đường hạ giới Tô, Hàng được ủ trong tâm tưởng của các thi nhân lãng tử, để còn có đề tài mà kháo nhau lúc trà dư, tửu hậu nữa chứ!

Nam Kinh, lập đông 1999

[1] Thật ra, đại thi hào họ Lý đã không từ già cõi trần với vàng trắng trong tay, mà chết trên giường bệnh vào năm 762, thọ 61 tuổi, tại nhà ông chú ruột ở huyện Dang Tụ.

[2] Mức ô nhiễm do khói than trầm trọng đến nỗi, theo báo chí chính thức đưa tin, Bắc Kinh đã phải đóng cửa hàng trăm xí nghiệp ở thủ đô, để phục hồi màu xanh thiên nhiên của mùa thu, hầu kịp tô điểm cho ngày kỷ niệm 50 năm thành lập CHNDTH!

Thượng Hải xanh

Ta đợi, ta tìm nơi vắng vẻ,

Người khôn, người đến chốn lao xao...

Nguyễn Bình Khiêm

K

hách viếng Thượng Hải trong những năm đầu thiên niên kỷ mới thường rời thành phố này (mệnh danh là Paris của phương Đông) với những cảm giác khác nhau. Người thì kinh ngạc trước sức bật lên kỳ diệu của Phố Đông, kẻ thì choáng ngợp trước vẻ đồ sộ tân kỳ của tháp Hòn ngọc viễn đông (Pearl Orient TV Tower) đối diện với khu The Bund cổ kính nối liền với phố Tây Tạng và Nam Kinh vẫn còn giữ nét quý phái kiêu kỳ của phương Tây. Cũng có không ít người trầm tư về sự phát triển “như nắm hoang sau cơn mưa rào” của những tòa nhà chọc trời, nhưng ít ai cảm nhận được là Thượng Hải vẫn còn giữ được nét yêu kiều muôn thuở của nó nhờ những công viên lớn nhỏ và những khu vườn rợp bóng cây xanh, cỏ mượt và hoa tươi bốn mùa. Những khoảng không gian xanh này hoặc được tôn phục hoặc mới vừa xây dựng trải đều trong thành phố như những viên sỏi xinh xắn giữa một ma trận, nối một “vòng tay lớn” cùng với những hàng cây tiêu huyền rộng tán dọc các con đường, ngày đêm tận tụy chắt lọc bầu không khí ô nhiễm bởi khói xe và bụi bặm công nghiệp thải ra từ một thành phố khổng lồ 17 triệu dân. Đồng thời, chúng cũng cống hiến những phút thư giãn cần thiết cho từng ấy người, suốt ngày như quay cuồng với cuộc sinh tồn căng thẳng như dây cung, dường như chỉ thấy điểm bắt đầu mà không thấy điểm chấm dứt.

Vào một ngày đẹp trời, quá ngán ngẫm với những khối xi măng vô tri vô giác hay các cuộc mua sắm rã rời chân cẳng ư? Bạn có thể giờ bán đồ thành phố, chọn bất cứ một trong những điểm màu xanh

lá cây nổi lên giữa những con đường thu nhỏ chằng chịt như một bàn cờ rối rắm và thường xuyên nao động. Tất cả những điểm xanh đó đều có thể hứa hẹn một buổi dạo như ý, tùy thuộc vào chủ đích giải trí hay thư giãn của bạn.

Thượng Hải được phân chia làm hai phần bởi con sông Hoàng Phố và các công viên trong thành phố được phân bố đều đặn giữa hai khu Phố Tây cũ (*Puxi*) và khu Phố Đông mới (*Pudong*). Có những công viên rộng hàng trăm mẫu tây, nhưng cũng có những mẫu vườn chỉ thu gọn chu vi vào trong vài sào với những kiến trúc cổ đặc biệt của vùng Giang Nam. Chỉ riêng vùng tả ngạn sông Hoàng Phố đã có hàng chục công viên lớn như Zhongshan, Fuxing, Huangxing, Yangpu, Changfeng, Daning, Zhabei, Luxun, Heping, Qiyang và các công viên “nhỏ và vừa” như Taiping Qiao, Xiangyang, Jing’ An, Xujiahui, Tianshan... Các công viên ở phía hữu ngạn thường rộng hơn về kích cỡ và tân kỳ hơn về dáng vóc và phương tiện giải trí như Century, Datang Shengshi, Celebrity, Fuxing, Changshou, Huaihai, Yuyuan, Penglai... vì chỉ mới được xây dựng cùng thời với đà phát triển của khu công nghiệp Phố Đông trong vòng hai thập niên vừa qua.

Mỗi công viên thường có tính đặc thù và chức năng riêng, gắn liền với sở thích của người khách dạo. Giải thích điều này, anh bạn tôi đã triết lý: “Bạn hãy cho tôi biết bạn thường viếng công viên nào, tôi sẽ cho biết tính cách riêng của con người bạn”. Dù ở dạng thức hay địa điểm nào, những công viên ở Thượng Hải đều có những đặc tính chung là “xanh mát, sạch sẽ, an toàn và yên tĩnh”. Phần lớn được chăm sóc rất kỹ lưỡng bởi một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và tận tâm, thường xuyên thu vén, tỉa tách và chăm sóc từng ngọn cỏ, cánh hoa, viên gạch lát đường như là nhà của chính mình. Thùng rác và nhà vệ sinh, với nhiều kiểu dáng phù hợp mới môi trường thiên nhiên chung quanh, được đặt khắp nơi.

Đối với đa số cư dân Thượng Hải, công viên đã trở thành một phần đời sống thường nhật “bất khả ly” của họ. Thanh thiếu niên thường đến công viên Changfeng để bơi thuyền từng cặp hoặc hẹn hò. Công viên Jing’An là nơi tụ tập của các nghệ sĩ thư pháp, các nhạc

sĩ đạo nghiệp dư và khách nhàn du. Những công dân cao niên thường chọn công viên Huaihai để tập dưỡng sinh hay trò chuyện bên những bàn cờ; trong khi các thanh niên trai tráng thường luyện tập chạy xe đạp ở công viên Century mãi tận bên Phố Đông. Công viên Xiangyang chỉ cách khu buôn bán hàng lưu niệm và quần áo nổi tiếng trên đường Huaihai một quãng ngắn là nơi “tạm nghỉ chân” của “nam thanh, nữ tú” sau hàng giờ mua sắm miệt mài vào cuối tuần. Các bà trung niên thường vào công viên từng nhóm để cùng múa nón, đi quyền kiếm, hay phát dải lụa uốn éo thân hình theo tiếng nhạc dập dìu từ chiếc máy *cassette* nhỏ mang theo. Những cuộc biểu diễn “tự biên, tự diễn” đột xuất như thế thường hấp dẫn nhiều khách du khách người nước ngoài hiếu kỳ. Ai cũng ngần ngại khi các bà dừng tay, không hẳn vì màn múa lướt là như “khúc nghệ thường” đời Đường, mà vì những đường nét ẻo lả của những tấm thân thướt tha và mảnh mai mà chắc chắn những lớp mỡ màng “vô tích sự” đã được loại bỏ trong quá trình luyện tập đều đặn và kiên trì ở công viên!

Cũng có những khách lai vãng ở các công viên với những mục đích thật khác thường. Chẳng hạn ông Yang Qing, một cư dân vào độ tuổi tứ tuần, thì hình như có mặt thường xuyên ở công viên Zhongshan dù trời mưa hay nắng, không phải để dạo chơi, đọc báo, tập dưỡng sinh hay cái gì khác, mà chỉ để... thả diều! Ông đeo một đôi kính mát đen che hết hai vòm mắt – một điều kiện cần thiết của một người thả diều chuyên nghiệp- để theo dõi và điều hướng tác phẩm do chính ông làm lấy đang vùng vẫy trong gió lồng lộng giữa trời cao. Những con diều rực rỡ sắc màu xanh, đỏ hình con rồng và diều hâu của ông quả thật là những tuyệt phẩm được chế tạo... bằng những que diêm, túi ni-lông và những ống hút bụi.

Với nhiều mảng sinh hoạt đa dạng, công viên ở Thượng Hải đã thoát ra ngoài khuôn mẫu thường tình của các công viên phương Tây, thường chỉ là nơi dạo chơi thư giãn trong ngày và cuối tuần cho người và vật nuôi giữ trong nhà, đặc biệt là chó. Nếu muốn nhận ra rõ sự khác biệt tiêu biểu giữa đông và tây về lĩnh vực công viên, trong lần viếng thăm Thượng Hải kỳ tới bạn chỉ cần bỏ ra một ngày để viếng công viên Zhongshan và Fuxing. Cho dù có mang

dáng vẻ thuần túy Trung Hoa với những mái ngói lưu li cong cao vút hay những chiếc ghế sắt màu xanh rêu kiểu dáng phương Tây, những công viên ở Thượng Hải chắc chắn sẽ cống hiến bạn một cuộc dạo chơi thoải mái và nhẹ nhàng trong một ốc đảo đầy cỏ cây xanh mướt và yên vắng mọc lên lẻ loi giữa những khối bê tông vô hồn và nặng nề bao quanh lúc nào cũng như muốn đè xuống người bạn, ở một trong những thành phố lớn nhất của hành tinh trái đất này.

2000